



Hướng dẫn sử dụng trực tuyến

DCP-B7600DB

DCP-B7620DW

DCP-B7620DWB

DCP-B7640DW

DCP-B7640DWB

MFC-B7810DW

MFC-B7810DWB

Mục lục

Trước khi sử dụng máy	1
Định nghĩa các mục lưu ý	2
Các nhãn hiệu	3
Giấy phép mã nguồn mở	4
Bản quyền và Giấy phép	5
Lưu ý quan trọng	6
Giới thiệu về máy của bạn	7
Trước khi sử dụng máy	8
Tổng quan về bảng điều khiển	9
Cách nhập văn bản vào máy	14
Truy cập Brother Utilities (Windows)	16
Gỡ cài đặt phần mềm và trình điều khiển (Windows)	17
Truy cập Brother iPrint&Scan (Windows/Mac)	18
Vị trí cổng đầu vào/đầu ra trên máy	19
Xử lý giấy	20
Nạp giấy	21
Nạp giấy vào Khay Giấy	22
Nạp và in Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế và Giấy bông trong Khe nạp bằng tay	25
Nạp và in trên giấy dày và giấy nhãn bằng khe nạp bằng tay	27
Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay	29
Thiết đặt giấy	31
Thay đổi khổ giấy và loại giấy	32
Thay đổi thiết đặt kiểm tra giấy	33
Nạp tài liệu	34
Nạp tài liệu vào Bộ nạp tài liệu tự động (ADF)	35
Nạp tài liệu trên kính máy quét	36
Vùng không thể quét và vùng không thể in	37
Sử dụng giấy đặc biệt	38
Xử lý sự cố	39
Thông báo lỗi và bảo trì	40
Không thể in hoặc quét - Truyền fax	45
Kẹt tài liệu	49
Tài liệu bị kẹt ở đầu bộ ADF	50
Tài liệu bị kẹt dưới nắp tài liệu	51
Lấy các mảnh giấy nhỏ bị kẹt ra khỏi ADF	52
Kẹt giấy	53
Lấy giấy bị kẹt ra	54
Giấy bị kẹt trong khay giấy	55
Giấy bị kẹt ở khay giấy đầu ra	57
Giấy bị kẹt ở phía sau máy	58
Giấy bị kẹt bên trong máy	60
Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt	62
Vấn đề khi in	64
Cải thiện chất lượng in	67
Vấn đề về điện thoại và fax	72

Thiết đặt Phát hiện âm quay số.....	75
Thiết đặt khả năng tương thích của đường dây điện thoại cho các hệ thống gây can nhiễu và VoIP.....	76
Vấn đề về mạng.....	77
Thông báo lỗi.....	78
Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng (Windows).....	79
Nếu bạn đang gặp vấn đề với mạng của máy.....	80
Các vấn đề về AirPrint.....	86
Vấn đề khác.....	87
Kiểm tra thông tin của máy.....	89
Cập nhật firmware của máy.....	90
Đặt lại máy.....	91
Tổng quan về Chức năng Đặt lại.....	92
Bảo trì thường lệ.....	93
Thay thế vật tư.....	94
Thay Hộp mực.....	96
Thay Bộ trống mực.....	99
Đặt lại Bộ đếm Trống mực.....	102
Vệ sinh máy.....	103
Vệ sinh máy quét.....	104
Vệ sinh Dây Corona.....	105
Vệ sinh Bộ trống mực.....	106
Vệ sinh trục cuộn lấy giấy.....	109
Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận.....	110
Đóng gói và vận chuyển máy của bạn.....	111
Thiết đặt máy.....	113
Kiểm tra mật khẩu của máy.....	114
Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển.....	115
Trong trường hợp mất điện (Lưu trữ bộ nhớ).....	116
Thiết đặt chung.....	117
In báo cáo.....	133
Bảng thiết đặt và tính năng.....	136
Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web.....	157
Quản lý dựa trên Web là gì?.....	158
Truy cập tính năng Quản lý trên nền Web.....	160
Thay đổi mật khẩu đăng nhập bằng Quản lý trên nền web.....	162
Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng tính năng Quản lý trên nền Web.....	163
Phụ lục.....	164
Thông số kỹ thuật.....	165
Vật tư.....	172
Trợ giúp và hỗ trợ khách hàng của Brother.....	173

Trước khi sử dụng máy

- Định nghĩa các mục lưu ý
- Các nhãn hiệu
- Giấy phép mã nguồn mở
- Bản quyền và Giấy phép
- Lưu ý quan trọng

Định nghĩa các mục lưu ý

Chúng tôi sử dụng các ký hiệu và quy ước sau xuyên suốt Hướng dẫn sử dụng này:

 CẢNH BÁO	CẢNH BÁO cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến chết người hoặc thương tích nghiêm trọng.
 THẬN TRỌNG	THẬN TRỌNG cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc ít nghiêm trọng.
QUAN TRỌNG	QUAN TRỌNG cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến thiệt hại cho tài sản hoặc hỏng chức năng sản phẩm.
LƯU Ý	LƯU Ý quy định môi trường hoạt động, điều kiện lắp đặt hoặc điều kiện sử dụng đặc biệt.
	Các biểu tượng gợi ý sẽ chỉ ra những gợi ý hữu ích và thông tin bổ sung.
	Biểu tượng Nguy hiểm điện cảnh báo bạn về khả năng bị điện giật.
	Biểu tượng Nguy hiểm hỏa hoạn cảnh báo bạn về nguy cơ hỏa hoạn.
	Biểu tượng Bề mặt nóng cảnh báo bạn không được chạm vào bộ phận máy đang nóng.
	Biểu tượng Cấm cho biết hành động mà bạn không được thực hiện.
In đậm	Chữ in đậm xác định các nút trên bảng điều khiển của máy hoặc màn hình máy tính.
<i>In nghiêng</i>	Chữ in nghiêng nhấn mạnh điểm quan trọng hoặc giới thiệu với bạn chủ đề liên quan.
Courier New	Phông chữ Courier New xác định thông báo hiển thị trên màn hình LCD của máy.

Thông tin liên quan

- Trước khi sử dụng máy

Các nhãn hiệu

Apple, App Store, AirPrint, logo AirPrint, Mac, macOS, iPadOS, iPad, iPhone, iPod touch và Safari là các nhãn hiệu của Apple Inc., đã đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

Nuance và PaperPort là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đăng ký của Nuance Communications, Inc. hoặc các công ty con của nó tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Adobe®, Reader®, PostScript và PostScript 3 là các nhãn hiệu đã đăng ký hoặc nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Wi-Fi®, Wi-Fi Alliance®, và Wi-Fi Direct® là các nhãn hiệu đã đăng ký của Wi-Fi Alliance®.

WPA™, WPA2™, WPA3™, Wi-Fi CERTIFIED và Wi-Fi Protected Setup là các nhãn hiệu của Wi-Fi Alliance®.

Android, Google Drive và Google Play là các nhãn hiệu của Google LLC. Việc sử dụng các nhãn hiệu này phải tuân theo Giấy phép của Google.

Mopria™ và biểu tượng Mopria™ là các nhãn hiệu đã được đăng ký và/hoặc chưa được đăng ký của Mopria Alliance, Inc. tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Nghiêm cấm việc sử dụng trái phép.

EVERNOTE là nhãn hiệu của Evernote Corporation và được sử dụng theo giấy phép.

Nhãn chữ Bluetooth® là nhãn hiệu đăng ký thuộc quyền sở hữu của Bluetooth SIG, Inc. và bất kỳ việc sử dụng nhãn nào như vậy bởi Brother Industries, Ltd. đều phải có giấy phép. Các nhãn hiệu và tên thương mại khác là của các chủ sở hữu tương ứng.

Mỗi công ty có tên phần mềm được đề cập trong sách hướng dẫn sử dụng này có một Thỏa thuận cấp phép phần mềm dành riêng cho các chương trình độc quyền của họ.

Nhãn hiệu Phần mềm

FlashFX® là nhãn hiệu đăng ký của Datalight, Inc.

FlashFX® Pro™ là nhãn hiệu của Datalight, Inc.

FlashFX® Tera™ là nhãn hiệu của Datalight, Inc.

Reliance™ là nhãn hiệu của Datalight, Inc.

Reliance Nitro™ là nhãn hiệu của Datalight, Inc.

Datalight® là nhãn hiệu đăng ký của Datalight, Inc.

Bất kỳ tên thương hiệu và tên sản phẩm nào của công ty xuất hiện trên các sản phẩm của Brother, các tài liệu có liên quan và bất kỳ tài liệu nào khác là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đăng ký của công ty tương ứng đó.



Thông tin liên quan

- Trước khi sử dụng máy

Giấy phép mã nguồn mở

Sản phẩm này bao gồm phần mềm nguồn mở.

Để xem Ghi chú cấp phép mã nguồn mở và Thông tin bản quyền, hãy truy cập trang **Manuals (Sách hướng dẫn sử dụng)** cho model của bạn tại support.brother.com/manuals.



Thông tin liên quan

- Trước khi sử dụng máy
-

Bản quyền và Giấy phép

©2023 Công ty Brother Industries, Ltd. Bảo lưu mọi quyền.

Sản phẩm này gồm có phần mềm được phát triển bởi các nhà cung cấp sau:

Sản phẩm này gồm có phần mềm “KASAGO TCP/IP” được phát triển bởi Công ty ZUKEN ELMIC.

Bản quyền 1989-2020 Công ty Datalight, Bảo lưu mọi quyền.

FlashFX® Copyright 1998-2020 Datalight, Inc.



Thông tin liên quan

- [Trước khi sử dụng máy](#)

Lưu ý quan trọng

- Kiểm tra support.brother.com/downloads để có được bản cập nhật trình điều khiển và phần mềm Brother.
- Để giữ cho hiệu suất máy của bạn cập nhật, hãy kiểm tra support.brother.com/downloads để có bản nâng cấp firmware mới nhất. Nếu không, một số chức năng của máy có thể không có.
- Không sử dụng sản phẩm này bên ngoài quốc gia mua máy vì điều này có thể vi phạm quy định về viễn thông và truyền điện không dây của quốc gia đó.
- Một số model không sẵn có ở một số quốc gia.
- Trước khi giao máy của bạn cho người khác, thay thế hoặc vứt bỏ nó, chúng tôi thực sự khuyên bạn nên đặt lại máy về cài đặt gốc để xóa tất cả thông tin cá nhân.
- Windows 10 trong tài liệu này đại diện cho Windows 10 Home, Windows 10 Pro, Windows 10 Education và Windows 10 Enterprise.
- Windows 11 trong tài liệu này đại diện cho Windows 11 Home, Windows 11 Pro, Windows 11 Education và Windows 11 Enterprise.
- Các màn hình hoặc hình ảnh trong Hướng dẫn sử dụng này chỉ nhằm mục đích minh họa và có thể khác với màn hình hoặc hình ảnh của sản phẩm thực tế.
- Trừ khi có quy định khác, các màn hình trong hướng dẫn này là từ Windows 10. Màn hình trên máy tính của bạn có thể thay đổi tùy theo hệ điều hành của bạn.
- Nội dung của tài liệu này và các thông số kỹ thuật của sản phẩm này có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
- Không phải tất cả tính năng đều khả dụng ở các quốc gia có áp dụng hạn chế xuất dữ liệu.



Thông tin liên quan

- [Trước khi sử dụng máy](#)

Giới thiệu về máy của bạn

- Trước khi sử dụng máy
- Tổng quan về bảng điều khiển
- Cách nhập văn bản vào máy
- Truy cập Brother Utilities (Windows)
- Truy cập Brother iPrint&Scan (Windows/Mac)
- Vị trí cổng đầu vào/đầu ra trên máy

Trước khi sử dụng máy

Trước khi thực hiện bất kỳ thao tác in nào, hãy xác nhận những điều sau:

- Đảm bảo rằng bạn đã cài đặt đúng phần mềm và các trình điều khiển cho máy của mình.
- Đối với người dùng USB hoặc cáp mạng: Đảm bảo cáp giao diện được nối thật chắc chắn.

Tường lửa (Windows)

Nếu máy tính được tường lửa bảo vệ và bạn không thể in qua mạng, quét qua mạng hoặc dùng PC-FAX, bạn có thể cần cấu hình thiết đặt tường lửa. Nếu bạn đang sử dụng Tường lửa Windows và bạn đã cài đặt các trình điều khiển theo các bước trong trình cài đặt, thì các thiết đặt tường lửa cần thiết đã được thiết lập. Nếu bạn đang sử dụng bất kỳ phần mềm tường lửa cá nhân nào khác, xem Hướng dẫn sử dụng cho phần mềm của bạn hoặc liên hệ với nhà sản xuất phần mềm.



Thông tin liên quan

- [Giới thiệu về máy của bạn](#)
-

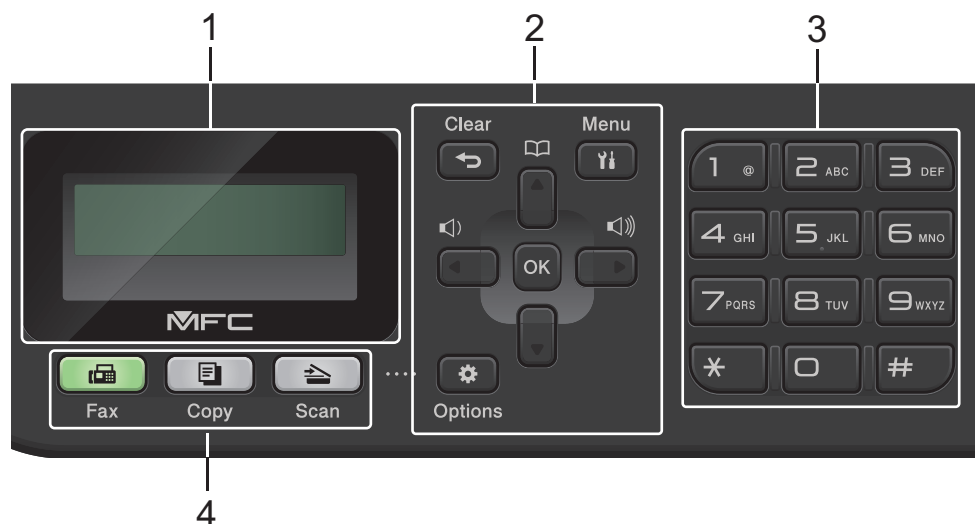
Tổng quan về bảng điều khiển

Bảng điều khiển có thể thay đổi tùy theo model của bạn.

>> MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

>> DCP-B7600DB/DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB

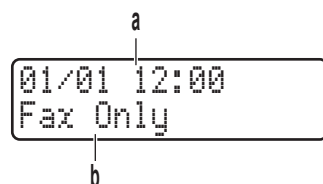
MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB



1. Màn hình tinh thể lỏng (LCD)

Hiển thị thông báo để giúp bạn cài đặt và sử dụng máy.

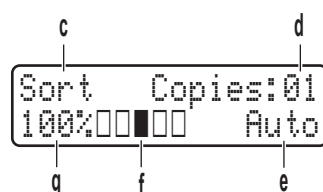
Nếu máy ở Chế độ fax, màn hình LCD hiển thị:



a. Ngày & thời gian

b. Chế độ nhận

Khi bạn bấm **COPY (SAO CHÉP)**, màn hình LCD hiển thị:



c. Loại sao chép

d. Số bản sao

e. Chất lượng

f. Độ tương phản

g. Tỷ lệ sao chép

2. Nút menu

Clear (Xóa)

Bấm để xóa dữ liệu đã nhập hoặc hủy thiết đặt hiện tại.

Menu

Bấm để truy cập vào Menu lập trình thiết đặt máy của bạn.

OK

Bấm để lưu trữ thiết đặt máy của bạn.

◀ hoặc ▶

Bấm để cuộn qua lại giữa các lựa chọn menu.

▲ hoặc ▼

- Bấm để cuộn lên xuống giữa các menu và tùy chọn.
- Bấm để thay đổi độ phân giải trong Chế độ fax.



Bấm  để truy cập số quay số nhanh.

Options (Tùy chọn)

Nhấn để truy cập các cài đặt tạm thời để gửi fax, quét hoặc sao chép.

3. Bàn phím quay số

- Sử dụng để quay số fax và số điện thoại.
- Sử dụng làm bàn phím để nhập văn bản hoặc ký tự.

4. Nút chế độ

FAX

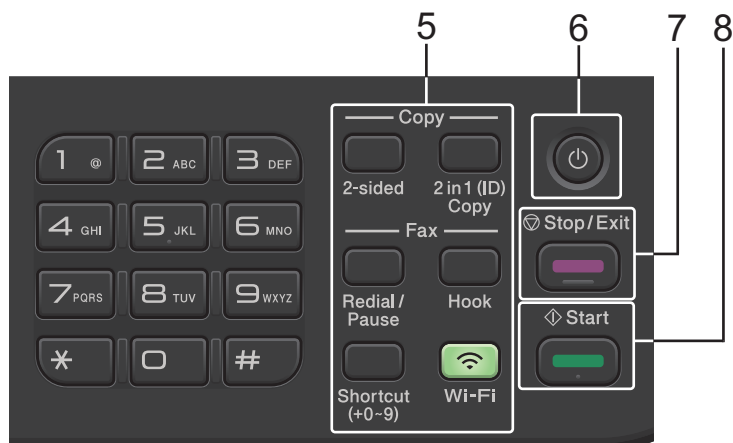
Bấm để chuyển đổi máy sang Chế độ Fax.

COPY (SAO CHÉP)

Bấm để chuyển đổi máy sang Chế độ Sao chép.

SCAN (QUÉT)

Bấm để chuyển máy sang Chế độ quét.



5. Nút chức năng

Redial/Pause (Quay số lại/Tạm dừng)

Bấm để quay số gần nhất bạn đã gọi. Nút này cũng chèn một khoảng tạm dừng khi lập trình quay số nhanh hoặc khi quay số bằng tay.

Hook (Báo nhận)

Bấm **Hook (Báo nhận)** trước khi quay số để đảm bảo là có máy fax trả lời, rồi bấm **Start (Bắt đầu)**.

Nếu máy ở Chế độ Fax/Tel (F/T) và bạn nhắc ống nghe của điện thoại gắn ngoài trong khi F/T đổ chuông (đổ chuông giả kếp), bấm **Hook (Báo nhận)** để nói chuyện.

Wi-Fi (dành cho các model có mạng không dây)

Bấm và giữ nút **Wi-Fi**, rồi khởi chạy trình cài đặt không dây trên máy tính của bạn. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cài đặt kết nối không dây giữa máy và mạng của bạn.

Khi đèn **Wi-Fi** bật nghĩa là máy của bạn được kết nối với điểm truy cập không dây. Khi đèn **Wi-Fi** nhấp nháy nghĩa là kết nối không dây yếu hoặc máy của bạn đang trong quá trình kết nối với điểm truy cập không dây.

Resolution (Độ phân giải) (chỉ dành cho một số model nhất định)

Bấm để thay đổi Độ phân giải fax.

2 in 1 (ID) Copy (Sao chép 2 trong 1 (ID))

Bấm để sao chép cả hai mặt thẻ chứng minh thư lên một trang.

2-sided (2 mặt)



Bấm để sao chép lên cả hai mặt của một tờ giấy.

Shortcut (Phím tắt)

Lưu trữ và gọi lại lên đến mười số fax và số điện thoại.

Để truy cập các số điện thoại và fax bằng Lối tắt đã lưu trữ, hãy bấm giữ nút **Shortcut (Phím tắt)**, rồi nhấn số Lối tắt mà bạn đã chỉ định cho số fax hoặc số điện thoại, sử dụng bàn phím quay số.

6. Bật/Tắt nguồn

- Bật máy bằng cách bấm .
- Tắt máy bằng cách bấm và giữ . Màn hình LCD hiển thị [Shutting Down (Đang tắt máy)] và duy trì bật trong vài giây trước khi tắt. Nếu bạn có điện thoại hoặc TAD gắn ngoài đang kết nối, các thiết bị này luôn sử dụng được.

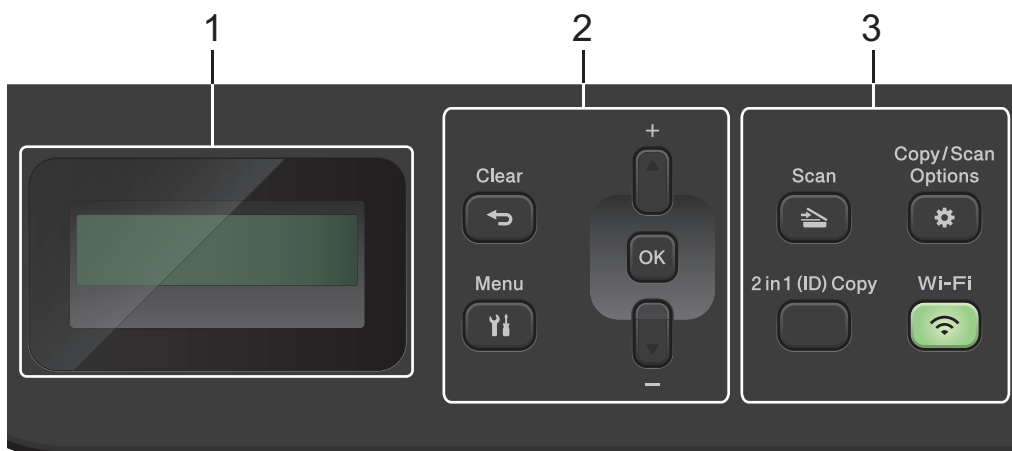
7. Stop/Exit (Dừng/Thoát)

- Bấm để dừng thao tác.
- Bấm để thoát menu.

8. Start (Bắt đầu)

- Bấm để bắt đầu gửi fax.
- Bấm để bắt đầu sao chép.
- Bấm để bắt đầu quét tài liệu.

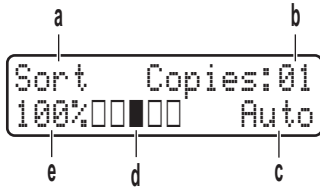
DCP-B7600DB/DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB



1. Màn hình tinh thể lỏng (LCD)

Hiển thị thông báo để giúp bạn cài đặt và sử dụng máy.

Nếu máy ở Chế độ Sẵn sàng hoặc Chế độ Sao chép, màn hình LCD sẽ hiển thị:



- a. Loại sao chép
- b. Số bản sao
- c. Chất lượng
- d. Độ tương phản
- e. Tỷ lệ sao chép

2. Nút menu

Menu

Bấm để truy cập vào menu lập trình thiết đặt máy của bạn.

Clear (Xóa)

- Bấm để xóa dữ liệu đã nhập.
- Bấm để hủy thiết đặt hiện tại.

OK

Bấm để lưu trữ thiết đặt máy của bạn.

▲ hoặc ▼

Bấm để cuộn lên xuống giữa các menu và tùy chọn.

3. Nút chức năng

Copy/Scan Options(Sao chép/Quét Tùy chọn)

Nhấn để truy cập các cài đặt tạm thời để quét hoặc sao chép.

Wi-Fi (dành cho các model có mạng không dây)

Bấm và giữ nút **Wi-Fi**, rồi khởi chạy trình cài đặt không dây trên máy tính của bạn. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cài đặt kết nối không dây giữa máy và mạng của bạn.

Khi đèn **Wi-Fi** bật nghĩa là máy của bạn được kết nối với điểm truy cập không dây. Khi đèn **Wi-Fi** nhấp nháy nghĩa là kết nối không dây yếu hoặc máy của bạn đang trong quá trình kết nối với điểm truy cập không dây.

Scan (Quét)

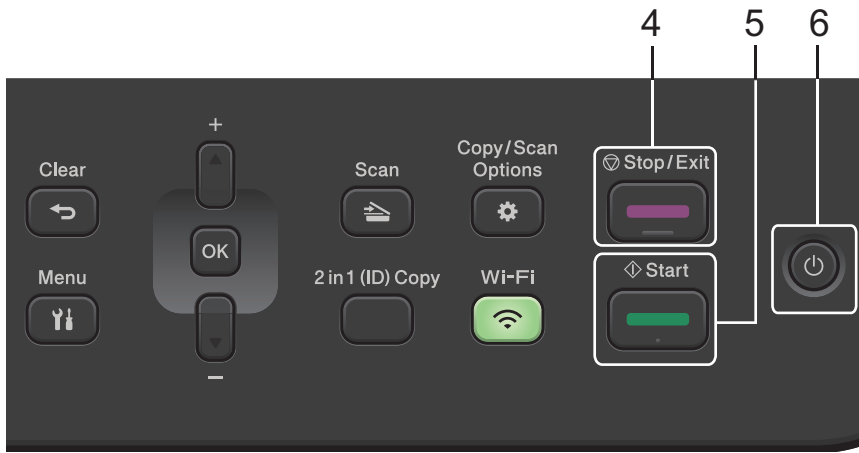
Bấm để chuyển máy sang Chế độ quét.

2 in 1 (ID) Copy (Sao chép 2 trong 1 (ID))

Bấm để sao chép cả hai mặt thẻ chứng minh thư lên một trang.

2-sided (2 mặt) (chỉ dành cho một số model nhất định)

Bấm để sao chép lên cả hai mặt của một tờ giấy.





4. Stop/Exit (Dừng/Thoát)

- Bấm để dừng thao tác.
- Bấm để thoát menu.

5. Start (Bắt đầu)

- Bấm để bắt đầu sao chép.
- Bấm để bắt đầu quét tài liệu.

6. Bật/Tắt nguồn

- Bật máy bằng cách bấm .
- Tắt máy bằng cách bấm và giữ . Màn hình LCD hiển thị [Shutting Down (Đang tắt máy)] và duy trì bật trong vài giây trước khi tắt.



Thông tin liên quan

- [Giới thiệu về máy của bạn](#)

Cách nhập văn bản vào máy

>> [DCP-B7600DB/DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB](#)
 >> [MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB](#)

DCP-B7600DB/DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB

Khi văn bản được yêu cầu, hãy nhập các ký tự có trên máy. Các ký tự có sẵn có thể thay đổi tùy theo thao tác vận hành mà bạn thực hiện.

- Giữ hoặc bấm liên tục ▲ hoặc ▼ để chọn một ký tự từ danh sách này:
 0123456789abcdefghijklmnopqrstuvwxyzABCDEFGHIJKLMNOPQRSTUVWXYZ(space)!"#\$%&'()*+,-./:;<=>?
 @[!^_{}~
- Bấm **OK** khi ký tự hoặc ký hiệu mà bạn muốn được hiển thị, rồi nhập ký tự tiếp theo.
- Bấm **Clear (Xóa)** để xóa ký tự nhập sai.

MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Khi văn bản được yêu cầu, hãy nhập các ký tự có trên máy. Các ký tự có sẵn có thể thay đổi tùy theo thao tác vận hành mà bạn thực hiện.

Các nút 0, # và * được sử dụng cho ký tự đặc biệt.

(Đối với các chữ cái Kirin) Các nút # và * được sử dụng cho các ký tự đặc biệt.

- Bấm nút bàn phím quay số thích hợp theo số lần trong bảng tham khảo này để có được ký tự bạn muốn.

Bấm nút	Một lần	Hai lần	Ba lần	Bốn lần	Năm lần	Sáu lần	Bảy lần	Tám lần	Chín lần
1	@	.	/	1	@	.	/	1	@
2	a	b	c	A	B	C	2	a	b
3	d	e	f	D	E	F	3	d	e
4	g	h	i	G	H	I	4	g	h
5	j	k	l	J	K	L	5	j	k
6	m	n	o	M	N	O	6	m	n
7	p	q	r	s	P	Q	R	S	7
8	t	u	v	T	U	V	8	t	u
9	w	x	y	z	W	X	Y	Z	9

(Đối với các chữ cái Kirin)

Bấm nút	Một lần	Hai lần	Ba lần	Bốn lần	Năm lần	Sáu lần	Bảy lần	Tám lần	Chín lần	Mười lần	Mười một lần	Mười hai lần	Mười ba lần
2	A	B	C	a	b	c	A	Б	В	Г	2	A	B
3	D	E	F	d	e	f	Д	Е	Ё	Ж	3	D	E
4	G	H	I	g	h	i	З	И	Й	К	4	G	H
5	J	K	L	j	k	l	Л	М	Н	О	5	J	K
6	M	N	O	m	n	o	П	Р	С	Т	6	M	N
7	P	Q	R	S	p	q	r	s	У	Ф	X	Ц	7
8	T	U	V	t	u	v	Ч	Ш	Щ	Ъ	Ы	8	T
9	W	X	Y	Z	w	x	y	z	Ь	Э	Ю	Я	9

- Chèn khoảng trắng
Để chèn khoảng trắng vào số fax, bấm ► một lần giữa các số. Để chèn khoảng trắng vào tên, bấm ► hai lần giữa các ký tự.
- Sửa đổi
Nếu bạn đã nhập sai ký tự và muốn thay đổi ký tự đó, bấm ◀ hoặc ► để di chuyển con trỏ đến ký tự sai, rồi bấm **Clear (Xóa)**.
- Lặp lại chữ
Để nhập một chữ trên cùng nút của ký tự trước đó, bấm ► để di chuyển con trỏ sang phải trước khi bấm lại nút đó.
- Ký hiệu và ký tự đặc biệt
Bấm *, # hoặc 0, rồi bấm ◀ hoặc ► để di chuyển con trỏ đến ký hiệu hoặc ký tự bạn muốn. Bấm **OK** để chọn ký hiệu hoặc ký tự đó. Ký hiệu và ký tự có sẵn trên nút bàn phím quay số được cho trong bảng.



Bấm *	(khoảng trắng) ! " # \$ % & ' () * + , - . / €
Bấm #	: ; < = > ? @ [] ^ _ \ ~ ' { }
Bấm 0 (Không áp dụng đối với các chữ cái Kirin)	À È Ò Û À Ç È É 0

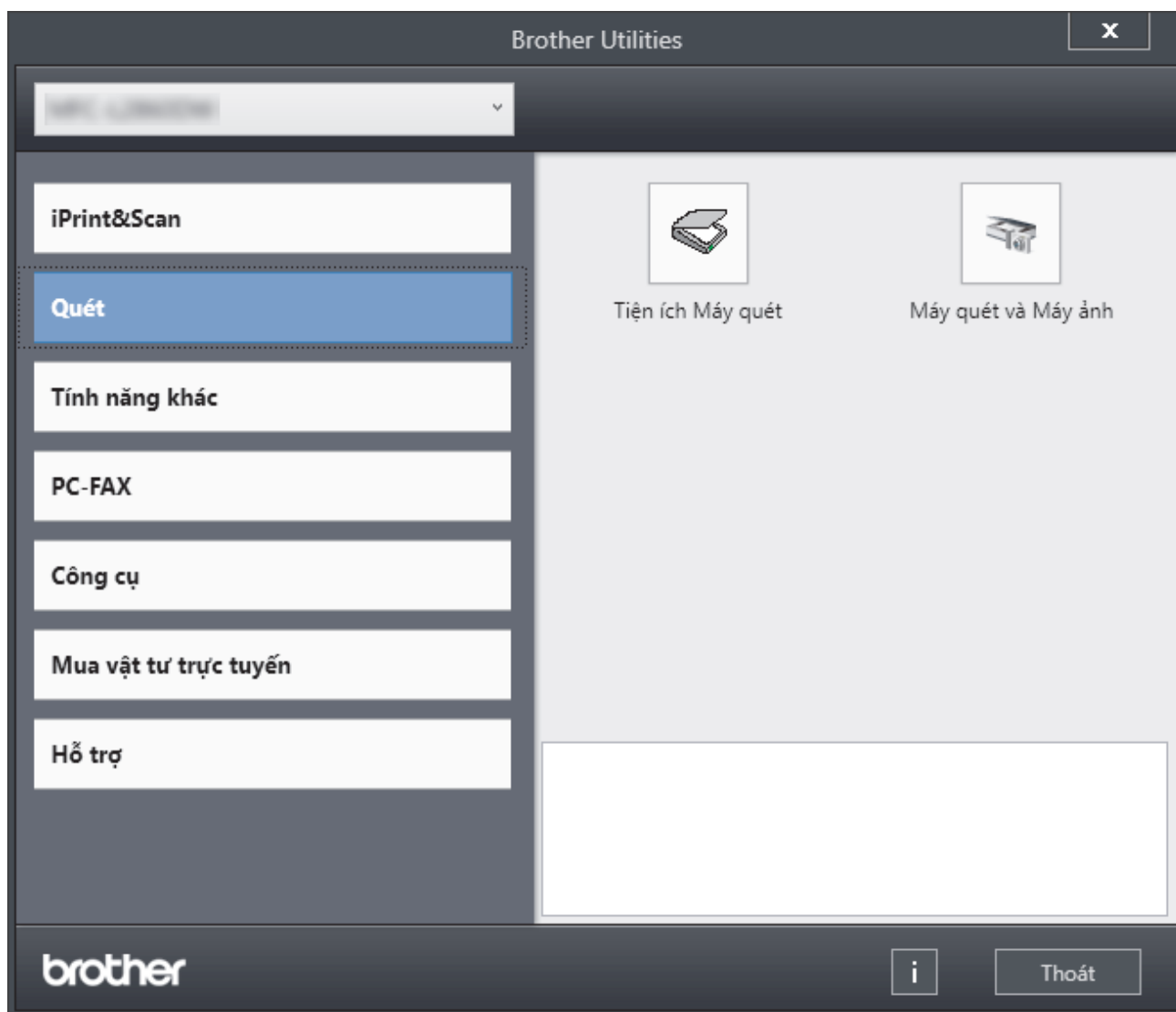
✓ Thông tin liên quan

- [Giới thiệu về máy của bạn](#)
- Chủ đề liên quan:**
- [Thiết đặt ID trạm của bạn](#)

Truy cập Brother Utilities (Windows)

Brother Utilities là trình khởi chạy ứng dụng giúp bạn truy cập một cách tiện lợi vào tất cả các ứng dụng của Brother được cài đặt trên máy tính của bạn.

- Thực hiện một trong các thao tác sau:
 - (Windows 11)
Nhấp vào  > **Tất cả ứng dụng** > **Brother** > **Brother Utilities**.
 - (Windows 10)
Nhấp vào  > **Brother** > **Brother Utilities**.
- Chọn máy của bạn.





- Chọn tùy chọn mà bạn muốn.

Thông tin liên quan

- [Giới thiệu về máy của bạn](#)
 - [Gỡ cài đặt phần mềm và trình điều khiển \(Windows\)](#)

Gỡ cài đặt phần mềm và trình điều khiển (Windows)

- Thực hiện một trong các thao tác sau:
 - Windows 11
Nhấp vào  > **Tất cả ứng dụng** > **Brother** > **Brother Utilities**.
 - Windows 10
Nhấp vào  > **Brother** > **Brother Utilities**.
- Chọn model của bạn từ danh sách thả xuống (nếu chưa chọn).
- Nhấp vào **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái.
 - Nếu không nhìn thấy biểu tượng **Thông báo Cập nhật Phần mềm**, hãy chọn và nhấp vào **Kiểm tra ngay** > **Kiểm tra các Bản Cập nhật Phần mềm** > **Cập nhật**. Làm theo hướng dẫn trên màn hình.
 - Nếu không nhìn thấy biểu tượng **Thông báo Cập nhật Phần mềm**, hãy chuyển đến bước tiếp theo.
- Nhấp **Gỡ Cài đặt** vào **Công cụ** phần **Brother Utilities**.
Thực hiện theo các hướng dẫn trong hộp thoại để gỡ cài đặt phần mềm và các trình điều khiển.



Thông tin liên quan



- [Truy cập Brother Utilities \(Windows\)](#)

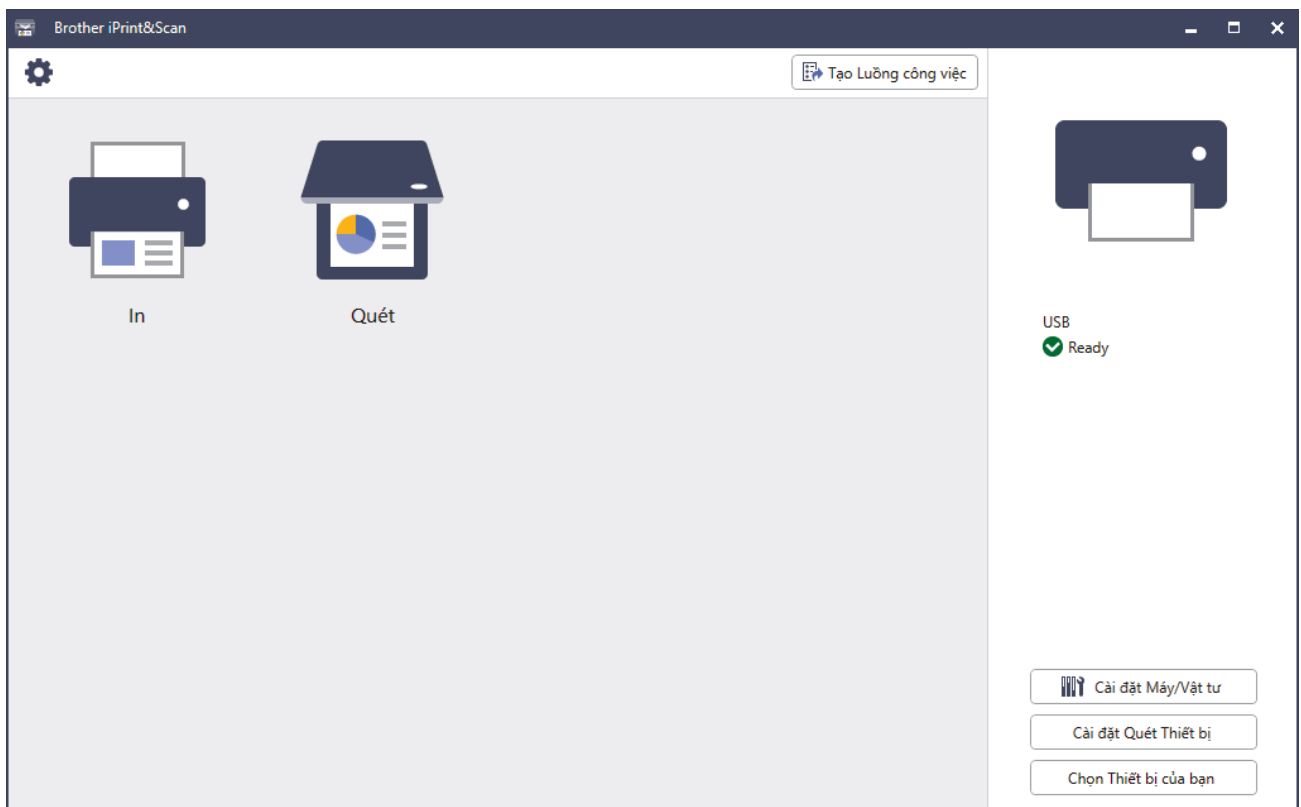
Truy cập Brother iPrint&Scan (Windows/Mac)

Sử dụng Brother iPrint&Scan cho Windows và Mac để in và quét từ máy tính.

- Chức năng này không có ở các quốc gia có áp dụng quy định xuất khẩu.
 - **Đề tải xuống phiên bản mới nhất:**
 - Đối với Windows:
Truy cập trang **Downloads** cho model của bạn tại support.brother.com/downloads, rồi tải xuống và cài đặt Brother iPrint&Scan.
 - Dành cho Mac: (DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB)
Tải xuống và cài đặt Brother iPrint&Scan từ Apple App Store.
- Nếu được nhắc, hãy cài đặt trình điều khiển và phần mềm cần thiết để sử dụng máy. Tải xuống trình điều khiển và phần mềm mới nhất của máy từ trang **Downloads** cho model của bạn tại địa chỉ support.brother.com/downloads.

1. Thực hiện một trong các thao tác sau:

- Windows 11
Nhấp vào  > **Tất cả ứng dụng** > **Brother** > **Brother iPrint&Scan**.
- Windows 10
Nhấp vào  > **Brother** > **Brother iPrint&Scan**.



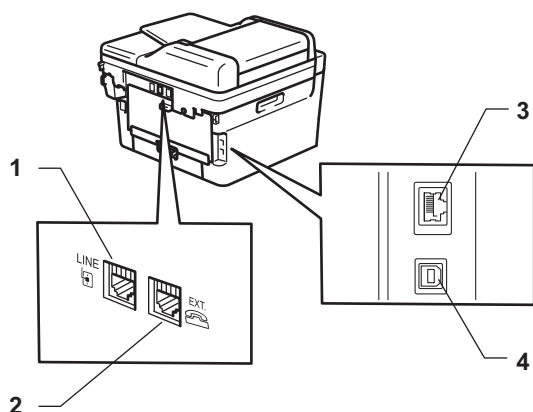
Màn hình thực tế có thể khác tùy thuộc vào phiên bản của ứng dụng.

Thông tin liên quan

- [Giới thiệu về máy của bạn](#)

Vị trí cổng đầu vào/đầu ra trên máy

Các cổng đầu vào/đầu ra nằm ở mặt trước và mặt sau của máy.



1. LINE(Đối với model MFC)
2. EXT.(Đối với model MFC)
3. Cổng 10BASE-T / 100BASE-TX (Dành cho các model có mạng)
4. Cổng USB

Khi kết nối USB hoặc cáp mạng, hãy thực hiện theo hướng dẫn trong trình cài đặt phần mềm/trình điều khiển.

Để cài đặt trình điều khiển và phần mềm cần thiết cho việc vận hành máy, hãy truy cập trang **Downloads** cho model của bạn tại support.brother.com/downloads.



Thông tin liên quan

- [Giới thiệu về máy của bạn](#)

Xử lý giấy

- Nạp giấy
- Thiết đặt giấy
- Nạp tài liệu
- Vùng không thể quét và vùng không thể in
- Sử dụng giấy đặc biệt

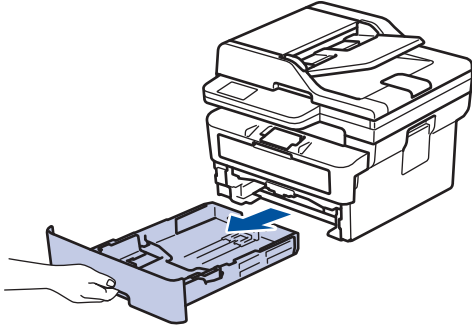
Nạp giấy

- Nạp giấy vào Khay Giấy
- Nạp và in Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế và Giấy bông trong Khe nạp bằng tay
- Nạp và in trên giấy dày và giấy nhẵn bằng khe nạp bằng tay
- Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay

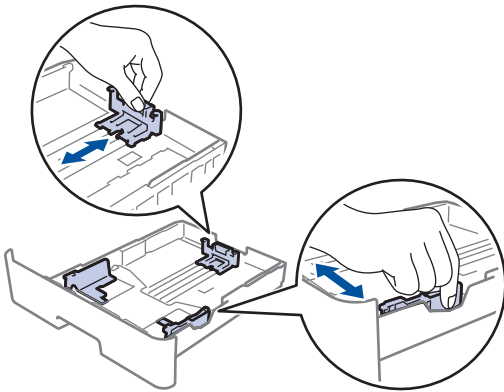
Nạp giấy vào khay Giấy


- Nếu thiết đặt Kiểm tra giấy được đặt thành **Bật** và bạn kéo khay giấy ra khỏi máy, một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình LCD hỏi xem liệu bạn có muốn thay đổi khổ giấy và loại giấy hay không. Nếu cần, hãy thay đổi những thiết đặt này bằng cách thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình LCD.
- Khi bạn nạp khổ giấy và loại giấy khác trong khay, bạn cũng phải thay đổi thiết đặt **Khổ giấy** và **Loại giấy** trên máy hoặc trên máy tính của bạn.

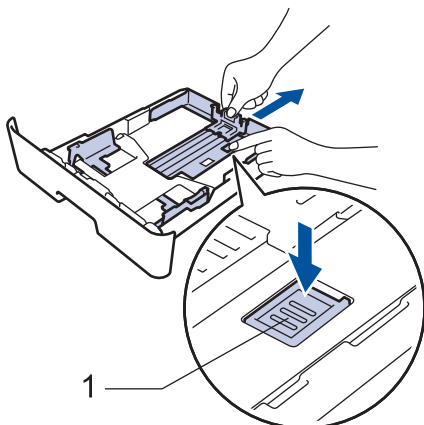
1. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.



2. Bấm và trượt thanh dẫn giấy cho vừa với giấy.
Bấm cần nhà màu xanh lá cây để trượt thanh dẫn giấy.

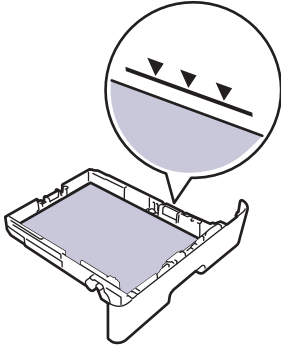


-  Đối với giấy khổ Legal hoặc Folio, bấm nút nhà (1) ở đáy khay giấy, rồi kéo mặt sau của khay giấy ra. (Giấy khổ Legal và Folio không có ở một số khu vực).

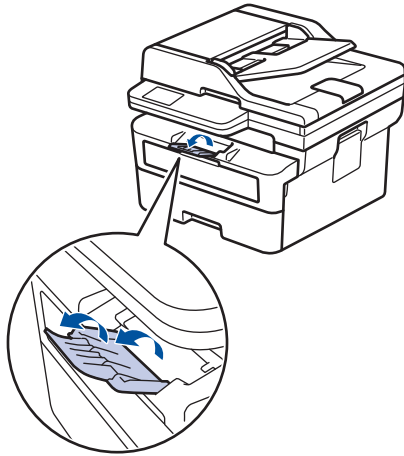


3. Tải đều chồng giấy.
4. Nạp giấy vào khay giấy với **bề mặt in hướng xuống**.

-
5. Đảm bảo rằng giấy nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (▼▼▼).
Nạp quá nhiều giấy vào khay giấy sẽ gây ra kẹt giấy.



6. Từ từ đẩy khay giấy hoàn toàn vào trong máy.
7. Mở nắp lật đổ ra để ngăn giấy không bị trượt khỏi khay đầu ra.



✓ Thông tin liên quan

- Nạp giấy
 - Thay đổi thiết đặt máy để in trên giấy in trước bằng cách sử dụng khay giấy

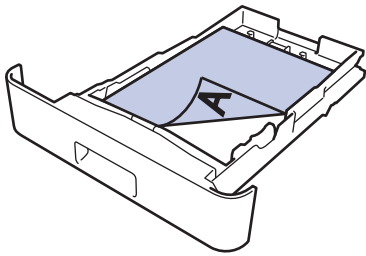
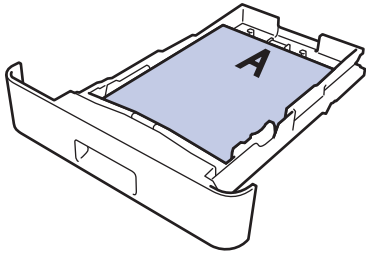
Thay đổi thiết đặt máy để in trên giấy in trước bằng cách sử dụng khay giấy

Khi bạn sử dụng giấy in sẵn để in 2 mặt, hãy thay đổi thiết đặt của máy.



- KHÔNG nạp các khổ giấy và loại giấy khác nhau vào khay giấy cùng một lúc. Làm vậy có thể gây kẹt giấy hoặc lỗi nạp giấy.
- Nếu vị trí in bị lệch so với các đối tượng in sẵn, vị trí in có thể điều chỉnh được bằng cách sử dụng thiết đặt Vị trí in cho khay giấy.
- Một số giấy in sẵn có thể gây ra vết ố khi in, tùy thuộc vào phương pháp in và loại mực.

Hướng

	<p>Cho in 1 mặt</p> <ul style="list-style-type: none">• hướng xuống• cạnh trên về phía trước của khay giấy
	<p>Để in 2 mặt tự động (liên kết cạnh dài)</p> <ul style="list-style-type: none">• hướng lên• cạnh dưới về phía trước của khay giấy

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn sau:
 - a. Chọn [Printer (Máy in)]. Bấm **OK**.
 - b. Chọn [2-sided (2 mặt)]. Bấm **OK**.
 - c. Chọn [Single Image (Ảnh đơn)]. Bấm **OK**.
 - d. Chọn [2-sided Feed (Nạp giấy 2 mặt)]. Bấm **OK**.
3. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



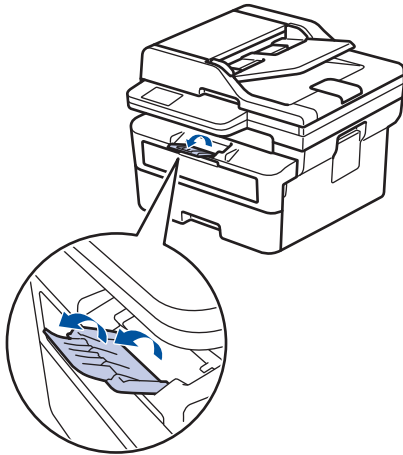
Thông tin liên quan

- [Nạp giấy vào khay Giấy](#)

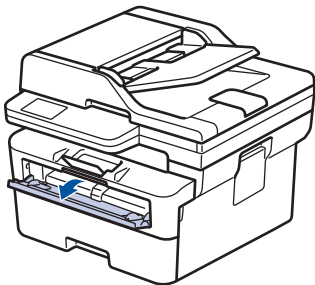
Nạp và in Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế và Giấy bông trong Khe nạp bằng tay

Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

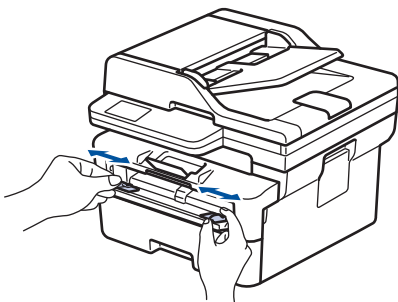
1. Nâng nắp lật đở lên để ngăn giấy không bị trượt khỏi khay đầu ra hướng xuống.



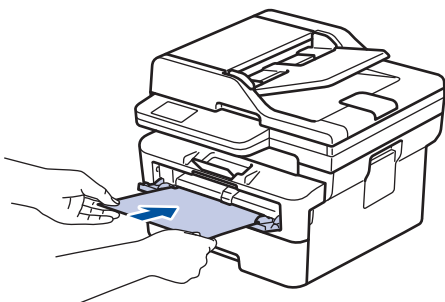
2. Mở nắp khe nạp bằng tay.



3. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.

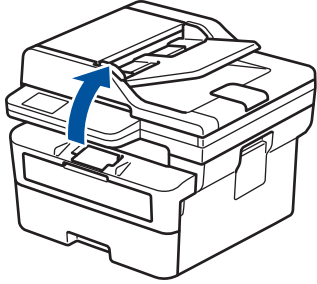


4. Dùng cả hai tay, đặt một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.

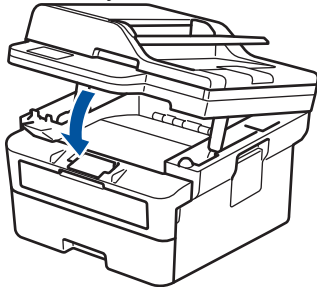




- Nạp giấy vào khe nạp bằng tay với mặt in *hướng lên trên*.
- Đảm bảo rằng giấy nằm thẳng và đúng vị trí trong khe nạp bằng tay. Nếu không, giấy có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.
- Để lấy bản in nhỏ khỏi khay đầu ra, sử dụng cả hai tay nâng nắp máy quét lên.



- Bạn vẫn có thể sử dụng máy trong khi mở lên. Để đóng nắp máy quét, nhẹ nhàng đẩy nắp xuống bằng cả hai tay.



5. Gửi lệnh in của bạn đến máy.



Thay đổi tùy chọn in trên màn hình In.

6. Sau khi trang đã in ra khỏi máy, hãy nạp trang giấy tiếp theo vào khe nạp bằng tay. Lặp lại đối với mỗi trang bạn muốn in.



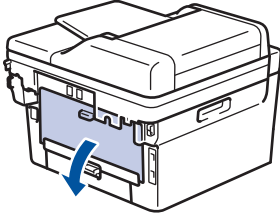
Thông tin liên quan


- [Nạp giấy](#)

Nạp và in trên giấy dày và giấy nhẵn bằng khe nạp bằng tay

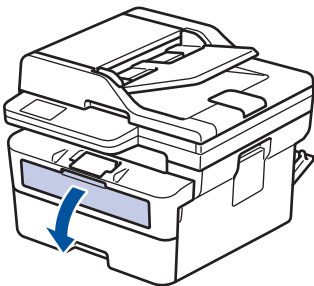
Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).

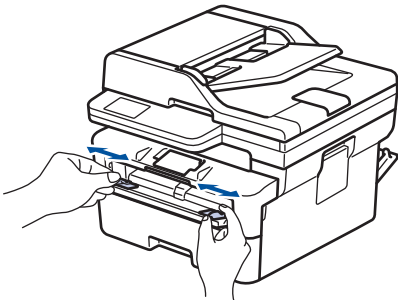


 Máy tự động bật chế độ Nạp bằng tay khi bạn nạp giấy vào khe nạp bằng tay.

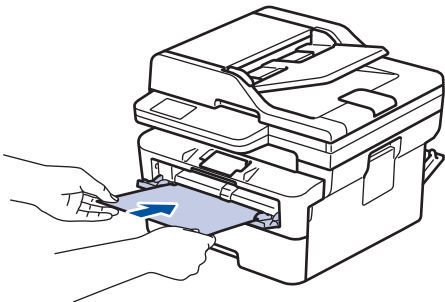
2. Trên mặt trước của máy, mở nắp khe nạp bằng tay.




3. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.



4. Dùng cả hai tay, đặt một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.



- 
- Nạp giấy vào khe nạp bằng tay với mặt in *hướng lên trên*.
 - Kéo giấy ra hoàn toàn khi bạn phải nạp lại giấy vào khe nạp bằng tay.
 - Không đặt nhiều hơn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cùng một lúc vì điều này có thể gây kẹt giấy.
 - Đảm bảo rằng giấy nằm thẳng và đúng vị trí trong khe nạp bằng tay. Nếu không, giấy có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.

5. Gửi lệnh in của bạn đến máy.



Thay đổi tùy chọn in trên màn hình In.

- Sau khi trang đã in ra khỏi mặt sau của máy, nạp trang giấy tiếp theo vào khe nạp bằng tay. Lặp lại đối với mỗi trang bạn muốn in.
- Khi xong, hãy đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.



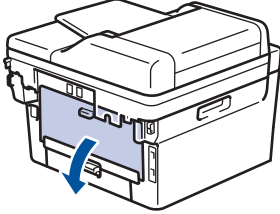
Thông tin liên quan


- [Nạp giấy](#)
-

Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay

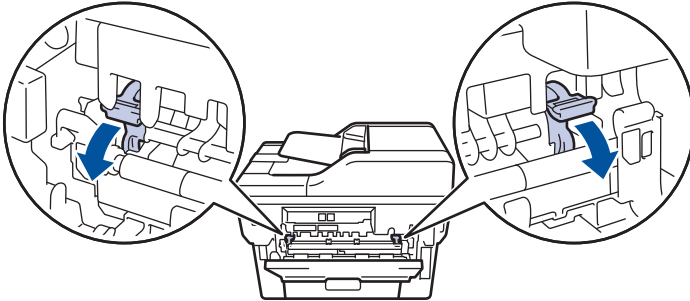
Trước khi nạp giấy, hãy ấn các góc và cạnh của phong bì xuống để làm cho chúng phẳng nhất có thể. Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).

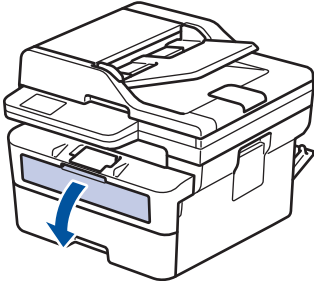


 Máy tự động bật chế độ Nạp bằng tay khi bạn nạp giấy vào khe nạp bằng tay.

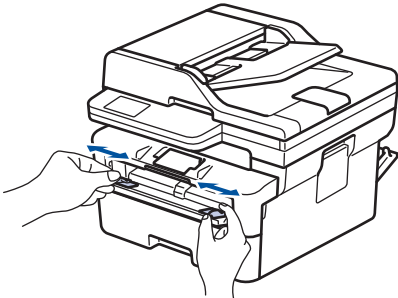
2. Kéo hai cần màu xanh lá cây xuống, một cần bên trái và một cần bên phải như trong hình minh họa.



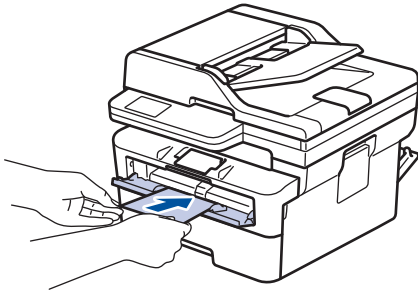
3. Trên mặt trước của máy, mở nắp khe nạp bằng tay.



4. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.



5. Dùng cả hai tay, đưa một phong bì vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.



- Nạp phong bì vào khe nạp bằng tay với mặt in *hướng lên trên*.
- Kéo phong bì ra hoàn toàn khi bạn nạp lại phong bì vào khe nạp bằng tay.
- Không đặt nhiều hơn một phong bì vào khe nạp bằng tay cùng một lúc vì điều này có thể gây kẹt giấy.
- Đảm bảo rằng phong bì nằm thẳng và đúng vị trí trên khe nạp bằng tay. Nếu không, phong bì có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.

6. Gửi công việc in của bạn đến máy.



Thay đổi tùy chọn in trên trong hộp thoại In.

Thiết đặt	Tùy chọn cho phong bì
Khổ giấy	Com-10 DL C5 Monarch
Loại vật liệu in	Bao thư Bao thư Dày Bao thư Mỏng

7. Sau khi phong bì đã in xuất ra khỏi máy, hãy đặt phong bì kế tiếp vào. Lặp lại với mỗi phong bì mà bạn muốn in.
8. Khi bạn đã in xong, hãy đưa hai cần màu xanh lá mà bạn đã điều chỉnh ở bước trước đó về vị trí ban đầu.
9. Khi xong, hãy đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.



Thông tin liên quan

- [Nạp giấy](#)

Thiết đặt giấy

- [Thay đổi khổ giấy và loại giấy](#)
- [Thay đổi thiết đặt kiểm tra giấy](#)

Thay đổi khổ giấy và loại giấy

Khi bạn thay đổi khổ giấy và loại giấy mà bạn nạp vào khay, bạn cũng phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy trên màn hình LCD.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Tray Setting (Thiết đặt khay)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Paper Type (Loại giấy)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Thin Paper (Giấy mỏng)], [Plain Paper (Giấy thường)], [Thick Paper (Giấy dày)], hoặc [Recycled Paper (Giấy tái chế)], rồi bấm **OK**.
6. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Paper Size (Khổ giấy)], rồi bấm **OK**.
7. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn mà bạn muốn, rồi bấm **OK**.
8. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt giấy](#)

Thay đổi thiết đặt kiểm tra giấy

Khi thiết đặt Kiểm tra giấy được đặt thành **Bật** và bạn kéo khay giấy ra khỏi máy, một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình LCD hỏi xem liệu bạn có muốn thay đổi khổ giấy và loại giấy hay không.

Thiết đặt mặc định là **Bật**.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Tray Setting (Thiết đặt khay)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Check Paper (Kiểm tra giấy)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [On (Bật)] hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **OK**.
6. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt giấy](#)

Nạp tài liệu

- Nạp tài liệu vào Bộ nạp tài liệu tự động (ADF)
- Nạp tài liệu trên kính máy quét

Nạp tài liệu vào Bộ nạp tài liệu tự động (ADF)

Model: DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Sử dụng ADF khi sao chép hoặc quét tài liệu nhiều trang, có khổ chuẩn.

- ADF có thể chứa số lượng trang giấy sau đây và nạp từng tờ:
Tối đa 50 tờ
- Sử dụng giấy chuẩn 80 g/m².
- Đảm bảo tài liệu có bút tẩy xóa hoặc các chữ viết bằng mực đều được khô hoàn toàn.

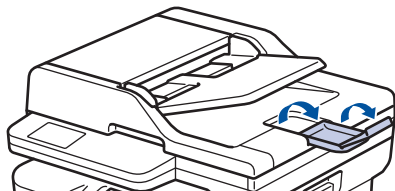
QUAN TRỌNG

- KHÔNG đặt tài liệu dày trên kính máy quét. Nếu làm vậy, ADF có thể bị kẹt.
- KHÔNG sử dụng giấy bị quấn, nhăn, gấp, rách, có ghim, kẹp giấy, dán lại với nhau hoặc dán băng dính.
- KHÔNG sử dụng bìa cứng, giấy báo hoặc vải.
- Để tránh làm hỏng máy của bạn trong khi sử dụng ADF, KHÔNG kéo tài liệu trong khi tài liệu đang nạp.

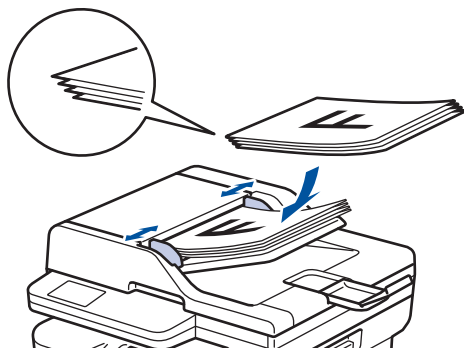
Khổ tài liệu được hỗ trợ

Chiều dài:	147,3 đến 355,6 mm
Chiều rộng:	105 đến 215,9 mm
Trọng lượng:	60 đến 105 g/m ²

1. Lật nắp lật đỡ đầu ra tài liệu ADF.



2. Tải đều giấy
3. Xếp xen kẽ các trang tài liệu của bạn và nạp tài liệu vào bộ nạp ADF với *mặt giấy hướng lên trên và cạnh trên vào trước*, như trong hình minh họa.



4. Điều chỉnh thanh dẫn hướng giấy để vừa với chiều rộng của tài liệu.

✓ Thông tin liên quan

- [Nạp tài liệu](#)

Nạp tài liệu trên kính máy quét

Sử dụng kính máy quét để gửi fax, sao chép hoặc quét lần lượt từng trang.

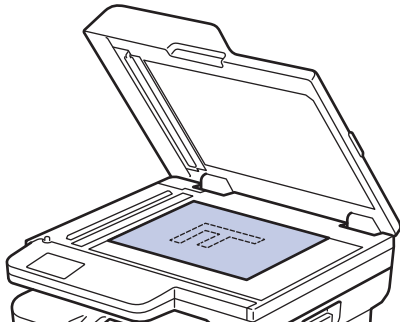
Khổ tài liệu được hỗ trợ

Chiều dài:	Tối đa 300 mm
Chiều rộng:	Tối đa 215,9 mm
Trọng lượng:	Tối đa 2kg

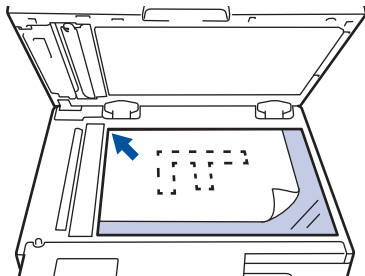
LƯU Ý

(Đối với model ADF) Để sử dụng kính máy quét, bộ nạp ADF phải trống.

1. Nâng nắp tài liệu lên.
2. Đặt tài liệu *úp xuống* trên kính máy quét.



3. Đặt góc của trang ở góc trái trên của kính máy quét.



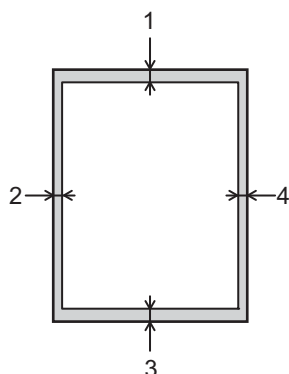
4. Đóng nắp tài liệu.
Nếu tài liệu là quyển sách hoặc tài liệu dày, ấn nhẹ lên nắp tài liệu.

✓ Thông tin liên quan

- [Nạp tài liệu](#)

Vùng không thể quét và vùng không thể in

Các giá trị đo trong bảng bên dưới cho thấy số vùng không thể in và không thể quét tối đa từ các cạnh của khổ giấy thường dùng nhất. Các kích thước này có thể khác nhau tùy thuộc vào khổ giấy hoặc thiết đặt trong ứng dụng bạn đang sử dụng.



Đừng cố quét, sao chép hoặc in ở những khu vực này. Bất kỳ nội dung nào có trong các khu vực như vậy sẽ không được phản ánh ở đầu ra.

Sử dụng	Khổ tài liệu	Trên (1) Dưới (3)	Trái (2) Phải (4)
Fax (Gửi)	Letter, Legal	2,9 mm	3,9 mm
	A4	2,9 mm	(ADF) 1,0 mm (Kính máy quét) 3,0 mm
Sao chép ¹	Letter, Legal	4,0 mm	4,0 mm
	A4	4,0 mm	3,0 mm
Quét	Letter	3,0 mm	3,0 mm
	A4	3,0 mm	3,0 mm
	Legal	3,0 mm	3,0 mm
In	Letter, Legal	4,2 mm	4,2 mm
	A4	4,2 mm	4,2 mm

¹ Bản sao 1 trong 1 và bản sao khổ tài liệu 100%



Thông tin liên quan

- [Xử lý giấy](#)

Sử dụng giấy đặc biệt

Luôn kiểm tra mẫu giấy trước khi mua để đảm bảo hiệu quả mong muốn.

- KHÔNG sử dụng giấy in phun; giấy này có thể gây kẹt giấy hoặc làm hỏng máy của bạn.
- Nếu bạn sử dụng giấy bông, giấy có bề mặt thô nhám hoặc giấy nhẵn hoặc nhàu, giấy này có thể làm giảm hiệu suất in.

Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu và đóng kín. Giữ giấy phẳng và tránh xa độ ẩm, ánh nắng mặt trời trực tiếp và nguồn nhiệt.

QUAN TRỌNG

Một số loại giấy có thể không hoạt động tốt hoặc có thể làm hỏng máy của bạn.

KHÔNG dùng giấy:

- có họa tiết dày đặc
- rất trơn hoặc bóng
- uốn hoặc cong
- được bao phủ hoặc có lớp phủ hóa học
- bị hỏng, nhàu hoặc bị gập
- vượt quá thông số kỹ thuật về trọng lượng được khuyến nghị trong hướng dẫn này
- có móc và ghim
- có nhiều lớp hoặc không lót giấy than
- được thiết kế để in phun

Nếu bạn sử dụng bất kỳ loại giấy nào được liệt kê phía trên thì giấy đó có thể làm hỏng máy. Hỏng hóc này không nằm trong phạm vi của bất kỳ thỏa thuận bảo hành hoặc dịch vụ nào của Brother.



Thông tin liên quan

- [Xử lý giấy](#)

Xử lý sự cố

Sử dụng phần này để giải quyết các vấn đề thông thường mà bạn có thể gặp phải khi sử dụng máy. Bạn có thể tự giải quyết hầu hết các vấn đề.

QUAN TRỌNG

Để được trợ giúp kỹ thuật, bạn phải gọi đến bộ phận dịch vụ khách hàng của Brother hoặc đại lý Brother tại địa phương của bạn.

(MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB)

Để giúp bạn không bị mất dữ liệu fax đã nhận trong bộ nhớ của máy, truyền dữ liệu đến Máy fax khác hoặc đến máy tính của bạn trước khi tắt máy.



Nếu bạn cần trợ giúp thêm, hãy truy cập support.brother.com.

Trước hết, hãy kiểm tra những điều sau đây:

- Dây nguồn của máy được kết nối đúng và máy đang bật nguồn. >> *Hướng dẫn cài đặt nhanh*
- Tắt cả các vật liệu bảo vệ đã được tháo ra. >> *Hướng dẫn cài đặt nhanh*
- Giấy được nạp đúng cách vào khay giấy.
- Cáp giao diện được kết nối chắc chắn với máy và máy tính hoặc kết nối không dây được cài đặt trên cả máy và máy tính của bạn.
- Thông báo lỗi và bảo trì

Nếu sau các bước kiểm tra, bạn vẫn không giải quyết được vấn đề, hãy xác định vấn đề, rồi >> *Thông tin liên quan*



Thông tin liên quan



- Thông báo lỗi và bảo trì
- Kẹt tài liệu
- Kẹt giấy
- Vấn đề khi in
- Cải thiện chất lượng in
- Vấn đề về điện thoại và fax
- Vấn đề về mạng
- Các vấn đề về AirPrint
- Vấn đề khác
- Kiểm tra thông tin của máy
- Cập nhật firmware của máy
- Đặt lại máy


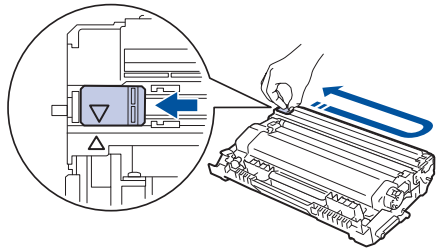
Thông báo lỗi và bảo trì

Như với bất kỳ sản phẩm văn phòng phức tạp nào, lỗi có thể xảy ra và vật tư có thể phải thay thế. Nếu điều này xảy ra, máy của bạn sẽ xác định lỗi hoặc bảo trì thường lệ bắt buộc và hiển thị thông báo thích hợp. Các thông báo lỗi và bảo trì thường gặp nhất được trình bày trong bảng sau.


Thực hiện theo hướng dẫn trong cột **Hành động** để xử lý lỗi và loại bỏ thông báo lỗi.

Bạn có thể tự giải quyết hầu hết các lỗi và thực hiện bảo trì thường lệ. Nếu bạn cần thêm lời khuyên: Hãy truy cập support.brother.com/faqs.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
2-sided Disabled (Đã vô hiệu 2 mặt)	Nắp lưng của máy không được đóng hoàn toàn.	Đóng nắp lưng của máy cho đến khi nắp khớp vào vị trí đóng.
	Khay in 2 mặt không được lắp vào hoàn toàn.	Lắp đặt chắc chắn khay in 2 mặt vào máy.
Cannot Detect (Không thể phát hiện)	Máy của bạn không thể phát hiện bộ trống mực.	Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực. Tháo hộp mực khỏi bộ trống mực, rồi lắp lại hộp mực vào bộ trống mực. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.
	Máy của bạn không thể phát hiện hộp mực.	
Cannot Print (Không thể in) ##	Máy có vấn đề về cơ khí.	<ul style="list-style-type: none"> (MFC-B7810DW/ MFC-B7810DWB) Để giúp bạn không bị mất dữ liệu fax đã nhận trong bộ nhớ của máy, truyền dữ liệu đến Máy fax khác hoặc đến máy tính của bạn trước khi tắt máy. Bấm và giữ  để tắt máy, chờ vài phút, rồi bật lại máy. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ dịch vụ khách hàng Brother hoặc đại lý bán hàng của Brother ở địa phương bạn.
Cannot Scan (Không thể quét) ##	Máy có vấn đề về cơ khí.	<ul style="list-style-type: none"> (MFC-B7810DW/ MFC-B7810DWB) Để giúp bạn không bị mất dữ liệu fax đã nhận trong bộ nhớ của máy, truyền dữ liệu đến Máy fax khác hoặc đến máy tính của bạn trước khi tắt máy. Lấy tài liệu ra. Bấm và giữ  để tắt máy, rồi bật lại máy. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ dịch vụ khách hàng Brother hoặc đại lý bán hàng của Brother ở địa phương bạn.
Cartridge Error Put the Black(BK) Toner Cartridge back in. (Lỗi hộp mực Đặt Hộp mực đen (BK) trở lại vị trí.)	Hộp mực không được lắp đúng.	<p>Kéo cụm bộ trống mực và hộp mực ra, lấy hộp mực ra, rồi lắp lại vào bộ trống mực. Đặt lại cụm bộ trống mực và hộp mực vào máy.</p> <p>Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ dịch vụ khách hàng Brother hoặc đại lý bán hàng của Brother ở địa phương bạn.</p>

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
Comm.Error (Lỗi giao tiếp)	Chất lượng đường dây điện thoại không tốt do lỗi liên lạc.	Gửi fax lại hoặc kết nối máy với đường dây điện thoại khác. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ công ty điện thoại của bạn và yêu cầu họ kiểm tra đường dây điện thoại.
Cooling Down (Làm nguội)	Nhiệt độ bên trong máy quá nóng. Máy sẽ tạm dừng công việc in hiện tại của máy và vào chế độ làm nguội. Trong khi máy nguội đi, quạt tản nhiệt chạy và màn hình LCD hiển thị Cooling Down (Làm nguội).	Hãy chờ cho đến khi máy đã hoàn thành làm nguội. Đảm bảo tất cả các cửa thông gió trên máy không có vật cản. Khi đã nguội, máy sẽ khôi phục lại hoạt động in. Nếu quạt không quay, ngắt kết nối máy khỏi nguồn điện trong vài phút, rồi kết nối lại.
Cover is Open (Nắp đang Mở)	Nắp phía trước không được đóng hoàn toàn.	Mở, rồi đóng chặt nắp phía trước của máy.
	Nắp bộ sấy mực không được đóng hoàn toàn hoặc giấy bị kẹt ở phía sau máy khi bạn bật nguồn.	Đóng nắp bộ sấy mực bên trong nắp lưng của máy.
	Nắp ADF không được đóng hoàn toàn.	Đóng nắp ADF. Bấm và giữ  để tắt máy, chờ vài phút, rồi bật lại máy. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ dịch vụ khách hàng Brother hoặc đại lý bán hàng của Brother ở địa phương bạn.
Disconnected (Đã ngắt kết nối)	Người hoặc máy fax đầu dây bên kia dừng cuộc gọi.	Thử gửi hoặc nhận lại. Nếu cuộc gọi bị dừng nhiều lần và bạn đang sử dụng hệ thống VoIP (Truyền giọng nói trên giao thức IP), thử thay đổi Tương thích sang Cơ bản (đối với VoIP).
Document Jam (Kẹt tài liệu)	Tài liệu không được đưa vào hoặc nạp đúng cách hoặc tài liệu đã quét từ ADF quá dài.	Loại bỏ giấy bị kẹt khỏi bộ ADF. Lấy mọi mảnh nhỏ hoặc mảnh giấy vụn ra khỏi đường dẫn giấy của bộ ADF. Bấm Stop/Exit (Dừng/Thoát) .
Drum ! Slide the Green tab on Drum Unit. (Trống mực ! Trượt tab màu Xanh mực trên Bộ trống mực.)	Dây corona trên bộ trống mực phải được vệ sinh.	Vệ sinh dây corona trên bộ trống mực. 
	Bộ trống mực hoặc cụm hộp mực và bộ trống mực không được lắp đúng.	Lắp hộp mực vào bộ trống mực. Sau đó lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.
Drum End Soon (Trống sắp hỏng)	Bộ trống mực gần hết tuổi thọ.	Đặt mua bộ trống mực mới trước khi bạn nhận được thông báo Replace Drum (Thay trống).
Jam 2-sided (Kẹt 2 mặt)	Giấy bị kẹt trong khay giấy 2 mặt.	Kéo khay giấy và khay in 2 mặt ra hẳn, mở nắp lưng, rồi lấy toàn bộ giấy

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
		bị kẹt ra. Đóng nắp lưng và lắp chắc chắn khay giấy và khay 2 mặt trở lại máy.
Jam Inside (Kẹt giấy trong máy)	Giấy bị kẹt bên trong máy.	Mở nắp phía trước và tháo cụm hộp mực và bộ trống mực. Kéo toàn bộ giấy bị kẹt ra. Đóng nắp phía trước. Nếu vẫn còn thông báo lỗi, bấm Start (Bắt đầu) .
Jam Rear (Kẹt phía sau máy)	Giấy bị kẹt trong bộ phận phía sau của máy.	Mở nắp khối sấy và lấy toàn bộ giấy kẹt ra. Đóng nắp khối sấy. Nếu vẫn còn thông báo lỗi, bấm Start (Bắt đầu) .
Jam Tray 1 (Kẹt giấy khay 1)	Giấy bị kẹt trong khay giấy được chỉ báo.	Kéo hẳn khay giấy ra và nhẹ nhàng lấy toàn bộ giấy kẹt ra. Lắp chắc chắn khay giấy trở lại vào máy.
Manual Feed (Nạp bằng tay)	Bảng tay được chọn làm nguồn giấy trong trình điều khiển máy in, nhưng không có giấy trong khe nạp bằng tay.	Đưa giấy vào khe nạp bằng tay.
Media Mismatch (Phương tiện không khớp)	Loại phương tiện được xác định trong trình điều khiển máy in khác với loại giấy được xác định trong menu của máy.	Nạp đúng loại giấy được chỉ báo trên màn hình LCD hoặc chọn đúng loại phương tiện trong phần thiết đặt Loại giấy trên máy.
No Drum Unit (Không có bộ trống mực)	Bộ trống mực không được lắp đúng.	Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực. ➤➤ <i>Thông tin liên quan: Thay Bộ trống mực</i>
No Paper T1 (Không có giấy T1)	Máy hết giấy hoặc không nạp giấy đúng cách vào các khay giấy.	<ul style="list-style-type: none"> Nạp lại giấy lại vào các khay giấy. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy. Nếu giấy nằm trong khay, hãy lấy ra và nạp lại. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy. Không nạp quá nhiều giấy vào khay.
No Response/Busy (Không có phản hồi/Bận)	Số bạn đã quay không trả lời hoặc bận.	Xác nhận số và thử lại.
No Toner (Không có hộp mực)	Hộp mực hoặc cụm hộp mực và bộ trống mực không được lắp đúng.	Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực. Tháo hộp mực khỏi bộ trống mực, rồi lắp lại hộp mực vào bộ trống mực. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy thay hộp mực mới vào. ➤➤ <i>Thông tin liên quan: Thay Hộp mực</i>
Out of Memory (Hết bộ nhớ)	Bộ nhớ của máy đầy.	Nếu hoạt động gửi fax hoặc sao chép đang diễn ra Thực hiện một trong các thao tác sau: <ul style="list-style-type: none"> Bấm Start (Bắt đầu) để gửi hoặc sao chép các trang đã quét. Bấm Stop/Exit (Dừng/Thoát) và chờ đến khi các thao tác đang thực hiện khác hoàn tất, rồi thử lại. In fax trong bộ nhớ.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
		<ul style="list-style-type: none"> Xoá dữ liệu trong bộ nhớ. Để có thêm bộ nhớ, bạn có thể tắt chức năng Nhận Bộ nhớ. <p>Nếu hoạt động in đang diễn ra</p> <p>Thực hiện một trong các thao tác sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giảm độ phân giải. Xóa các bản fax khỏi bộ nhớ.
Replace Drum (Thay trống)	Đã đến lúc thay bộ trống mực.	Thay bộ trống mực. <ul style="list-style-type: none"> ►► <i>Thông tin liên quan: Thay Bộ trống mực</i>
	Nếu thông báo này vẫn hiển thị ngay cả sau khi thay thế bộ trống mực mới vào, thì bộ đếm của bộ trống mực chưa được đặt lại.	Đặt lại bộ đếm của bộ trống mực. <ul style="list-style-type: none"> ►► <i>Thông tin liên quan: Đặt lại Bộ đếm Trống mực</i>
Replace Toner (Thay hộp mực)	Hộp mực hết tuổi thọ. Máy dừng tất cả các hoạt động in. Khi bộ nhớ còn dung lượng thì fax được lưu trữ trong bộ nhớ.	Thay hộp mực mới vào. <ul style="list-style-type: none"> ►► <i>Thông tin liên quan: Thay Hộp mực</i>
Self-Diagnostic/Turn the power off, then on again. Leave the machine for 15 min. (Tự chẩn đoán/Tắt nguồn, rồi bật lại. Để máy trong 15 phút.)	Khô sấy không hoạt động chính xác. Bộ sấy mực quá nóng.	<ul style="list-style-type: none"> (MFC-B7810DW/ MFC-B7810DWB) <p>Để giúp bạn không bị mất dữ liệu fax đã nhận trong bộ nhớ của máy, truyền dữ liệu đến Máy fax khác hoặc đến máy tính của bạn trước khi tắt máy.</p> <ul style="list-style-type: none"> Bấm và giữ  để tắt máy, chờ vài giây, rồi bật lại máy. Vẫn để nguồn bật, để máy ở chế độ nghỉ trong 15 phút.
Size Error DX (Lỗi kích thước DX)	Khổ giấy được chỉ định trong trình điều khiển máy in và thiết đặt khổ giấy của máy không phù hợp để in 2 mặt tự động.	Bấm Stop/Exit (Dừng/Thoát) . Chọn khổ giấy phù hợp để in 2 mặt. Khổ giấy phù hợp để chức năng in 2 mặt tự động là khổ A4.
	Khổ giấy trong khay không đúng và không phù hợp để in 2 mặt tự động.	Nạp khổ giấy đúng vào khay và thiết đặt khay phù hợp với khổ giấy đó. Khổ giấy phù hợp để chức năng in 2 mặt tự động là khổ A4.
Size Mismatch (Kích thước không khớp)	Khổ giấy trong khay không đúng.	Nạp khổ giấy đúng vào khay và thiết đặt khổ giấy đó phù hợp với khay.
Toner Ended (Hộp mực đã hết tuổi thọ)	Hộp mực hết tuổi thọ. Máy dừng tất cả các hoạt động in.	Thay hộp mực mới vào.
Toner Low (Hộp mực gần hết tuổi thọ)	Nếu màn hình LCD hiển thị thông báo này, bạn vẫn có thể in. Hộp mực gần hết tuổi thọ.	Đặt hàng hộp mực mới ngay để hộp mực thay thế sẽ sẵn có khi màn hình LCD hiển thị Replace Toner (Thay hộp mực) .
Wrong Toner (Sai mực)	Hộp mực được lắp không đúng với máy của bạn.	Tháo hộp mực ra khỏi bộ trống mực và lắp hộp mực có mã sản phẩm cung cấp đúng. <ul style="list-style-type: none"> ►► <i>Thông tin liên quan: Thay Hộp mực</i>



Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố

-
- Không thể in hoặc quét - Truyền fax

Chủ đề liên quan:

- Thay Hộp mực
 - Thay Bộ trống mực
 - Vệ sinh Dây Corona
 - Nạp giấy
 - Đặt lại Bộ đếm Trống mực
-

Không thể in hoặc quét - Truyền fax

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Nếu màn hình LCD hiển thị:

- [Cannot Print (Không thể in)] ##
- [Cannot Scan (Không thể quét)] ##

Chúng tôi khuyến nghị nên truyền các bản fax của bạn đến máy fax khác hoặc đến máy tính của bạn.

Bạn cũng có thể truyền báo cáo Nhật ký fax để xem có bản fax nào bạn phải truyền đi không.



Nếu có thông báo lỗi trên màn hình LCD sau khi bạn truyền gửi fax, hãy ngắt kết nối máy Brother khỏi nguồn điện trong vài phút, và sau đó kết nối lại.



Thông tin liên quan

- [Thông báo lỗi và bảo trì](#)
 - [Truyền fax đến máy fax khác](#)
 - [Truyền fax đến máy tính](#)
 - [Truyền báo cáo nhật ký fax đến máy fax khác](#)

Truyền fax đến máy fax khác

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Bạn phải cài đặt ID trạm trước khi truyền fax đến máy fax khác.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Service (Dịch vụ)] rồi bấm **OK**.
3. Bấm **OK** để chọn [Data Transfer (Truyền dữ liệu)].
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Fax Transfer (Truyền fax)] rồi bấm **OK**.
5. Thực hiện một trong các thao tác sau:
 - Nếu màn hình LCD hiển thị [No Data (Không có dữ liệu)], không còn fax nào trong bộ nhớ của máy. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.
 - Nhập số fax để chuyển tiếp fax đến. Bấm **Start (Bắt đầu)**.

✓ Thông tin liên quan


- [Không thể in hoặc quét - Truyền fax](#)

Chủ đề liên quan:

- [Thiết đặt ID trạm của bạn](#)

Truyền fax đến máy tính

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

1. Đảm bảo rằng bạn đã cài đặt phần mềm và các trình điều khiển trên máy tính.
2. Khởi chạy  (**Brother Utilities**), rồi nhấp vào danh sách thả xuống và chọn tên dòng máy của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **PC-FAX** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Nhận**.
Cửa sổ **PC-FAX Receive** xuất hiện.
3. Đảm bảo bạn đã thiết đặt [PC Fax Receive (Nhận fax máy tính)] trên máy.
Nếu fax có trong bộ nhớ của máy khi bạn cài đặt Nhận PC-FAX, màn hình LCD hiển thị [Send Fax to PC? (Gửi fax vào máy tính?)].
4. Thực hiện một trong các thao tác sau:
 - Để chuyển tất cả các bản fax sang máy tính, bấm ▲ hoặc ▼ để chọn [Yes (Có)], rồi bấm **OK**.
 - Để thoát và để lại các bản fax trong bộ nhớ, bấm ▲ hoặc ▼ để chọn [No (Không)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



Thông tin liên quan

- [Không thể in hoặc quét - Truyền fax](#)

Truyền báo cáo nhật ký fax đến máy fax khác

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Bạn phải cài đặt ID trạm trước khi truyền Báo cáo nhật ký fax đến máy fax khác.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Service (Dịch vụ)] rồi bấm **OK**.
3. Bấm **OK** để chọn [Data Transfer (Truyền dữ liệu)].
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Report Trans. (Truyền báo cáo)] rồi bấm **OK**.
5. Nhập số fax đích cho Nhật ký fax.
6. Bấm **Start (Bắt đầu)**.

✓ Thông tin liên quan

- [Không thể in hoặc quét - Truyền fax](#)

Chủ đề liên quan:

- [Thiết đặt ID trạm của bạn](#)

Kẹt tài liệu

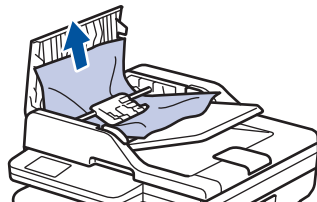
Model: DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

- Tài liệu bị kẹt ở đầu bộ ADF
- Tài liệu bị kẹt dưới nắp tài liệu
- Lấy các mảnh giấy nhỏ bị kẹt ra khỏi ADF

Tài liệu bị kẹt ở đầu bộ ADF

Model: DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

1. Lấy hết giấy không bị kẹt ra khỏi ADF.
2. Mở nắp ADF.
3. Kéo về phía bên trái để lấy tài liệu bị kẹt ra. Nếu tài liệu bị đứt hoặc rách, đảm bảo loại bỏ hoàn toàn các mảnh nhỏ hoặc mảnh giấy vụn để tránh kẹt giấy xảy ra lại.



4. Đóng nắp ADF.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

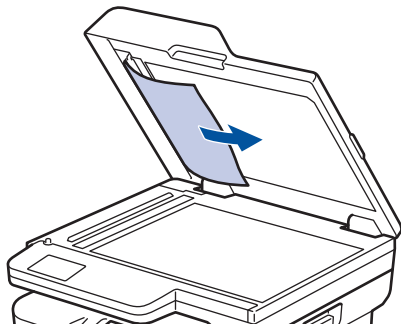
✓ Thông tin liên quan

- [Kẹt tài liệu](#)

Tài liệu bị kẹt dưới nắp tài liệu

Model: DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

1. Lấy hết giấy không bị kẹt ra khỏi ADF.
2. Nâng nắp tài liệu lên.
3. Kéo về phía bên phải để lấy tài liệu bị kẹt ra. Nếu tài liệu bị đứt hoặc rách, đảm bảo loại bỏ hoàn toàn các mảnh nhỏ hoặc mảnh giấy vụn để tránh kẹt giấy xảy ra lại.



4. Đóng nắp tài liệu.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



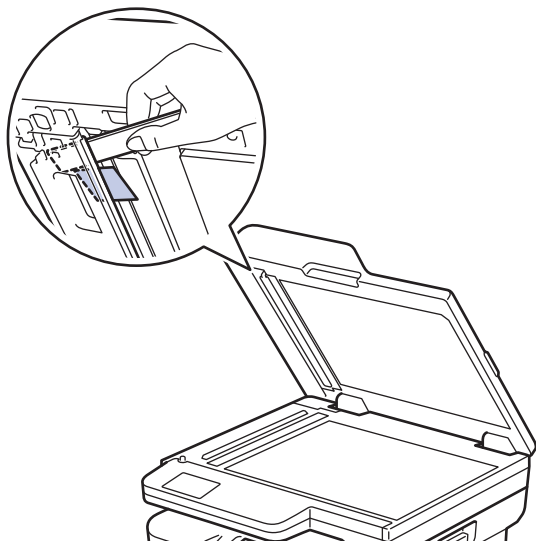
Thông tin liên quan

- [Kẹt tài liệu](#)

Lấy các mảnh giấy nhỏ bị kẹt ra khỏi ADF

Model: DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

1. Nâng nắp tài liệu lên.
2. Đưa một mẫu giấy cứng, chẳng hạn như mảnh bìa, vào bộ nạp ADF để đẩy các mảnh giấy nhỏ ra.



3. Đóng nắp tài liệu.
4. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

✓ Thông tin liên quan

- [Kẹt tài liệu](#)

Kẹt giấy

Luôn lấy giấy còn lại khỏi khay giấy, tải và làm thẳng chông giấy khi bạn thêm giấy mới. Điều này giúp tránh tình trạng kẹt giấy.

- Lấy giấy bị kẹt ra
- Giấy bị kẹt trong khay giấy
- Giấy bị kẹt ở khay giấy đầu ra
- Giấy bị kẹt ở phía sau máy
- Giấy bị kẹt bên trong máy
- Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt

Lấy giấy bị kẹt ra

Nếu kẹt giấy hoặc lỗi nhiều tờ giấy được nạp cùng nhau xảy ra thường xuyên, hãy thực hiện như sau:

- Vệ sinh trục cuộn lấy giấy và miếng đệm tách biệt các khay giấy.
➤➤ *Thông tin liên quan: Vệ sinh trục cuộn lấy giấy*
- Nạp giấy vào khay đúng cách.
➤➤ *Thông tin liên quan: Nạp giấy*
- Thiết đặt khổ giấy và loại giấy chính xác trên máy.
➤➤ *Thông tin liên quan: Thiết đặt giấy*
- Thiết đặt khổ giấy và loại giấy chính xác trên máy tính.
➤➤ *Thông tin liên quan: In tài liệu (Windows)*
➤➤ *Thông tin liên quan: In bằng ứng dụng AirPrint*
- Sử dụng giấy được khuyến dùng.
➤➤ *Thông tin liên quan: Sử dụng giấy đặc biệt*

✓ Thông tin liên quan

- [Kẹt giấy](#)

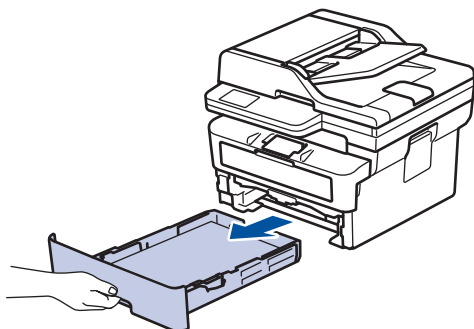
Chủ đề liên quan:

- [Vệ sinh trục cuộn lấy giấy](#)
- [Nạp giấy](#)
- [Thiết đặt giấy](#)
- [Sử dụng giấy đặc biệt](#)

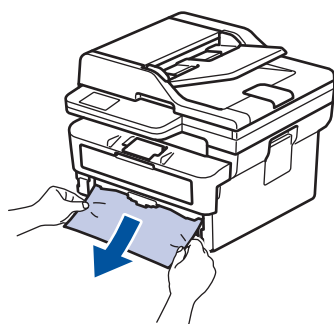
Giấy bị kẹt trong khay giấy

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt trong khay giấy, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.

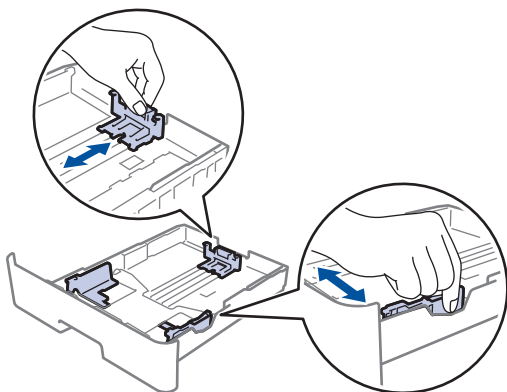


2. Kéo từ từ giấy bị kẹt ra.

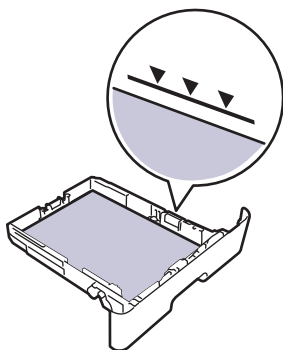


Việc kéo giấy bị kẹt xuống phía dưới bằng cả hai tay cho phép bạn lấy giấy ra dễ dàng hơn.

3. Tải chồng giấy để tránh kẹt giấy thêm nữa và trượt thanh dẫn hướng giấy cho vừa với khổ giấy. Nạp giấy vào khay giấy.



4. Đảm bảo rằng giấy nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (▼▼▼).



5. Lắp chắc chắn khay giấy trở lại vào máy.



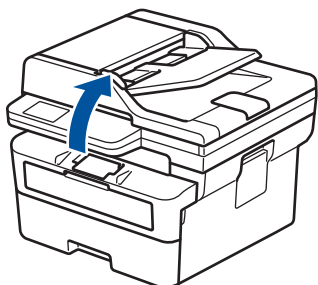
Thông tin liên quan

- Kẹt giấy

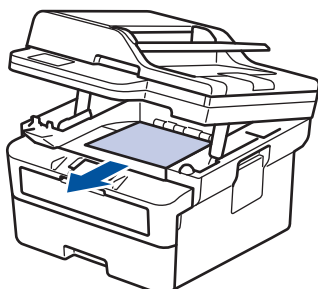
Giấy bị kẹt ở khay giấy đầu ra

Khi giấy bị kẹt trong khay giấy đầu ra, hãy thực hiện các bước sau:

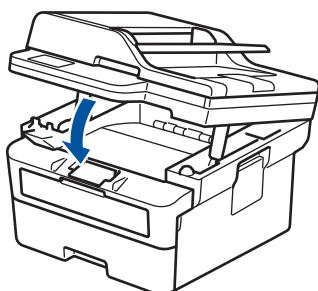
1. Sử dụng cả hai tay để mở máy quét.



2. Lấy giấy ra.



3. Đẩy máy quét xuống bằng cả hai tay để đóng máy lại.



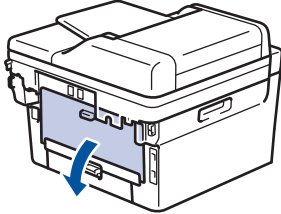
✓ Thông tin liên quan

- [Kẹt giấy](#)

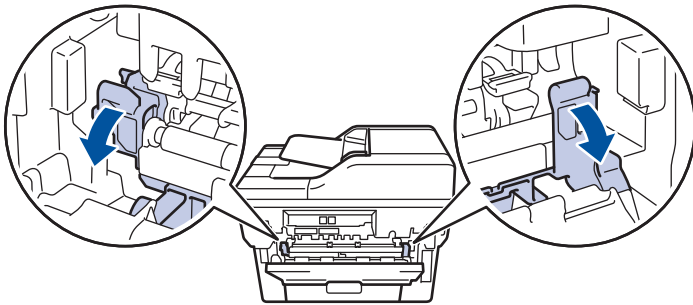
Giấy bị kẹt ở phía sau máy

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Status Monitor cho biết có giấy kẹt ở phía sau máy (Kẹt giấy phía sau), hãy thực hiện như sau:

1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Mở nắp lưng.



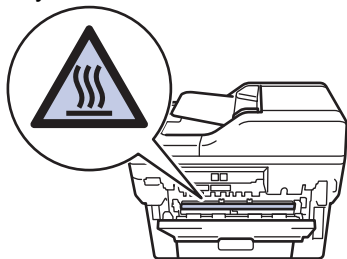
3. Kéo các vấu màu xanh lam bên trái và phải về phía bạn để nhả nắp khối sấy.



⚠ CẢNH BÁO

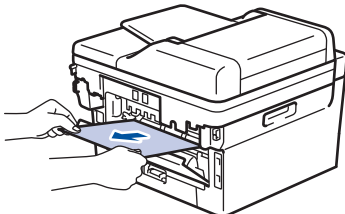
BỀ MẶT NÓNG

Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.

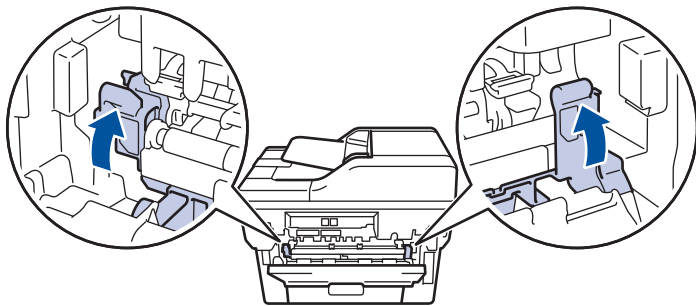


✎ Nếu các cần phong bì màu xanh lá cây bên trong nắp lưng được kéo xuống vị trí phong bì, hãy nâng các cần này lên vị trí ban đầu trước khi kéo các vấu màu xanh lam xuống.

4. Dùng cả hai tay nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra khỏi máy.



5. Đóng nắp khối sấy.



Nếu bạn in trên phong bì, hãy kéo các cần phong bì màu xanh lá cây xuống vị trí phong bì lại lần nữa trước khi đóng vỏ mặt sau.

6. Đóng nắp lưng cho đến khi nắp khớp vào vị trí đóng.



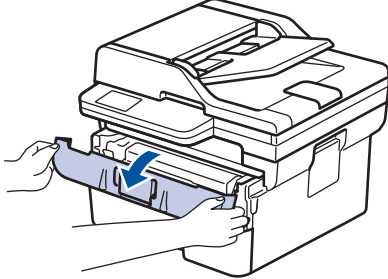
Thông tin liên quan

- Kẹt giấy

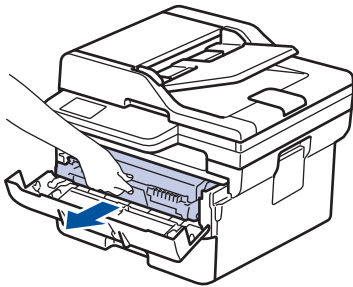
Giấy bị kẹt bên trong máy

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt bên trong máy, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Mở nắp phía trước.



3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực.



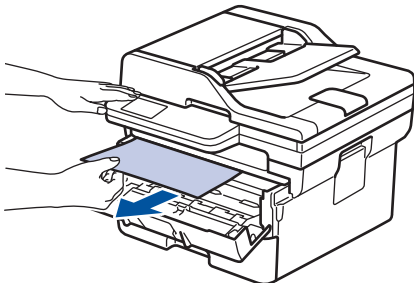
⚠ CẢNH BÁO

BỀ MẶT NÓNG

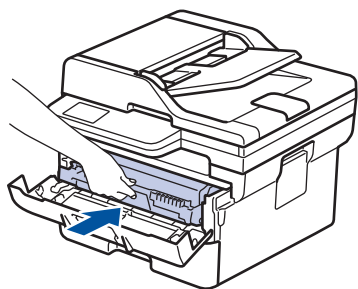
Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.



4. Kéo giấy bị kẹt ra từ từ.



5. Lắp đặt hộp mực và cụm bộ trống mực vào máy.



6. Đóng nắp phía trước.



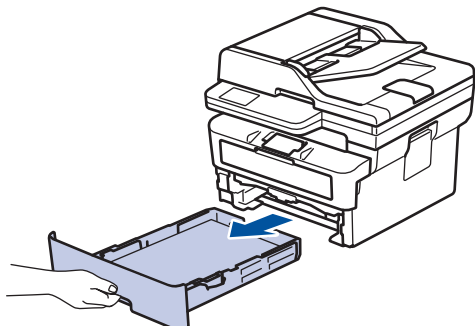
Thông tin liên quan

- [Kẹt giấy](#)

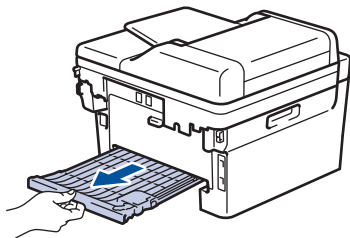
Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt, hãy thực hiện theo các bước sau:

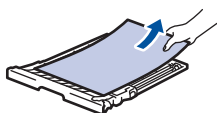
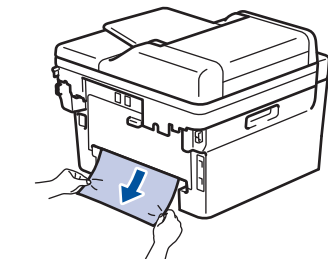
1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.



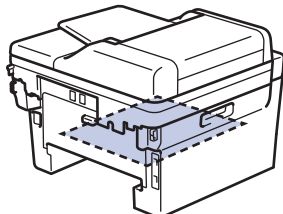
3. Ở phía sau máy, kéo hẳn khay in 2 mặt ra khỏi máy.



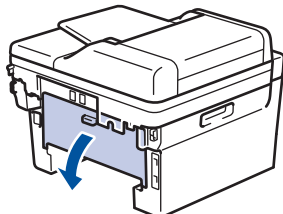
4. Kéo giấy bị kẹt ra khỏi máy hoặc ra khỏi khay in 2 mặt.



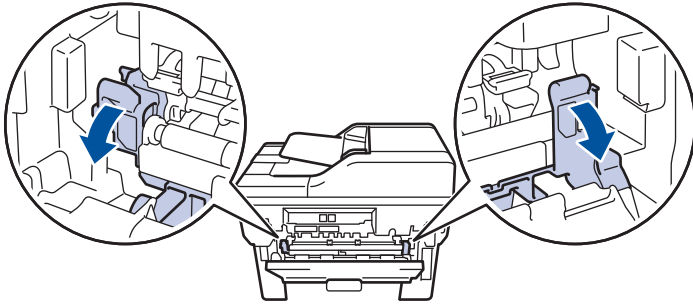
5. Lấy giấy có thể đã kẹt dưới máy do tĩnh điện.



6. Nếu giấy không bị kẹt trong khay in 2 mặt, hãy mở nắp lưng.



7. Kéo các vấu màu xanh lam bên trái và phải về phía bạn để nhả nắp khối sấy.

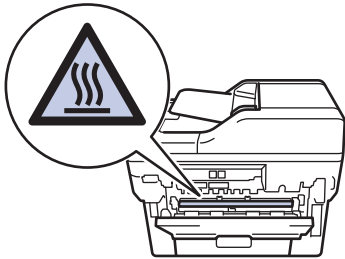


Nếu các cần phong bì màu xanh lá cây bên trong nắp lưng được kéo xuống vị trí phong bì, hãy nâng các cần này lên vị trí ban đầu trước khi kéo các vấu màu xanh lam xuống.

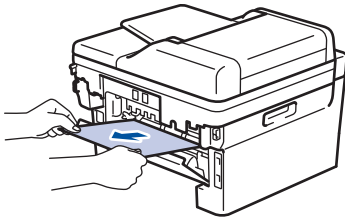
⚠ CẢNH BÁO

BỀ MẶT NÓNG

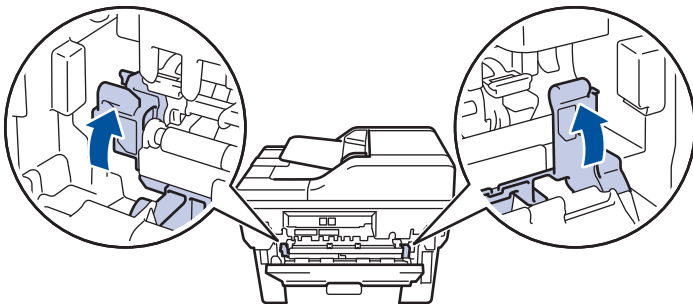
Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.



8. Dùng cả hai tay nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra khỏi phần phía sau của máy.



9. Đóng nắp khối sấy.



Nếu bạn in trên phong bì, hãy kéo các cần phong bì màu xanh lá cây xuống vị trí phong bì lại lần nữa trước khi đóng vỏ mặt sau.

10. Đóng nắp lưng đến khi nắp khớp vào vị trí đã đóng.

11. Đẩy mạnh khay in 2 mặt vào phía sau của máy.







12. Đẩy mạnh khay giấy vào phía trước của máy.

✓ Thông tin liên quan

- Kẹt giấy

Vấn đề khi in

Nếu sau khi đọc thông tin trong bảng này, bạn vẫn cần trợ giúp, hãy xem các gợi ý khắc phục sự cố mới nhất tại support.brother.com/faqs.

Khó khăn	Gợi ý
Không có bản in	<p>Đảm bảo rằng máy không ở chế độ Tắt nguồn.</p> <p>Nếu máy ở chế độ Tắt nguồn, bấm , rồi gửi lại dữ liệu in.</p> <p>Kiểm tra xem đã cài đặt và chọn đúng trình điều khiển máy in chưa.</p> <p>Kiểm tra xem Status Monitor hoặc bảng điều khiển của máy có hiển thị lỗi hay không.</p> <p>Kiểm tra máy có đang trực tuyến không:</p> <p>Windows:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bấm giữ phím  và bấm phím  trên bàn phím của máy tính để khởi chạy Chạy. Nhập "control printers" vào trường Mở: và nhấp vào OK. <div data-bbox="853 907 1476 1243" style="border: 1px solid black; padding: 5px;"> <p> Chạy ✕</p> <p> Gõ tên của chương trình, tệp, tài liệu hoặc tài nguyên Internet và Windows sẽ mở nó ra cho bạn.</p> <p>Mở: <input type="text" value="control printers"/> ▼</p> <p style="text-align: center;"> <input type="button" value="OK"/> <input type="button" value="Hủy bỏ"/> <input type="button" value="Duyệt..."/> </p> </div> <p>Cửa sổ Thiết bị và Máy in xuất hiện.</p> <p> Nếu cửa sổ Thiết bị và Máy in không xuất hiện, hãy nhấp vào Xem thêm thiết bị > Cài thiết bị và cài đặt máy in khác.</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhấp chuột phải vào biểu tượng cho model của bạn, rồi nhấp vào Xem đang in gì. Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn. Bấm Máy in trong thanh menu và đảm bảo rằng Sử dụng Máy in Gián tuyến không được chọn. <p>Mac:</p> <p>Nhấp vào menu System Preferences (Tùy chọn hệ thống) hoặc System Settings (Thiết đặt hệ thống), rồi chọn tùy chọn Printers & Scanners (Máy in & máy quét). Khi máy ngoại tuyến, hãy xóa máy, rồi thêm lại.</p>
Máy không in hoặc đã dừng in.	Hủy công việc in và xóa công việc khỏi bộ nhớ. Bản in ra có thể không hoàn chỉnh. Gửi lại dữ liệu in.
Các đầu hoặc chân trang xuất hiện khi tài liệu hiển thị trên màn hình nhưng không hiển thị khi in tài liệu.	Có vùng không thể in ở trên cùng và dưới cùng của trang. Điều chỉnh lề trên cùng và dưới cùng trong tài liệu của bạn để cho phép in vùng này.
Máy in không như mong muốn hoặc in văn bản lộn xộn.	Hủy công việc in và xóa công việc khỏi bộ nhớ. Bản in ra có thể không hoàn chỉnh. Gửi lại dữ liệu in.

Khó khăn	Gợi ý
	<p>Kiểm tra thiết đặt trong ứng dụng của bạn để đảm bảo rằng thiết đặt được cài đặt hoạt động với máy của bạn.</p> <p>Xác nhận rằng trình điều khiển máy in Brother được chọn trong cửa sổ In của ứng dụng.</p>
Máy in đúng một vài trang đầu, rồi một vài trang sau bị mất chữ.	<p>Kiểm tra thiết đặt trong ứng dụng của bạn để đảm bảo rằng thiết đặt được cài đặt hoạt động với máy của bạn.</p> <p>Máy của bạn không nhận tất cả dữ liệu đã gửi từ máy tính. Đảm bảo rằng bạn đã kết nối cáp giao diện đúng cách.</p>
Không thể in trên 1 mặt hoặc 2 mặt.	<p>(Windows) Thay đổi tùy chọn 2 mặt trong trình điều khiển máy in.</p> <ul style="list-style-type: none"> Nếu bạn muốn thực hiện thay đổi tạm thời, hãy chọn Không hoặc 2 mặt trong trình điều khiển máy in từ ứng dụng của bạn: >> <i>Thông tin liên quan: In tài liệu (Windows)</i> Nếu bạn muốn thực hiện thay đổi vĩnh viễn, hãy thay đổi thiết đặt trình điều khiển máy in mặc định: >> <i>Thông tin liên quan: Thay đổi thiết đặt in mặc định (Windows)</i>
Máy không in trên cả hai mặt của giấy mặc dù thiết lập trình điều khiển máy in là 2 mặt và máy hỗ trợ in 2 mặt tự động.	Kiểm tra thiết đặt khổ giấy trong trình điều khiển máy in. Bạn phải chọn giấy A4. Trọng lượng giấy được hỗ trợ là 60 đến 105g/m ²
Tốc độ in quá chậm.	<p>Giảm độ phân giải trong trình điều khiển máy in.</p> <p>Nếu bạn bật Chế độ im lặng, hãy tắt chế độ này trong trình điều khiển máy in hoặc menu của máy.</p> <p>Khi in liên tục, tốc độ in có thể tự động giảm để hạ nhiệt độ bên trong máy.</p>
Máy không nạp giấy.	<p>Nếu có giấy trong khay giấy, đảm bảo rằng giấy nằm thẳng. Nếu giấy bị quăn, kéo thẳng giấy. Đôi khi bạn nên thử lấy giấy ra, lật ngược chồng giấy, rồi đặt lại vào khay giấy.</p> <p>Tải kỹ chồng giấy và đặt trở lại khay giấy.</p> <p>Giảm lượng giấy trong khay giấy, rồi thử lại.</p> <p>(Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công) Đảm bảo rằng Bằng tay không được chọn cho Nguồn Giấy trong trình điều khiển máy in.</p> <p>Vệ sinh trục cuộn lấy giấy.</p>
Máy không nạp giấy từ Khe nạp bằng tay. (Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công)	<p>Sử dụng cả hai tay để đẩy chắc chắn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay đến khi cạnh giấy trên cùng chạm vào trục lăn nạp giấy. Tiếp tục đẩy giấy chạm vào trục lăn đến khi máy nhận giấy và kéo giấy vào trong sâu hơn.</p> <p>Nạp lần lượt từng tờ giấy vào khe nạp bằng tay.</p> <p>Đảm bảo rằng Bằng tay được chọn cho Nguồn Giấy trong trình điều khiển máy in.</p>
Máy không nạp phong bì.	Nạp lần lượt từng phong bì vào khe nạp bằng tay. Ứng dụng của bạn phải được thiết đặt để in khổ phong bì mà bạn đang sử dụng. Điều này thường được thực hiện trong menu Cài đặt trang hoặc Cài đặt tài liệu trong ứng dụng của bạn.
Vị trí in bị lệch so với đối tượng in sẵn.	Điều chỉnh vị trí in bằng thiết đặt Vị trí in cho từng khay giấy.



Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố



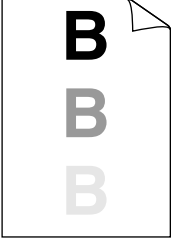
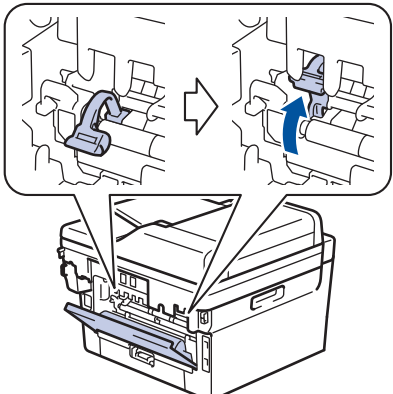
Chủ đề liên quan:



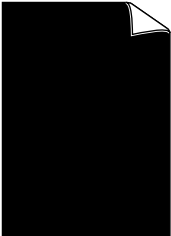

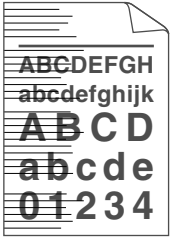
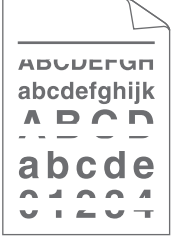
- Vệ sinh trực cuộn lấy giấy
- Nạp giấy

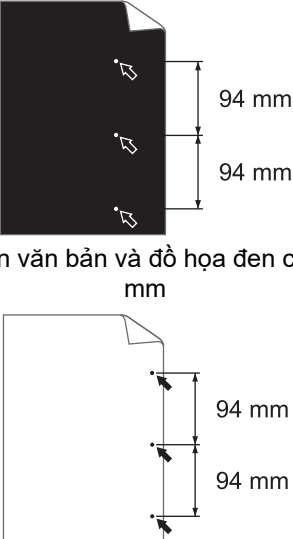
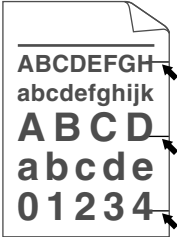
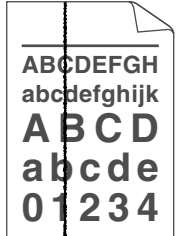
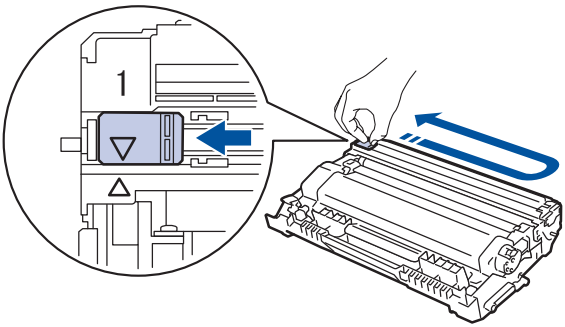
Cải thiện chất lượng in

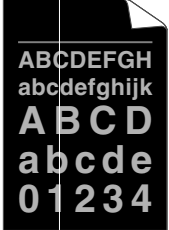

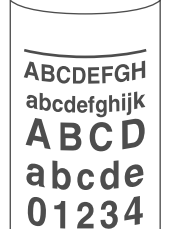
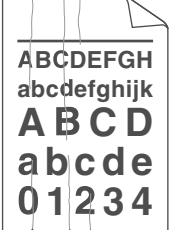
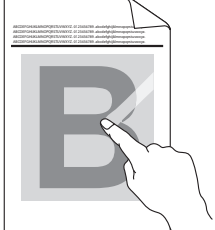
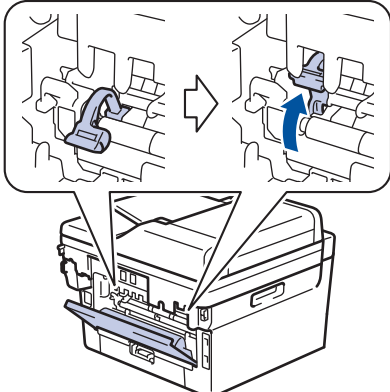
Nếu bạn có vấn đề về chất lượng in, hãy in trang kiểm tra trước tiên. Nếu bản in có chất lượng tốt, vấn đề có thể không phải ở máy. Kiểm tra các kết nối cáp giao diện và thử in tài liệu khác. Nếu bản in hoặc trang kiểm tra được in từ máy có vấn đề về chất lượng, hãy xem các ví dụ về chất lượng in xấu và thực hiện theo khuyến nghị trong bảng.

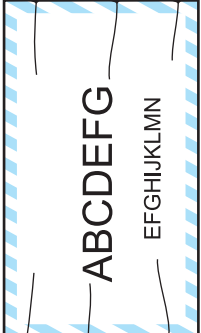
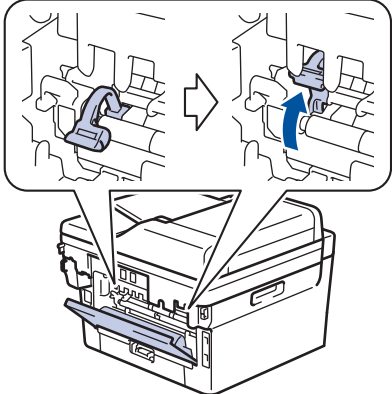
- Để có chất lượng in tốt nhất, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng phương tiện in được khuyến nghị. Đảm bảo bạn sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của chúng tôi.
- Kiểm tra hộp mực và bộ trống mực có được lắp chính xác không.

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 <p>Mờ</p>	<ul style="list-style-type: none"> Nếu máy hiển thị trạng thái Thay mực in, lắp hộp mực mới vào. Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện như độ ẩm, nhiệt độ cao, v.v... có thể gây ra lỗi in này. Nếu toàn bộ trang giấy quá nhạt, chế độ Tiết kiệm mực in có thể được bật. Tắt chế độ Tiết kiệm mực in trong thiết đặt menu của máy hoặc trình điều khiển máy in. Vệ sinh bộ trống mực. Vệ sinh dây corona trên bộ trống mực. Thay hộp mực mới mới vào. Thay bộ trống mực mới vào.
 <p>Nền màu xám</p>	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như nhiệt độ và độ ẩm cao có thể tăng mức độ đổ bóng của nền. Vệ sinh bộ trống mực. Thay bộ trống mực mới vào.
 <p>Ảnh tạo bóng mờ</p>	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm và nhiệt độ thấp có thể gây ra vấn đề về chất lượng in này. Chọn loại phương tiện phù hợp trong trình điều khiển máy in. Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng nằm ở vị trí trên. Kéo hai cần màu xanh lá cây lên cho đến khi chúng dừng lại.  <ul style="list-style-type: none"> Vệ sinh bộ trống mực. Thay bộ trống mực mới vào. Thay hộp mực mới mới vào. Bộ sấy mực có thể bị bẩn.

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 <p>Các đốm mực nhỏ</p>	<p>Liên hệ Dịch vụ khách hàng của Brother theo số:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo thiết đặt loại phương tiện trong trình điều khiển khớp với loại giấy bạn đang sử dụng. • Vệ sinh bộ trống mực. • Hộp mực có thể bị hỏng. Thay hộp mực mới mới vào. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào. • Bộ sấy mực có thể bị bẩn. Liên hệ Dịch vụ khách hàng của Brother theo số:
 <p>Chữ in có lỗ</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Chọn chế độ Giấy dày trong trình điều khiển máy in hoặc sử dụng giấy mỏng hơn bạn hiện đang sử dụng. • Chọn loại phương tiện thích hợp từ các tùy chọn loại giấy trên máy của bạn. • Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm cao có thể khiến chữ in có lỗ. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 <p>Đen toàn bộ</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 <p>Các đường màu trắng ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Chọn loại phương tiện phù hợp trong trình điều khiển máy in. • Chọn loại phương tiện thích hợp từ các tùy chọn loại giấy trên máy của bạn. • Vấn đề có thể tự biến mất. In một vài trang trắng để giải quyết vấn đề này, đặc biệt nếu máy không được sử dụng trong thời gian dài. • Vệ sinh bộ trống mực. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 <p>Các đường ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Vệ sinh bộ trống mực. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 <p>Các đường, dải hoặc gân sọc màu trắng ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm và nhiệt độ cao có thể gây ra vấn đề về chất lượng in này. • Vệ sinh bộ trống mực. • Nếu vấn đề không được giải quyết sau khi một vài trang, thay bộ trống mực mới.

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 <p>Đốm trắng trên văn bản và đồ họa đen cách quãng 94 mm</p> <p>Đốm đen cách quãng 94 mm</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tạo 10-15 bản sao của một tờ giấy trắng trơn. Nếu vấn đề không được giải quyết sau khi in trang trắng, bộ trống mực có thể có vật lạ, chẳng hạn như keo từ nhãn, kẹt trên trống mực. Vệ sinh bộ trống mực. <ul style="list-style-type: none"> ➤ Thông tin liên quan: Vệ sinh Bộ trống mực Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 <p>Mực đen tạo dấu ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> Nếu bạn sử dụng tờ giấy nhẵn cho máy in laze, keo từ các tờ giấy đôi khi có thể dính vào bề mặt trống. Vệ sinh bộ trống mực. <ul style="list-style-type: none"> ➤ Thông tin liên quan: Vệ sinh Bộ trống mực Nếu bạn sử dụng giấy có kẹp hoặc dập ghim, bộ trống mực có thể bị hỏng. Nếu ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào bộ trống mực không được đóng gói (hoặc ánh sáng phòng trong thời gian dài), bộ trống mực có thể bị hỏng. Vệ sinh bộ trống mực. Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 <p>Đường màu đen dọc trang giấy Trang in bị rây mực dọc trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt vầu màu xanh lá cây. <p>➤ Đảm bảo vầu màu xanh lá cây của dây corona nằm ở vị trí ban đầu (1).</p>  <ul style="list-style-type: none"> Lau dải kính máy quét bằng khăn khô mềm không có xơ. Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào. Bộ sấy mực có thể bị bẩn. Liên hệ Dịch vụ khách hàng của Brother theo số:

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 <p data-bbox="268 398 687 432">Các đường màu trắng dọc trang giấy</p>	<ul data-bbox="818 170 1457 338" style="list-style-type: none"> • Đảm bảo không có vật lạ, chẳng hạn như mẫu giấy rách, giấy dính ghi chú hoặc bụi bẩn, ở trong máy và quanh hộp mực và bộ trống mực. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 <p data-bbox="384 678 568 712">Hình ảnh bị lệch</p>	<ul data-bbox="818 450 1457 920" style="list-style-type: none"> • Đặt tài liệu chính xác trong ADF hoặc trên kính máy quét nếu việc in lệch chỉ xảy ra khi tạo bản sao. • Đảm bảo giấy hoặc phương tiện in khác được nạp chính xác trong khay giấy và thanh dẫn giấy không tỳ quá chặt hoặc quá lỏng vào chông giấy. • Đặt thanh dẫn giấy chính xác. • Khay giấy có thể quá đầy. • Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy. • Kiểm tra xem có vật rời ra, như giấy rách bên trong máy. • Nếu sự cố chỉ xảy ra trong khi in 2 mặt tự động, hãy kiểm tra giấy rách trong khay 2 mặt. Xác minh khay 2 mặt được chèn hoàn toàn và nắp lưng được đóng hoàn toàn.
 <p data-bbox="331 1182 619 1216">Ảnh quăn hoặc gợn sóng</p>	<ul data-bbox="818 943 1457 1301" style="list-style-type: none"> • Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy. Nhiệt độ và độ ẩm cao có thể khiến giấy bị quăn. • Nếu bạn không sử dụng máy thường xuyên, giấy có thể nằm trong khay giấy quá lâu. Lật ngược chông giấy trong khay giấy. Ngoài ra, tải chông giấy, rồi xoay giấy 180° trong khay giấy. • Mở nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) để cho phép trang đã in chạy ra trên khay đầu ra hướng lên. • Chọn chế độ Giảm thiểu Quăn Giấy trong trình điều khiển máy in khi bạn không sử dụng phương tiện in được chúng tôi khuyến nghị.
 <p data-bbox="363 1552 587 1585">Nhấn hoặc gấp nếp</p>	<ul data-bbox="818 1323 1457 1458" style="list-style-type: none"> • Đảm bảo giấy được nạp đúng cách. • Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy. • Lật ngược chông giấy trong khay hoặc xoay giấy 180° trong khay giấy.
 <p data-bbox="336 1839 616 1872">Khả năng hiện mực kém</p>	<ul data-bbox="818 1603 1457 1693" style="list-style-type: none"> • Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng nằm ở vị trí trên. Kéo hai cần màu xanh lá cây lên cho đến khi chúng dừng lại. 

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo thiết đặt loại phương tiện trong trình điều khiển máy in khớp với loại giấy bạn đang sử dụng. • Chọn chế độ Cải thiện khả năng hiện mực trong trình điều khiển máy in. <p>Nếu lựa chọn này không cho thấy cải thiện rõ rệt, hãy thay đổi thiết đặt trình điều khiển máy in trong Loại vật liệu in thành thiết đặt dày. Nếu bạn đang in phong bì, hãy chọn Bao thư Dày trong thiết đặt loại phương tiện.</p>
 <p>Phong bì gấp nếp</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng được kéo xuống đến vị trí của phong bì khi bạn in phong bì. Sau khi bạn in xong, đặt lại các cần về vị trí ban đầu. Kéo các cần lên cho đến khi chúng dừng lại.  <ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo phong bì được in với nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) mở. • (Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công) Đảm bảo phong bì chỉ được nạp từ khe nạp bằng tay.

✓ Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

Chủ đề liên quan:

- [Vệ sinh Bộ trống mực](#)
- [Giảm mức tiêu thụ mực](#)
- [Thay Hộp mực](#)
- [Thay Bộ trống mực](#)
- [Vệ sinh máy quét](#)

Vấn đề về điện thoại và fax

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Đường dây hoặc kết nối điện thoại

Khó khăn	Gợi ý
Quay số không hoạt động. (Không có âm quay số)	Kiểm tra tất cả kết nối dây điện cho đường dây. Đảm bảo rằng dây điện cho đường điện thoại được cắm vào ổ cắm trên tường cho điện thoại và ổ cắm LINE của máy. Đảm bảo rằng máy của bạn có âm quay số bằng cách bấm nút Báo nhận trong chế độ Fax. Nếu bạn đăng ký dịch vụ DSL hoặc dịch vụ VoIP, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để được hướng dẫn kết nối.
	(Chỉ có ở một số quốc gia.) Thay đổi thiết đặt Tín hiệu/Xung
	Gửi fax thủ công bằng cách bấm nút Báo nhận và quay số. Chờ đến khi nghe thấy tín hiệu đang nhận fax rồi mới bấm nút Bắt đầu.
	Nếu không có âm quay số, hãy kết nối điện thoại biết chắc có hoạt động và dây điện cho đường điện thoại với ổ cắm. Sau đó nhắc ống nghe điện thoại của điện thoại gắn ngoài và lắng nghe âm quay số. Nếu vẫn không có âm quay số, yêu cầu công ty điện thoại kiểm tra đường dây và/hoặc ổ cắm trên tường.
Máy không trả lời khi được gọi.	Đảm bảo rằng máy đang ở chế độ nhận đúng với cài đặt của bạn. Kiểm tra âm quay số. Nếu có thể, gọi cho máy của bạn để nghe máy trả lời. Nếu vẫn không có tín hiệu trả lời, kiểm tra rằng dây điện cho đường điện thoại được cắm vào ổ cắm điện thoại trên tường và ổ cắm LINE của máy. Đảm bảo rằng máy của bạn có âm quay số bằng cách bấm nút Báo nhận trong chế độ Fax. Nếu không có chuông đổ khi bạn gọi máy của mình, yêu cầu công ty điện thoại kiểm tra đường dây.

Xử lý cuộc gọi đến

Khó khăn	Gợi ý
Gửi Cuộc gọi fax đến máy.	Nếu bạn đã trả lời ở điện thoại có số máy nhánh hoặc điện thoại gắn ngoài, bấm Mã kích hoạt từ xa của bạn (thiết đặt mặc định theo nhà máy là *51). Nếu bạn đã trả lời ở điện thoại có số máy nhánh, bấm nút Bắt đầu để nhận fax. Khi máy của bạn trả lời, gác máy.
Tính năng tùy chỉnh trên một đường dây duy nhất.	Nếu bạn có dịch vụ Cuộc gọi chờ người gọi, Thư thoại, máy trả lời, hệ thống cảnh báo hoặc các tính năng tùy chỉnh khác trên một đường dây điện thoại duy nhất kết nối với máy của bạn, điều này có thể gây ra vấn đề khi gửi hoặc nhận fax. Ví dụ: Nếu bạn đăng ký Cuộc gọi chờ hoặc một số dịch vụ tùy chỉnh khác và tín hiệu của dịch vụ này đi qua đường dây trong khi máy của bạn đang gửi hoặc nhận fax, tín hiệu đó có thể tạm thời ngắt hoặc làm gián đoạn quá trình fax. Tính năng ECM (Chế độ sửa lỗi) của Brother sẽ giúp khắc phục vấn đề này. Tình trạng này có liên quan đến ngành hệ thống điện thoại và là vấn đề thường gặp ở tất cả các thiết bị gửi và nhận thông tin trên một đường dây dùng chung duy nhất có các tính năng tùy chỉnh. Nếu công việc của bạn thực sự cần tránh những gián đoạn nhỏ, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng đường dây điện thoại riêng biệt không có tính năng tùy chỉnh nào.

Nhận fax

Khó khăn	Gợi ý
Không thể nhận fax.	Kiểm tra tất cả kết nối dây điện cho đường dây. Đảm bảo rằng dây điện cho đường điện thoại được cắm vào ổ cắm trên tường cho điện thoại và ổ cắm LINE của máy. Nếu bạn đăng ký dịch vụ DSL hoặc dịch vụ VoIP, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để được hướng dẫn kết nối. Nếu bạn đang sử dụng hệ thống VoIP, hãy thử thay đổi cài đặt VoIP thành <i>Cơ bản (đối với VoIP)</i> . Điều này sẽ làm giảm tốc độ modem và tắt Chế độ Chỉnh sửa Lỗi (ECM).
	Đảm bảo rằng máy của bạn có âm quay số bằng cách bấm nút Báo nhận trong chế độ Fax. Nếu bạn thấy tạp âm hoặc nhiễu trên đường dây fax, hãy liên hệ nhà cung cấp dịch vụ điện thoại ở địa phương bạn.


Khó khăn	Gợi ý
Không thể nhận fax.	<p>Đảm bảo rằng máy đang ở Chế độ nhận đúng. Điều này được xác định bởi thiết bị gắn ngoài và dịch vụ thuê bao điện thoại mà bạn có trên cùng đường dây với máy Brother.</p> <ul style="list-style-type: none"> Nếu bạn có đường dây fax riêng và muốn máy Brother của mình tự động trả lời tất cả fax đến, bạn nên chọn chế độ Chỉ fax. Nếu máy Brother của bạn dùng chung đường dây với máy trả lời gắn ngoài, bạn nên chọn chế độ TAD gắn ngoài. Trong chế độ TAD gắn ngoài, máy Brother của bạn sẽ tự động nhận fax đến và người gọi thoại sẽ có thể để lại tin nhắn trên máy trả lời của bạn. Nếu máy Brother của bạn dùng chung đường dây với các điện thoại khác và bạn muốn máy tự động trả lời tất cả các fax đến, bạn nên chọn chế độ Fax/Điện thoại. Trong chế độ Fax/Điện thoại, máy Brother của bạn sẽ tự động nhận fax và thực hiện đổ chuông giả/kép để nhắc bạn trả lời cuộc gọi thoại. Nếu bạn không muốn máy Brother của mình tự động trả lời bất kỳ fax đến nào, bạn nên chọn chế độ Bàng tay. Ở chế độ Bàng tay, bạn phải trả lời tất cả các cuộc gọi đến và kích hoạt để máy nhận fax. <p>Một thiết bị hoặc dịch vụ khác ở chỗ của bạn có thể trả lời cuộc gọi trước khi máy Brother của bạn trả lời. Để kiểm tra điều này, hãy giảm thiết đặt Số lần đổ chuông xuống:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nếu đã thiết đặt Chế độ nhận thành Chỉ fax hoặc Fax/Điện thoại, hãy giảm Số lần đổ chuông xuống giá trị nhỏ nhất (ngoại trừ bằng "0"). Nếu Chế độ nhận được thiết đặt thành TAD gắn ngoài, giảm số lần đổ chuông được lập trình trên máy trả lời của bạn xuống thành hai lần. Nếu Chế độ nhận được thiết đặt thành Bàng tay, KHÔNG điều chỉnh thiết đặt Số lần đổ chuông. <p>Nhờ người khác gửi thử fax cho bạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nếu bạn nhận được bản fax thử thành công nghĩa là máy của bạn đang hoạt động đúng. Nhớ đặt lại Số lần đổ chuông hoặc thiết đặt máy trả lời của bạn về lại thiết đặt ban đầu. Nếu vấn đề nhận tái diễn sau khi đặt lại Số lần đổ chuông, nghĩa là có người, thiết bị hoặc dịch vụ thuê bao đang trả lời cuộc gọi fax trước khi máy có thể trả lời. Nếu bạn không thể nhận được fax, nghĩa là có thiết bị hoặc dịch vụ thuê bao khác có thể đang can thiệp vào việc nhận fax của bạn hoặc có thể đường dây fax của bạn có vấn đề. <p>Nếu bạn đang sử dụng máy trả lời điện thoại (chế độ TAD gắn ngoài) trên cùng đường dây với máy Brother, đảm bảo rằng máy trả lời của bạn được cài đặt đúng.</p> <ol style="list-style-type: none"> Thiết đặt máy trả lời của bạn trả lời trong vòng một hoặc hai lần đổ chuông. Ghi âm tin nhắn gửi đi trên máy trả lời của bạn. <ul style="list-style-type: none"> Ghi âm năm giây im lặng ở đầu tin nhắn gửi đi của bạn. Giới hạn thời gian nói của bạn trong 20 giây. Kết thúc tin nhắn gửi đi của bạn bằng Mã kích hoạt từ xa cho người gửi fax bằng tay. Ví dụ: "Sau tiếng bíp, vui lòng để lại tin nhắn hoặc bấm *51 và Bắt đầu để gửi fax." Thiết đặt máy trả lời của bạn trả lời cuộc gọi. Thiết đặt Chế độ nhận trong máy Brother của bạn là TAD gắn ngoài. <p>Đảm bảo đã Bật tính năng Phát hiện fax cho máy Brother của bạn. Phát hiện fax là tính năng cho phép bạn nhận fax ngay cả khi bạn đã trả lời cuộc gọi ở điện thoại gắn ngoài hoặc điện thoại có số máy nhánh.</p> <p>Nếu bạn thường xuyên gặp lỗi truyền do khả năng bị nhiễu đường dây điện thoại hoặc nếu bạn đang sử dụng hệ thống VoIP, hãy thử thay đổi thiết đặt Tương thích sang <i>Cơ bản (đối với VoIP)</i>.</p>

Gửi fax

Khó khăn	Gợi ý
Không thể gửi fax.	<p>Kiểm tra tất cả kết nối dây điện cho đường dây. Đảm bảo rằng dây điện cho đường điện thoại được cắm vào ổ cắm trên tường cho điện thoại và ổ cắm LINE của máy. Đảm bảo rằng máy của bạn có âm quay số bằng cách bấm nút Báo nhận trong chế độ Fax. Nếu bạn đăng ký dịch vụ DSL hoặc dịch vụ VoIP, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để được hướng dẫn kết nối.</p> <p>Đảm bảo rằng bạn đã bấm Fax và máy ở chế độ Fax.</p> <p>In Báo cáo xác nhận truyền và kiểm tra lỗi.</p> <p>Yêu cầu bên kia kiểm tra xem máy nhận có giấy không.</p>

Khó khăn	Gợi ý
Chất lượng bản fax gửi đi kém.	Thử thay đổi độ phân giải của bạn về Mịn hoặc Siêu Mịn. Tạo bản sao để kiểm tra hoạt động máy quét của máy. Nếu chất lượng sao chép kém, hãy vệ sinh máy quét.
Báo cáo xác nhận truyền cho biết KẾT QUẢ:ERROR.	Có thể đường dây tạm thời bị nhiễu hoặc có tạp âm. Thử gửi lại fax. Nếu bạn đang gửi báo cáo PC-Fax và nhận được KẾT QUẢ:LỖI trên Báo cáo xác nhận truyền, có thể máy của bạn đã hết bộ nhớ. Để giải phóng thêm dung lượng bộ nhớ, bạn có thể tắt Lưu trữ fax, in nội dung các bản fax trong bộ nhớ hoặc hủy gửi fax hẹn giờ. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, yêu cầu công ty điện thoại kiểm tra đường dây điện thoại của bạn. Nếu bạn thường xuyên gặp lỗi truyền do khả năng bị nhiễu đường dây điện thoại hoặc nếu bạn đang sử dụng hệ thống VoIP, hãy thử thay đổi thiết đặt Tương thích sang Cơ bản (đối với VoIP).
Fax đã gửi trống trơn.	Đảm bảo rằng bạn nạp tài liệu đúng cách. Khi sử dụng bộ nạp ADF, nên để tài liệu hướng lên. Khi sử dụng kính máy quét, nên để tài liệu hướng xuống.
Bản fax gửi đi có sọc dọc màu đen.	Sọc dọc màu đen có trên bản fax bạn gửi thường là do bụi bẩn hoặc chất lỏng xóa trên dải kính. Vệ sinh dải kính.

In bản fax nhận

Khó khăn	Gợi ý
<ul style="list-style-type: none"> In dày đặc Sọc ngang Câu trên cùng và dưới cùng bị mất Thiếu dòng 	Điều này thường là do kết nối điện thoại không tốt. Tạo bản sao thử; nếu bản sao của bạn có chất lượng tốt thì có thể kết nối của bạn không tốt do đường dây điện thoại có tạp âm hoặc bị nhiễu. Yêu cầu bên kia gửi lại fax.
Có sọc dọc màu đen khi nhận.	Dây corona có thể bị bẩn. Vệ sinh dây corona trong bộ trống mực. Máy quét của người gửi có thể bị bẩn. Yêu cầu người gửi tạo một bản sao để xem có phải vấn đề là do máy gửi không. Thử nhận từ máy fax khác.
Fax đã nhận xuất hiện dưới dạng trang bị tách hoặc trang trắng.	Lề trái và phải bị mất hoặc một trang được in trên hai trang. Nếu fax đã nhận bị chia ra và in trên hai trang hoặc nếu bạn nhận được thêm một trang trắng nghĩa là thiết đặt khổ giấy của bạn có thể không đúng với giấy mà bạn đang sử dụng. Bật Thu nhỏ tự động.



Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố
 - Thiết đặt Phát hiện âm quay số
 - Thiết đặt khả năng tương thích của đường dây điện thoại cho các hệ thống gây can nhiễu và VoIP

Thiết đặt Phát hiện âm quay số

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Việc thiết đặt Âm quay số thành [Detection (Phát hiện)] sẽ rút ngắn thời gian tạm dừng để phát hiện Âm quay số.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Dial Tone (Âm quay số)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn [Detection (Phát hiện)] hoặc [No Detection (Không có phát hiện)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



Thông tin liên quan

- [Vấn đề về điện thoại và fax](#)

Thiết đặt khả năng tương thích của đường dây điện thoại cho các hệ thống gây can nhiễu và VoIP

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Có thể giải quyết các vấn đề có thể xảy ra khi gửi và nhận fax do nhiễu đường dây điện thoại bằng cách giảm tốc độ modem để giảm thiểu lỗi trong khi truyền fax. Nếu bạn đang sử dụng dịch vụ Truyền giọng nói trên giao thức IP (VoIP), chúng tôi khuyên bạn nên thay đổi tính tương thích thành Cơ bản (cho VoIP).



- VoIP là loại hệ thống điện thoại sử dụng kết nối Internet, không phải đường dây điện thoại truyền thống.
- Nhà cung cấp máy điện thoại thường cung cấp VoIP theo gói cùng với dịch vụ Internet và cáp.
- Brother không khuyến nghị việc sử dụng đường dây VoIP. Những hạn chế của VoIP nói chung có thể khiến một số chức năng của máy fax hoạt động không đúng.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm **▲** hoặc **▼** để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm **▲** hoặc **▼** để hiển thị tùy chọn [Compatibility (Khả năng tương thích)] rồi bấm **OK**.
4. Bấm **▲** hoặc **▼** để hiển thị tùy chọn [High (Cao)], [Normal (Bình thường)] hoặc [Basic (for VoIP) (Cơ bản (cho VoIP))], rồi bấm **OK**.

Tùy chọn	Mô tả
High (Cao)	Chọn High (Cao) để thiết đặt tốc độ modem là 33600 bps.
Normal (Bình thường)	Chọn Normal (Bình thường) để thiết đặt tốc độ modem là 14400 bps.
Basic (for VoIP) (Cơ bản (cho VoIP))	Chọn Basic (for VoIP) (Cơ bản (cho VoIP)) để giảm tốc độ modem xuống 9600 bps và tắt Chế độ sửa lỗi (ECM). Trừ khi nhiễu là vấn đề thường xảy ra trên đường dây điện thoại của bạn, bạn chỉ nên dùng chế độ này khi cần thiết. Để cải thiện tính tương thích với hầu hết dịch vụ VoIP, chúng tôi khuyên bạn nên thay đổi thiết đặt tính tương thích thành Basic (for VoIP) (Cơ bản (cho VoIP)).

5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



Thông tin liên quan

- [Vấn đề về điện thoại và fax](#)

Vấn đề về mạng

Model: DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

- [Thông báo lỗi](#)
- [Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng \(Windows\)](#)
- Nếu bạn đang gặp vấn đề với mạng của máy

Thông báo lỗi

Model: DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Các thông báo lỗi và bảo trì thường gặp nhất được trình bày trong bảng sau.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
Maximum limit of connected devices has been reached. (Đã đạt đến giới hạn thiết bị được kết nối tối đa.)	Bốn thiết bị di động đã kết nối với mạng Wi-Fi Direct khi máy Brother là Chủ sở hữu nhóm.	Sau khi tắt kết nối hiện tại giữa máy Brother và thiết bị di động khác, hãy thử cấu hình lại thiết đặt Wi-Fi Direct. Bạn có thể xác nhận trạng thái kết nối bằng cách in Báo cáo cấu hình mạng.
Connection Error (Lỗi kết nối)	Các thiết bị khác cũng đang cố kết nối với mạng Wi-Fi Direct.	Đảm bảo không có thiết bị khác nào cố kết nối với mạng Wi-Fi Direct, rồi thử cấu hình lại thiết đặt Wi-Fi Direct.
Connection Fail (Kết nối không thành công)	Máy Brother và thiết bị di động không thể kết nối trong khi đang thực hiện cấu hình mạng Wi-Fi Direct.	<ul style="list-style-type: none">Chuyển thiết bị di động gần hơn đến máy Brother.Chuyển máy Brother và thiết bị di động đến khu vực không có vật cản trở.Nếu bạn đang sử dụng Phương pháp mã PIN của WPS, đảm bảo bạn đã nhập đúng mã PIN.
No Device (Không có thiết bị)	Khi đang cấu hình mạng Wi-Fi Direct, máy Brother không thể tìm thấy thiết bị di động.	<ul style="list-style-type: none">Đảm bảo máy và thiết bị di động của bạn ở chế độ Wi-Fi Direct.Chuyển thiết bị di động gần hơn đến máy Brother.Chuyển máy Brother và thiết bị di động đến khu vực không có vật cản trở.Nếu bạn đang cấu hình bằng tay mạng Wi-Fi Direct, đảm bảo bạn đã nhập đúng mật khẩu.Nếu thiết bị di động của bạn có trang cấu hình để lấy địa chỉ IP, hãy đảm bảo đã cấu hình địa chỉ IP của thiết bị di động qua DHCP.
Wrong Date&Time, contact your administrator. (Sai Ngày & Giờ, liên hệ quản trị viên của bạn.)	Máy Brother không lấy được thông tin thời gian từ máy chủ thời gian SNTP hoặc bạn chưa cấu hình Ngày & thời gian cho máy.	<ul style="list-style-type: none">Đảm bảo thiết đặt để truy cập máy chủ thời gian SNTP được cấu hình đúng trong Quản lý trên nền web.Xác nhận thiết đặt Date&Time (Ngày & giờ) của máy chính xác trong Quản lý trên nền web.



Thông tin liên quan


- [Vấn đề về mạng](#)

Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng (Windows)

Model: DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng để sửa chữa thiết đặt mạng của máy Brother. Công cụ này sẽ cấp địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con đúng.

Đảm bảo máy đang bật và kết nối vào cùng mạng với máy tính của bạn.

1. Khởi chạy  (**Brother Utilities**), rồi nhấp vào danh sách thả xuống và chọn tên dòng máy của bạn (nếu chưa được chọn).
2. Bấm **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Công cụ Sửa chữa Kết nối Mạng**.
3. Làm theo hướng dẫn trên màn hình.
4. Kiểm tra chẩn đoán bằng cách in Báo cáo cấu hình mạng hoặc trang thiết đặt máy in.



Công cụ sửa chữa kết nối mạng sẽ tự động bắt đầu nếu bạn chọn tùy chọn **Kích hoạt Công cụ Sửa chữa Kết nối** trong Status Monitor. Bấm chuột phải vào màn hình Status Monitor, rồi bấm **Thiết lập Khác > Kích hoạt Công cụ Sửa chữa Kết nối**. Chúng tôi không khuyến nghị điều này khi người quản trị mạng của bạn đã thiết đặt địa chỉ IP thành Tĩnh, vì điều này sẽ tự động thay đổi địa chỉ IP.

Nếu địa chỉ IP chính xác và Mặt nạ mạng con vẫn chưa được gán ngay cả khi bạn đã dùng Công cụ sửa chữa kết nối mạng, hãy hỏi quản trị viên mạng của bạn để biết thông tin này.



Thông tin liên quan

- [Vấn đề về mạng](#)

Chủ đề liên quan:

- [Máy không thể in, quét hoặc sử dụng chức năng nhận PC-FAX qua mạng](#)
- [Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.](#)

Nếu bạn đang gặp vấn đề với mạng của máy

Nếu bạn cho rằng có vấn đề với môi trường mạng của máy, hãy xem thử các chủ đề sau. Bạn có thể tự giải quyết hầu hết các vấn đề.

Nếu bạn cần trợ giúp thêm, hãy truy cập support.brother.com/faqs.

- Tôi không thể hoàn tất việc cấu hình cài đặt mạng không dây
- Máy không thể in, quét hoặc sử dụng chức năng nhận PC-FAX qua mạng
- Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

Tôi không thể hoàn tất việc cấu hình cài đặt mạng không dây

Model: DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Tắt bộ định tuyến không dây của bạn và bật lại. Sau đó, thử cấu hình lại các thiết đặt không dây. Nếu bạn không thể giải quyết được vấn đề, hãy làm theo hướng dẫn sau:

Điều tra vấn đề bằng cách sử dụng Báo cáo WLAN.

Nguyên nhân	Hành động	Giao diện
Thiết đặt bảo mật của bạn (SSID/Khóa mạng) không chính xác.	Xác nhận các thiết đặt bảo mật bằng Wireless Setup Helper (Trình trợ giúp cài đặt không dây) (Windows). Để biết thêm thông tin và tải xuống tiện ích này, hãy truy cập trang Downloads cho model của bạn tại support.brother.com/downloads . Chọn và xác nhận rằng bạn đang sử dụng thiết đặt bảo mật chính xác. - Xem hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn để biết thông tin về cách tìm thiết đặt bảo mật. - Tên nhà sản xuất hoặc số model của điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây có thể được sử dụng làm thiết đặt bảo mật mặc định. - Tham khảo ý kiến của nhà sản xuất điểm truy cập/bộ định tuyến, nhà cung cấp Internet hoặc người quản trị mạng của bạn.	Không dây
Địa chỉ MAC của máy Brother không được cho phép.	Xác nhận rằng Địa chỉ MAC của máy Brother được cho phép trong bộ lọc. Bạn có thể tìm thấy Địa chỉ MAC trên bảng điều khiển của máy Brother.	Không dây
Điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn đang ở chế độ tàng hình (không truyền phát SSID).	<ul style="list-style-type: none"> Nhập bằng tay SSID hoặc Khóa mạng chính xác. Kiểm tra SSID hoặc Khóa mạng trong hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn và cấu hình lại cài đặt mạng không dây. 	Không dây
Máy của bạn đang cố gắng kết nối với mạng Wi-Fi 5 GHz. Kênh hiện tại được thiết đặt trên điểm truy cập/bộ định tuyến mạng LAN không dây của bạn không được hỗ trợ. (Chỉ những quốc gia hỗ trợ Wi-Fi 5 GHz)	Thay đổi kênh trên điểm truy cập/bộ định tuyến mạng LAN không dây của bạn thành kênh được máy của bạn hỗ trợ. <ol style="list-style-type: none"> Xác nhận các kênh được máy của bạn hỗ trợ. Truy cập support.brother.com/g/d/a5m6/, chọn model của bạn để biết thêm thông tin. Kiểm tra thiết đặt kênh của điểm truy cập/bộ định tuyến mạng LAN không dây của bạn. Đảm bảo rằng thiết đặt này được đặt thành một trong các kênh được máy của bạn hỗ trợ và không thiết đặt thành "T.động" hoặc "Tự động". Để biết thêm thông tin về cách thay đổi thiết đặt kênh, hãy xem các hướng dẫn được cung cấp kèm theo điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn. Hãy thử kết nối lại máy của bạn với mạng Wi-Fi. 	Không dây
Thiết đặt bảo mật của bạn (SSID/mật khẩu) không chính xác.	Xác nhận SSID và mật khẩu. Khi bạn đang cấu hình mạng bằng tay, SSID và mật khẩu được hiển thị trên máy Brother của bạn. Nếu thiết bị di động của bạn hỗ trợ cấu hình bằng tay, SSID và mật khẩu sẽ được hiển thị trên màn hình thiết bị di động của bạn.	Wi-Fi Direct
Bạn đang sử dụng Android™ 4.0.	Nếu thiết bị di động của bạn ngắt kết nối (khoảng sáu phút sau khi sử dụng Wi-Fi Direct), hãy thử cấu hình một lần bấm bằng WPS (được khuyến nghị) và thiết đặt máy Brother làm Chủ sở hữu nhóm.	Wi-Fi Direct

Nguyên nhân	Hành động	Giao diện
Máy Brother của bạn được đặt quá xa so với thiết bị di động.	Di chuyển máy Brother đến gần thiết bị di động trong phạm vi khoảng 1 mét khi bạn cấu hình thiết đặt mạng Wi-Fi Direct.	Wi-Fi Direct
Có một số chướng ngại vật (ví dụ như tường hoặc đồ đạc) giữa máy của bạn và thiết bị di động.	Di chuyển máy Brother đến khu vực không có chướng ngại vật.	Wi-Fi Direct
Có máy tính không dây, thiết bị hỗ trợ Bluetooth®, lò vi sóng hoặc điện thoại không dây kỹ thuật số ở gần máy Brother hoặc thiết bị di động của bạn.	Di chuyển các thiết bị khác ra xa khỏi máy Brother hoặc thiết bị di động.	Wi-Fi Direct
Bạn đã kiểm tra và thử tắt cả các cách trên nhưng máy Brother của bạn vẫn không thể hoàn tất việc cấu hình Wi-Fi Direct.	<ul style="list-style-type: none"> Tắt máy Brother của bạn và bật lại. Sau đó, thử cấu hình lại thiết đặt Wi-Fi Direct. Nếu bạn đang sử dụng máy Brother làm máy khách, hãy xác nhận có bao nhiêu thiết bị được cho phép trong mạng Wi-Fi Direct hiện tại, rồi kiểm tra xem bao nhiêu thiết bị được kết nối. 	Wi-Fi Direct

Đối với Windows

Nếu kết nối không dây của bạn đã bị ngắt và bạn đã kiểm tra và thử tắt cả các cách trên, chúng tôi khuyến nghị sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng.





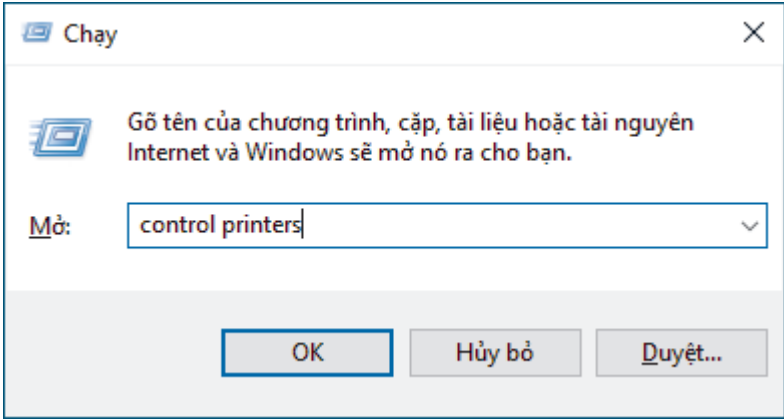

Thông tin liên quan

- Nếu bạn đang gặp vấn đề với mạng của máy

Máy không thể in, quét hoặc sử dụng chức năng nhận PC-FAX qua mạng

Model: DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Nguyên nhân	Hành động
Máy đã ngắt kết nối với mạng không dây.	DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/ MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB <ol style="list-style-type: none"> Bấm Wi-Fi. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn Recover WLAN (Khôi phục WLAN), rồi bấm OK. Khi thiết bị không dây của bạn kết nối thành công, máy sẽ hiển thị Connected (Đã kết nối).
Phần mềm bảo mật của bạn chặn máy của bạn truy cập vào mạng. (Tính năng quét qua mạng không hoạt động.)	<ul style="list-style-type: none"> Windows Cấu hình Phần mềm bảo mật/tường lửa bên thứ ba để cho phép tính năng quét qua mạng. Để thêm cổng 54925 cho tính năng quét qua mạng, hãy nhập thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> Trong trường Tên: Nhập bất kỳ mô tả nào, ví dụ Brother NetScan. Trong trường Số cổng: Nhập 54925 Trong trường Giao thức: UDP được chọn. Xem hướng dẫn sử dụng kèm theo Phần mềm bảo mật/tường lửa bên thứ ba hoặc liên hệ nhà sản xuất phần mềm. Mac (Brother iPrint&Scan) Trong thanh menu Finder (Trình tìm kiếm), nhấp vào Go (VÀO) > Applications (Ứng dụng), rồi nhấp đúp vào biểu tượng Brother iPrint&Scan. Cửa sổ Brother iPrint&Scan sẽ xuất hiện. Nhấp vào nút Select your Machine (Chọn Máy in của bạn), rồi làm theo hướng dẫn trên màn hình để chọn lại máy kết nối mạng của bạn.
Phần mềm bảo mật của bạn chặn máy của bạn truy cập vào mạng. (Tính năng nhận PC-Fax qua mạng không hoạt động.) (Windows)	Đặt Phần mềm bảo mật/tường lửa bên thứ ba để cho phép PC-FAX Rx. Để thêm cổng 54926 cho PC-FAX Rx qua mạng, nhập thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> Trong trường Tên: Nhập bất kỳ mô tả nào, ví dụ Brother PC-FAX Rx. Trong trường Số cổng: Nhập 54926 Trong trường Giao thức: UDP được chọn. Xem hướng dẫn sử dụng kèm theo Phần mềm bảo mật/tường lửa bên thứ ba hoặc liên hệ nhà sản xuất phần mềm.
Phần mềm bảo mật của bạn chặn máy của bạn truy cập vào mạng.	Một số phần mềm bảo mật có thể chặn truy cập mà không hiển thị hộp thoại thông báo bảo mật ngay cả sau khi đã cài đặt thành công. Để cho phép truy cập, xem hướng dẫn dành cho phần mềm bảo mật của bạn hoặc hỏi nhà sản xuất phần mềm.
Máy Brother của bạn chưa được gán địa chỉ IP khả dụng.	<ul style="list-style-type: none"> Xác nhận địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con. Xác nhận rằng cả địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con của máy tính và máy Brother là chính xác và nằm trên cùng một mạng. Để biết thêm thông tin về cách xác nhận địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con, hỏi người quản trị mạng của bạn.

Nguyên nhân	Hành động
	<ul style="list-style-type: none"> Windows Xác nhận địa chỉ IP và Mật nạ mạng con bằng cách sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng.
<p>Công việc in thất bại vẫn còn nằm trong hàng đợi in của máy tính.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Nếu công việc in thất bại vẫn còn nằm trong hàng đợi in của máy tính, hãy xóa công việc đó. Nếu không, hãy chọn biểu tượng máy in trong thư mục sau và hủy bỏ tất cả các tài liệu: (Windows) <ol style="list-style-type: none"> Bấm giữ phím  và bấm phím  trên bàn phím của máy tính để khởi chạy Chạy. Nhập "control printers" vào trường Mở: và nhấp vào OK. <div data-bbox="603 591 1390 1008" style="border: 1px solid #ccc; padding: 5px; margin: 10px 0;">  </div> <p>Cửa sổ Thiết bị và Máy in xuất hiện.</p> <p> Nếu cửa sổ Thiết bị và Máy in không xuất hiện, hãy nhấp vào Xem thêm thiết bị > Cài thiết bị và cài đặt máy in khác.</p> <p>Mac: Nhấp vào System Settings (Thiết đặt hệ thống) > Printers & Scanners (Máy in & máy quét) hoặc System Preferences (Tùy chọn hệ thống) > Printers & Scanners (Máy in & máy quét).</p>
<p>Máy của bạn không được kết nối với mạng không dây.</p>	<p>In Báo cáo WLAN để kiểm tra mã lỗi trên báo cáo đã in. ➤➤ Thông tin liên quan: In Báo cáo WLAN</p>

Nếu bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên nhưng vẫn đang gặp vấn đề, hãy gỡ cài đặt trình điều khiển (Windows) và phần mềm, rồi cài đặt lại phiên bản mới nhất.

Thông tin liên quan

- Nếu bạn đang gặp vấn đề với mạng của máy

Chủ đề liên quan:

- Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng (Windows)
- Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

Trang chủ > Xử lý sự cố > Vấn đề về mạng > Nếu bạn đang gặp vấn đề với mạng của máy > Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

Model: DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Kiểm tra	Hành động
Kiểm tra xem máy Brother, điểm truy cập/bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng mạng của bạn có được bật không.	Kiểm tra như sau: <ul style="list-style-type: none">Dây nguồn được kết nối đúng cách và máy Brother được bật.Điểm truy cập/bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng được bật và đèn LED liên kết của nó đang nhấp nháy.Đã tháo hết bao bì bảo vệ khỏi máy.Cụm hộp mực và bộ trống mực được lắp đặt đúng cách.Nắp của máy đã được đóng hoàn toàn.Giấy được nạp đúng vào khay giấy.(Đối với mạng có dây) Cáp mạng được kết nối chắc chắn với máy Brother và với bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng.
Kiểm tra Link Status trong Báo cáo cấu hình mạng hoặc trang Thiết đặt máy in.	In Báo cáo cấu hình mạng và kiểm tra xem Ethernet Link Status hoặc Wireless Link Status có là Link OK không.
Kiểm tra xem bạn có thể “kiểm tra kết nối” máy Brother từ máy tính của mình hay không.	Kiểm tra kết nối máy Brother từ máy tính bằng cách sử dụng địa chỉ IP hoặc tên nút trong cửa sổ nhắc lệnh Windows hoặc ứng dụng Mac Terminal: kiểm tra kết nối <ipaddress> hoặc <nodename>. <ul style="list-style-type: none">Thành công: Máy Brother của bạn đang hoạt động chính xác và được kết nối vào cùng mạng với máy tính.Không thành công: Máy Brother của bạn không được kết nối vào cùng mạng với máy tính của bạn. Windows: Hỏi quản trị viên của bạn về địa chỉ IP và mật mã mạng con, sau đó sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng. Mac: Xác nhận rằng địa chỉ IP và Mật mã mạng con được thiết đặt chính xác.
Kiểm tra xem máy Brother của bạn có được kết nối với mạng không dây không.	In Báo cáo WLAN để kiểm tra mã lỗi trên báo cáo đã in. ➤➤ <i>Thông tin liên quan: In Báo cáo WLAN</i>

Nếu bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên nhưng bạn vẫn đang gặp vấn đề, hãy xem hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến không dây của bạn để tìm thông tin về SSID (Tên mạng) và Khóa mạng (Mật khẩu), rồi thiết đặt chính xác các mục này.

✓ Thông tin liên quan

- Nếu bạn đang gặp vấn đề với mạng của máy

Chủ đề liên quan:

- Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng (Windows)
- Máy không thể in, quét hoặc sử dụng chức năng nhận PC-FAX qua mạng

Các vấn đề về AirPrint

Model: DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB




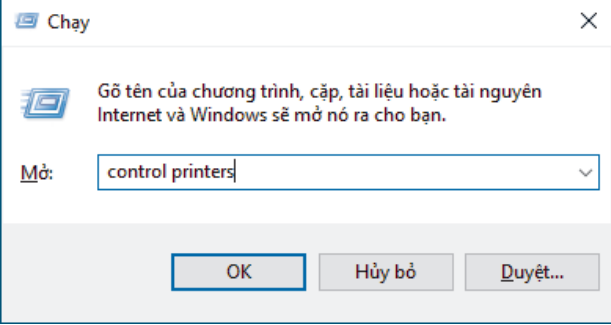


Khó khăn	Gợi ý
Máy của tôi không hiển thị trong danh sách máy in.	Hãy đảm bảo máy đã được bật. Đảm bảo máy và thiết bị di động hoặc máy Mac của bạn được kết nối với cùng một mạng. Di chuyển thiết bị di động của bạn lại gần điểm truy cập không dây/bộ định tuyến hoặc máy của bạn.
Tôi không thể in.	Hãy đảm bảo máy đã được bật. Đảm bảo máy và thiết bị di động hoặc máy Mac của bạn được kết nối với cùng một mạng.
Tôi đang cố gắng in một tài liệu nhiều trang từ thiết bị iOS, nhưng CHỈ in được trang đầu tiên.	Đảm bảo bạn đang chạy phiên bản hệ điều hành mới nhất.



Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

Vấn đề khác

Khó khăn	Gợi ý
Máy sẽ không bật.	<p>Các điều kiện bất lợi về kết nối điện (như sét hoặc điện áp tăng vọt) có thể đã kích hoạt cơ chế an toàn bên trong của máy. Rút phích cắm dây nguồn. Chờ mười phút, rồi rút phích cắm dây nguồn và bấm  để bật máy.</p> <p>Nếu vấn đề vẫn không được giải quyết và bạn đang sử dụng bộ ngắt điện, ngắt kết nối thiết bị này để đảm bảo rằng đây không phải là nguyên nhân gây ra vấn đề. Cắm dây nguồn của máy trực tiếp vào ổ cắm điện khác trên tường mà bạn đã biết là có hoạt động. Nếu vẫn không có điện, thử cáp điện khác.</p>
Máy không thể in dữ liệu EPS có bao gồm nhị phân bằng trình điều khiển máy in BR-Script3.	<p>(Windows)</p> <p>Để in dữ liệu EPS, thực hiện như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bấm giữ phím  và bấm phím  trên bàn phím của máy tính để khởi chạy Chạy. Nhập "control printers" vào trường Mở: và nhấp vào OK. <div data-bbox="858 891 1471 1214" style="border: 1px solid black; padding: 5px;">  <p>The screenshot shows a Windows 'Chạy' (Run) dialog box. The text inside says: 'Gõ tên của chương trình, tệp, tài liệu hoặc tài nguyên Internet và Windows sẽ mở nó ra cho bạn.' Below this, the 'Mở:' field contains the text 'control printers'. At the bottom, there are three buttons: 'OK', 'Hủy bỏ', and 'Duyệt...'.</p> </div> <p>Cửa sổ Thiết bị và Máy in xuất hiện.</p> <p> Nếu cửa sổ Thiết bị và Máy in không xuất hiện, hãy nhấp vào Xem thêm thiết bị > Cài thiết bị và cài đặt máy in khác.</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhấp chuột phải vào biểu tượng cho model của bạn có BR-Script3 trong tên, chọn Thuộc tính Máy in. <p> Nếu model của bạn có cụm từ BR-Script3 trong tên không xuất hiện, hãy nhấp chuột phải vào biểu tượng của model, chọn Thuộc tính Máy in, rồi chọn model của bạn có cụm từ BR-Script3 trong tên.</p> <ol style="list-style-type: none"> Từ tab Thiết đặt thiết bị chọn TBCP (Giao thức truyền thông nhị phân có thể) trong Giao thức Đầu ra.
Không thể cài đặt phần mềm Brother.	<p>(Windows)</p> <p>Nếu có cảnh báo Phần mềm bảo mật xuất hiện trên màn hình máy tính trong khi cài đặt, hãy thay đổi thiết đặt Phần mềm bảo mật để cho phép chương trình cài đặt sản phẩm của Brother hoặc chương trình khác chạy.</p> <p>(Mac)</p> <p>Nếu bạn đang sử dụng chức năng tường lửa của phần mềm chống vi-rút hoặc chống phần mềm gián điệp, hãy</p>

Khó khăn	Gợi ý
	tạm thời vô hiệu chức năng này, rồi cài đặt phần mềm Brother của bạn.

Khó khăn khi sao chép

Khó khăn	Gợi ý
Không thể sao chép.	Đảm bảo rằng bạn đã bấm Sao chép và máy ở chế độ Sao chép.
Bản sao có sọc dọc màu đen.	Sọc dọc màu đen có trên bản sao thường là do bụi hoặc chất lỏng điều chỉnh trên dải kính hoặc dây corona bị bẩn. Vệ sinh dải kính, kính máy quét, thanh trống và nhựa trống phía trên.
Bản sao trống trơn.	Đảm bảo rằng bạn nạp tài liệu đúng cách.

Khó khăn trong khi quét

Khó khăn	Gợi ý
Lỗi TWAIN hoặc WIA xuất hiện khi bắt đầu quét. (Windows)	Đảm bảo chọn điều khiển Brother TWAIN hoặc WIA làm nguồn chính trong ứng dụng quét của bạn. Ví dụ: trong Nuance™ PaperPort™ 14SE, nhấp vào Desktop (Màn hình desktop) > Scan Settings (Thiết đặt quét) > Select (Chọn) để chọn trình điều khiển Brother TWAIN/WIA.
OCR không hoạt động.	Thử tăng độ phân giải quét.

Khó khăn về phần mềm

Khó khăn	Gợi ý
Không thể cài đặt phần mềm hoặc in.	(Windows) Chạy lại chương trình cài đặt. Chương trình này sẽ sửa chữa và cài đặt lại phần mềm.



Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

Kiểm tra thông tin của máy

Thực hiện theo các hướng dẫn này để kiểm tra số sê-ri và phiên bản firmware của máy.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Machine Info. (Thông tin máy)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn một trong các tùy chọn sau đây:

Tùy chọn	Mô tả
Serial No. (Số sê-ri)	Kiểm tra số sê-ri máy của bạn.
Version (Phiên bản)	Kiểm tra phiên bản firmware của máy.
Page Counter (Bộ đếm số trang)	Kiểm tra tổng số trang mà máy đã in.
Parts Life (Tuổi thọ bộ phận)	Kiểm tra tuổi thọ còn lại của các vật tư.

4. Bấm **OK**.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

Cập nhật firmware của máy

Để giữ cho máy của bạn cập nhật, hãy kiểm tra support.brother.com/downloads để có bản firmware mới nhất. Nếu không có firmware mới nhất, một số chức năng của máy có thể không có.



Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

Chủ đề liên quan:

- [Kiểm tra mật khẩu của máy](#)

Đặt lại máy

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Reset (Đặt lại)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn loại đặt lại mà bạn muốn thực hiện, rồi bấm **OK**.



Chức năng đặt lại được chia nhỏ không có sẵn ở một số model.

5. Bấm tùy chọn trong bảng để đặt lại máy hoặc thoát quy trình.

Tùy chọn	Mô tả
▲	Đặt lại máy.
▼	Máy sẽ thoát và hủy menu đặt lại.

Màn hình LCD hiển thị [Reboot OK? (Khởi động lại OK?)].

6. Bấm tùy chọn trong bảng để khởi động lại máy hoặc thoát quy trình này.

Tùy chọn	Mô tả
▲	Khởi động lại máy. Máy sẽ bắt đầu quá trình đặt lại.
▼	Máy sẽ thoát mà không khởi động lại.



Nếu bạn thoát mà không khởi động lại, máy của bạn sẽ không được đặt lại và các thiết đặt của bạn sẽ không thay đổi.



Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)
 - [Tổng quan về Chức năng Đặt lại](#)

Chủ đề liên quan:

- [Kiểm tra mật khẩu của máy](#)

Tổng quan về Chức năng Đặt lại

Các loại chức năng đặt lại sau có thể sử dụng:



Rút cáp giao diện trước khi bạn chọn chức năng Đặt lại thiết đặt mạng, chức năng Đặt lại tất cả thiết đặt hoặc chức năng Đặt lại theo nhà máy.



Chức năng đặt lại được chia nhỏ không có sẵn ở một số model.

1. Đặt lại máy

Chức năng này đặt lại các thiết đặt sau:

- Công việc fax đã lập trình trong bộ nhớ (Đối với model MFC)
(Fax hẹn giờ)
- Thông báo trang bìa (Đối với model MFC)
- Tùy chọn fax từ xa (Đối với model MFC)
(Mã Truy cập Từ xa, Lưu trữ Fax, Chuyển tiếp Fax, và Nhận PC-Fax (Chỉ dành cho Windows))
- Thiết đặt ngôn ngữ

2. Đặt lại thiết đặt mạng (Đối với các model có kết nối mạng)

Đặt lại máy chủ in về cài đặt mặc định theo nhà máy (bao gồm tất cả thông tin Địa chỉ IP ngoại trừ mật khẩu quản trị viên).

3. Đặt lại danh bạ và thiết đặt fax (Đối với model MFC)

Chức năng này đặt lại các thiết đặt sau:

- Danh bạ
(Lối tắt / Quay số nhanh / Nhóm cài đặt)
- Công việc fax đã lập trình trong bộ nhớ
- ID trạm
(tên và số)
- Thông báo trang bìa
- Tùy chọn fax từ xa
(Mã Truy cập Từ xa, Lưu trữ Fax, Chuyển tiếp Fax, và Nhận PC-Fax (Chỉ dành cho Windows))
- Báo cáo
(Báo cáo xác nhận truyền/ Danh sách chỉ mục điện thoại/ Nhật ký fax)
- Mật khẩu khóa thiết đặt

4. Đặt lại tất cả các thiết đặt

Bạn có thể đặt lại tất cả các thiết đặt của máy về thiết đặt theo nhà máy.

Chức năng Đặt lại tất cả các thiết đặt xử lý nhanh hơn Đặt lại theo nhà máy.

5. Đặt lại theo nhà máy

Sử dụng chức năng Đặt lại thiết đặt để đặt lại tất cả các thiết đặt của máy thành các thiết đặt ban đầu tại nhà máy.

Chức năng Đặt lại theo nhà máy xử lý lâu hơn Đặt lại tất cả các thiết đặt.

Chúng tôi thực sự khuyến nghị bạn nên thực hiện thao tác này khi bạn vứt bỏ máy của mình.



Thông tin liên quan

- [Đặt lại máy](#)

Bảo trì thường lệ

- Thay thế vật tư
- Vệ sinh máy
- Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận
- Đóng gói và vận chuyển máy của bạn

Thay thế vật tư

Bạn phải thay thế vật tư khi máy chỉ báo rằng tuổi thọ vật tư đã hết.

Hộp mực và bộ trống mực là hai vật tư riêng biệt. Đảm bảo rằng cả hai được lắp đặt thành một cụm. Mã sản phẩm của vật tư có thể khác nhau tùy thuộc vào từng quốc gia.

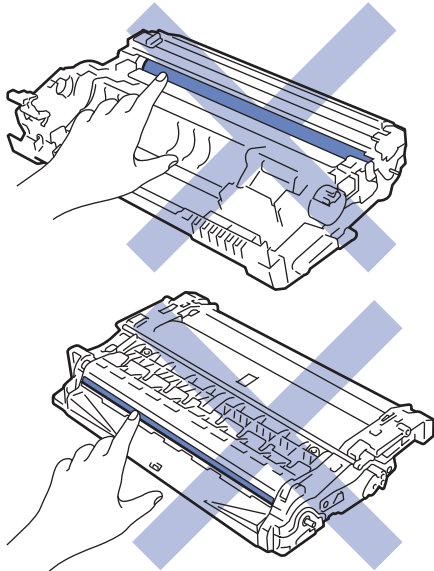
LƯU Ý

- Tùy quốc gia, hộp mực có thể có sẵn hoặc không. Hãy truy cập trang web sau hoặc liên hệ với văn phòng Brother tại địa phương của bạn để biết thêm thông tin.
- Đảm bảo niêm kín túi đựng vật tư đã sử dụng để bột mực in không tràn khỏi hộp mực.
- Thái bỏ vật phẩm tiêu hao đã sử dụng theo quy định của địa phương, tách riêng vật phẩm tiêu hao với rác thải sinh hoạt. Nếu bạn có thắc mắc, vui lòng gọi đến văn phòng phụ trách thải rác ở địa phương bạn. Đảm bảo niêm kín lại mực tiêu hao để vật liệu bên trong không tràn ra.
- Chúng tôi khuyến nghị nên đặt cả vật tư đã qua sử dụng và vật tư mới lên trên một mảnh giấy để tránh vô ý làm vật liệu bên trong tràn ra hoặc vương vãi.
- Việc sử dụng giấy không hoàn toàn tương đương với phương tiện in được khuyến dùng có thể làm giảm tuổi thọ của các vật tư và bộ phận của máy.
- Tuổi thọ dự kiến của mỗi hộp mực được dựa theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752. Tần suất thay thế sẽ thay đổi tùy theo khối lượng in, tỉ lệ phần trăm che phủ, loại phương tiện được sử dụng và việc bật/tắt máy.
- Tần suất thay thế vật tư không phải hộp mực sẽ thay đổi tùy theo khối lượng in, loại phương tiện được sử dụng và việc bật/tắt máy.
- Thao tác cẩn thận với hộp mực. Nếu mực vương vãi vào tay hoặc quần áo của bạn, ngay lập tức lau hoặc rửa vết mực bằng nước lạnh.

QUAN TRỌNG

Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, **KHÔNG** chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.

Bộ trống mực



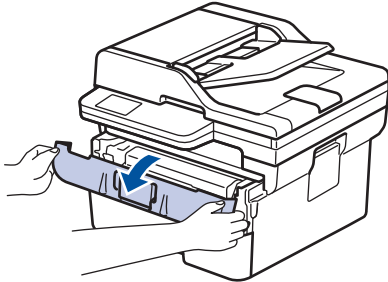
Thông tin liên quan

- [Bảo trì thường lệ](#)
 - [Thay Hộp mực](#)
 - [Thay Bộ trống mực](#)

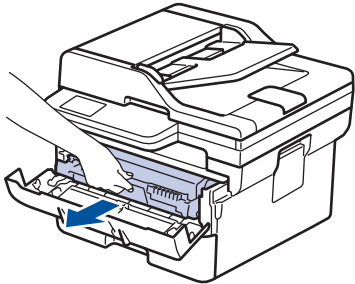
-
- Đặt lại Bộ đếm Trống mục
-

Thay Hộp mực

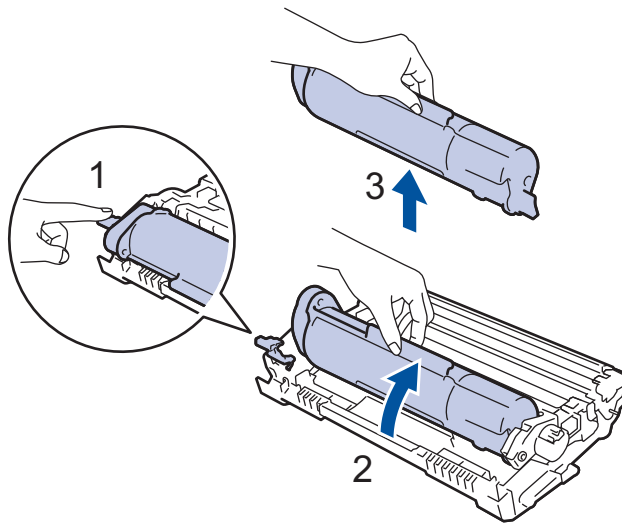
1. Đảm bảo máy được bật.
2. Mở nắp phía trước.



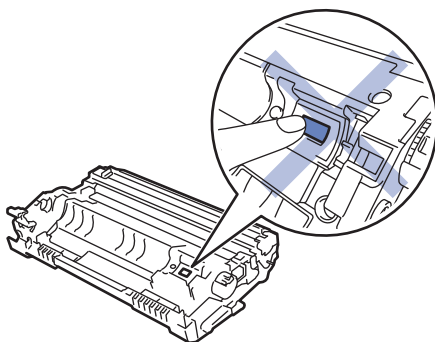
3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.



4. Đẩy cần khóa màu xanh lá cây xuống, rồi lấy hộp mực ra khỏi bộ trống mực như hình minh họa.

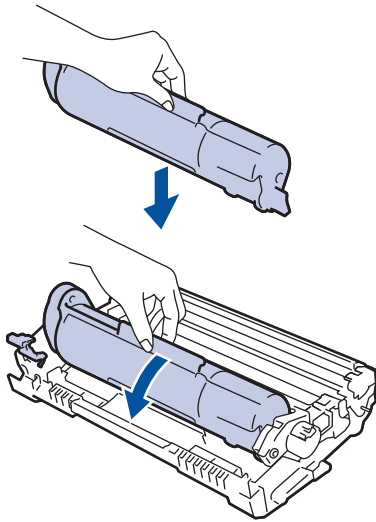


Để tránh vương mực in trên tay hoặc quần áo của bạn, **KHÔNG** chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.



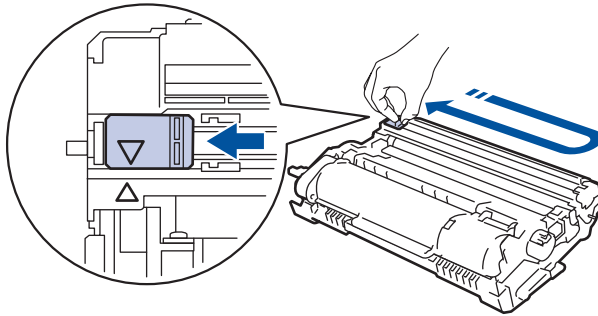
5. Mở bao bì hộp mực mới.

6. Đẩy mạnh hộp mực mới vào bộ trống mực cho đến khi bạn nghe thấy hộp mực đã khóa vào vị trí.



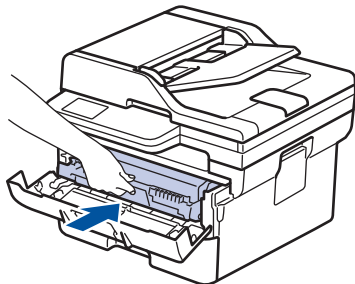
Đảm bảo bạn đã lắp hộp mực vào đúng cách, nếu không hộp mực có thể tách rời khỏi bộ trống mực.

7. Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt nhẹ vấu màu xanh lá cây từ trái sang phải và từ phải sang trái nhiều lần.



Đảm bảo đưa vấu về vị trí ban đầu (▲). Mũi tên trên vấu phải được căn thẳng hàng với mũi tên trên bộ trống mực. Nếu không, các trang đã in có thể có vạch sọc.

8. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



9. Đóng nắp phía trước của máy.



- Sau khi thay hộp mực, **KHÔNG ĐƯỢC** tắt máy hoặc mở nắp phía trước cho đến khi màn hình của máy trở về Chế độ sẵn sàng.
- Hộp mực đi kèm máy Brother là hộp mực Inbox.
- Bạn nên chuẩn bị sẵn hộp mực mới để sẵn sàng sử dụng khi bạn thấy cảnh báo Mực in sắp hết.
- **KHÔNG** mở bao bì hộp mực mới cho đến khi bạn sẵn sàng lắp hộp mực mới.
- Nếu để mở bao bì hộp mực trong thời gian dài, tuổi thọ mực in sẽ bị rút ngắn.
- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng vật tư Brother chính hãng để đảm bảo hiệu suất và chất lượng in ổn định. Mặc dù không phải tất cả vật tư không chính hãng đều có thể gây ra các vấn đề về chất lượng, nhưng có trường hợp một số vật tư có thể ảnh hưởng xấu đến chất lượng in hoặc khiến máy bị trục trặc. Brother có thể tính phí sửa chữa máy nếu chứng minh được rằng vật tư không chính hãng gây ra hư hỏng, ngay cả khi máy vẫn còn bảo hành.



Thông tin liên quan

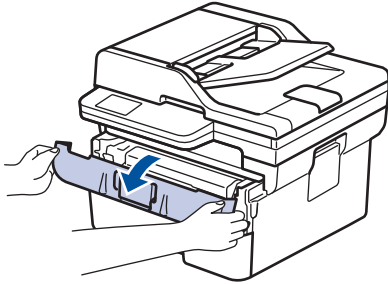
- Thay thế vật tư

Chủ đề liên quan:

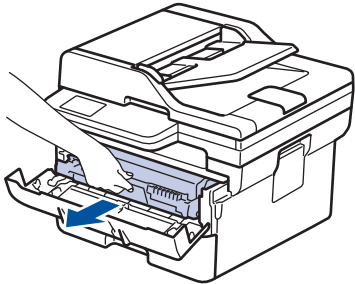
- Thông báo lỗi và bảo trì
- Cải thiện chất lượng in

Thay Bộ trống mực

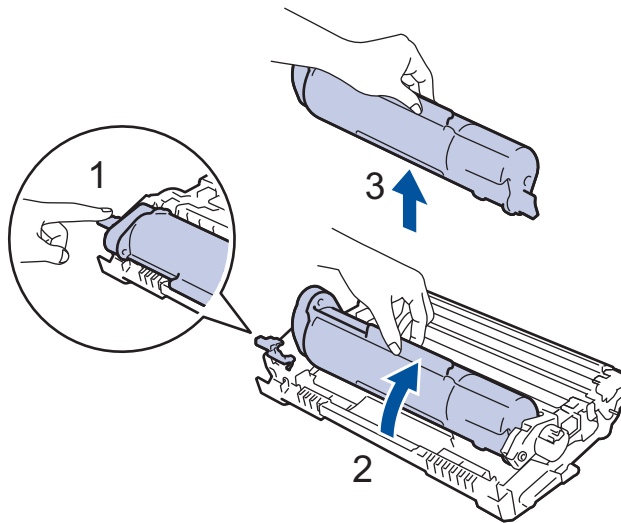
1. Đảm bảo máy được bật.
2. Mở nắp phía trước.



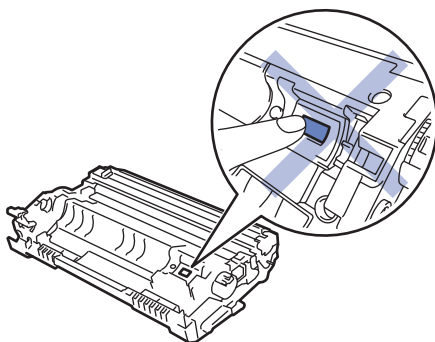
3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.



4. Đẩy cần khóa màu xanh lá cây xuống, rồi lấy hộp mực ra khỏi bộ trống mực như hình minh họa.

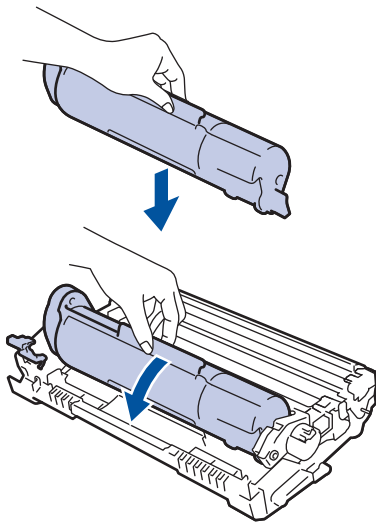


Để tránh vương mực in trên tay hoặc quần áo của bạn, **KHÔNG** chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.



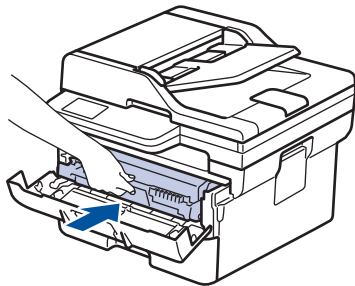
5. Mở bao bì bộ trống mới.

6. Đẩy mạnh hộp mực vào bộ trống mực mới cho đến khi bạn nghe thấy hộp mực đã khóa vào vị trí.



Đảm bảo bạn đã lắp hộp mực vào đúng cách, nếu không hộp mực có thể tách rời khỏi bộ trống mực.

7. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



8. Đóng nắp phía trước của máy.

LƯU Ý

- Hao mòn trống mực xảy ra do việc sử dụng, quay trống mực và tương tác với giấy, mực và các vật liệu khác trong đường dẫn giấy. Khi thiết kế sản phẩm này, Brother đã quyết định sử dụng số lần quay trống mực làm yếu tố hợp lý để xác định tuổi thọ trống mực. Khi trống mực đạt đến giới hạn quay do nhà máy thiết lập tương ứng với sản lượng trang định mức, màn hình LCD của sản phẩm sẽ đề xuất bạn thay trống mực. Sản phẩm sẽ tiếp tục hoạt động nhưng chất lượng in có thể không được tối ưu.
- Nếu ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào bộ trống mực không được đóng gói (hoặc ánh sáng phòng trong thời gian dài), bộ trống mực có thể bị hỏng.
- Có nhiều yếu tố xác định tuổi thọ trống mực thực tế, như nhiệt độ, độ ẩm, loại giấy, loại mực in được sử dụng, v.v... Trong các điều kiện lý tưởng, tuổi thọ trung bình của trống mực được ước tính khoảng 12.000 trang dựa trên một trang mỗi công việc (trang một mặt A4/Letter). Số trang có thể bị ảnh hưởng do nhiều yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn loại giấy và kích thước giấy.

Vì chúng tôi không kiểm soát được các yếu tố xác định tuổi thọ trống mực thực tế, chúng tôi không thể đảm bảo số lượng trang tối thiểu mà trống mực của bạn sẽ in được.

- Chỉ nên sử dụng máy trong môi trường sạch sẽ, không có bụi, có đủ độ thông thoáng.

Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng vật tư Brother chính hãng để đảm bảo hiệu suất và chất lượng in ổn định. Mặc dù không phải tất cả vật tư không chính hãng đều có thể gây ra các vấn đề về chất lượng, nhưng có trường hợp một số vật tư có thể ảnh hưởng xấu đến chất lượng in hoặc khiến máy bị trục trặc. Brother có thể tính phí sửa chữa máy nếu chứng minh được rằng vật tư không chính hãng gây ra hư hỏng, ngay cả khi máy vẫn còn bảo hành.



Thông tin liên quan

- Thay thế vật tư

Chủ đề liên quan:

- Thông báo lỗi và bảo trì
 - Cải thiện chất lượng in
 - Đặt lại Bộ đếm Trống mực
-

Đặt lại Bộ đếm Trống mực

Khi bạn thay bộ trống mực bằng một bộ mới, bạn phải đặt lại bộ đếm trống mực bằng cách hoàn tất các bước sau:

QUAN TRỌNG

KHÔNG đặt lại bộ đếm trống mực nếu bạn không thay bộ trống mực.

1. Đảm bảo máy được bật.
2. Đảm bảo đã đóng nắp của máy.
3. Bấm đồng thời **OK** và **▲**.
4. Bấm **OK** để chọn [Drum (Trống)].
5. Bấm **▲** để đặt lại bộ đếm trống mực.



Thông tin liên quan

- [Thay thế vật tư](#)

Chủ đề liên quan:

- [Thay Bộ trống mực](#)

Vệ sinh máy

Thường xuyên vệ sinh bên ngoài và bên trong máy bằng khăn khô, không có xơ.

Khi bạn thay hộp mực hoặc bộ trống mực, hãy nhớ vệ sinh bên trong máy. Nếu các trang in bị rây mực in, hãy vệ sinh bên trong máy bằng khăn khô, không có xơ.

⚠ CẢNH BÁO

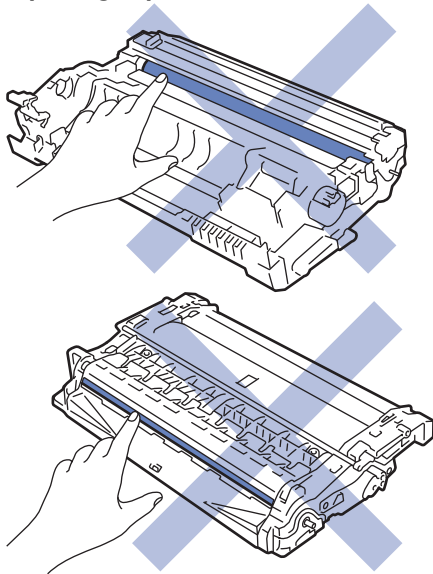
KHÔNG sử dụng các chất dễ cháy, bất kỳ loại chất xịt nào, hoặc dung môi/chất lỏng hữu cơ có chứa cồn hoặc amoniac để vệ sinh bên trong hoặc bên ngoài sản phẩm. Làm như vậy có thể gây ra hỏa hoạn. Thay vào đó, chỉ sử dụng khăn khô, không có xơ.



QUAN TRỌNG

- **KHÔNG** sử dụng cồn isopropyl để lau vết bẩn trên bảng điều khiển. Việc này có thể làm nứt bảng điều khiển.
- Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, **KHÔNG** chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.

Bộ trống mực




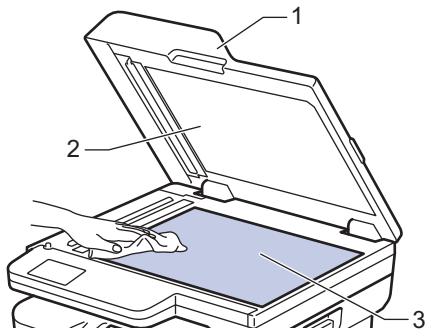
Thông tin liên quan

- [Bảo trì thường lệ](#)
 - [Vệ sinh máy quét](#)
 - [Vệ sinh Dây Corona](#)
 - [Vệ sinh Bộ trống mực](#)
 - [Vệ sinh trục cuộn lấy giấy](#)

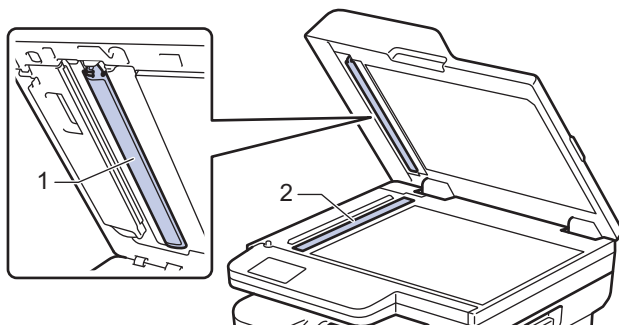
Vệ sinh máy quét


Trước khi bắt đầu quy trình vệ sinh ►► *Thông tin liên quan: Vệ sinh máy*

1. Bấm và giữ  để tắt máy.
2. Nâng nắp tài liệu (1) lên. Vệ sinh mặt nhựa trắng (2) và dải kính máy quét (3) nằm dưới mặt nhựa bằng khăn ẩm mềm không có xơ.



3. Trong bộ ADF, vệ sinh thanh trắng (1) và dải kính máy quét (2) nằm dưới thanh trắng bằng khăn ẩm mềm không có xơ.



4. Đóng nắp tài liệu.
5. Bấm  để bật máy.

Thông tin liên quan

- [Vệ sinh máy](#)

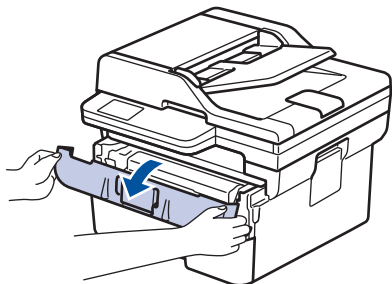
Chủ đề liên quan:

- [Cải thiện chất lượng in](#)

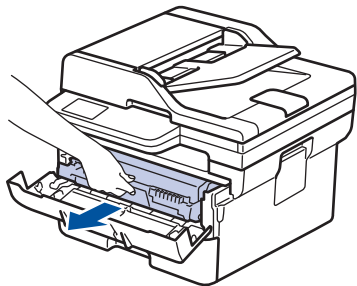
Vệ sinh Dây Corona

Nếu bạn gặp phải vấn đề về chất lượng in hoặc bảng điều khiển hiển thị trạng thái [Drum! (Trống!)], hãy vệ sinh dây corona.

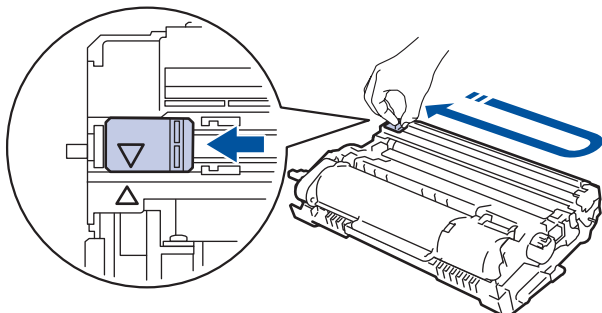
1. Mở nắp phía trước.



2. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.

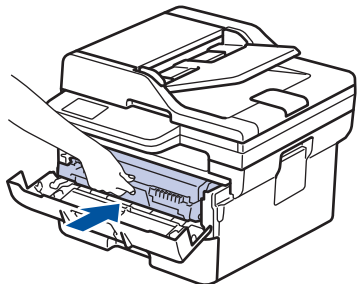


3. Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt nhẹ vấu màu xanh lá cây từ trái sang phải và từ phải sang trái nhiều lần.



Đảm bảo đưa vấu về vị trí ban đầu (▲). Mũi tên trên vấu phải được căn thẳng hàng với mũi tên trên bộ trống mực. Nếu không, các trang đã in có thể có vạch sọc.

4. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



5. Đóng nắp phía trước của máy.

✓ Thông tin liên quan


- [Vệ sinh máy](#)

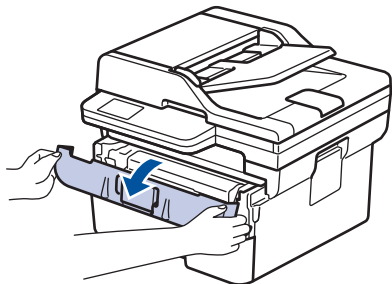
Chủ đề liên quan:

- [Thông báo lỗi và bảo trì](#)

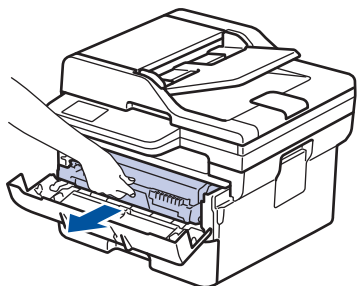
Vệ sinh Bộ trống mực

Nếu bản in ra có chấm hoặc dấu lặp lại khác cách quãng 94 mm, trống mực có thể có vật lạ, chẳng hạn như keo dán từ nhãn bị mắc vào bề mặt trống mực.

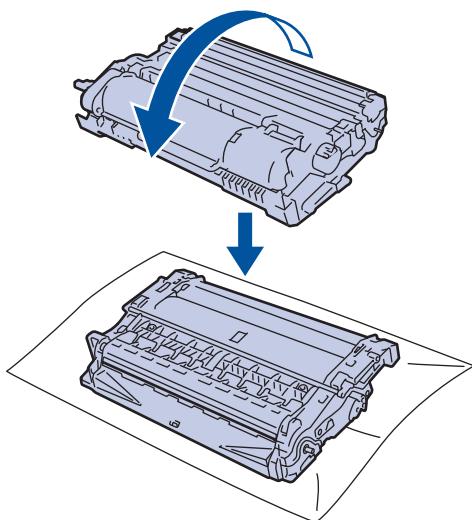
1. Đảm bảo rằng máy đang ở Chế độ Sẵn sàng.
2. Bấm **Menu**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Print Reports (In báo cáo)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Drum Dot Print (In chấm mực của trống mực)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm **Start (Bắt đầu)**.
Máy in Tờ kiểm tra chấm mực của trống mực
6. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.
7. Bấm và giữ  để tắt máy.
8. Mở nắp phía trước.



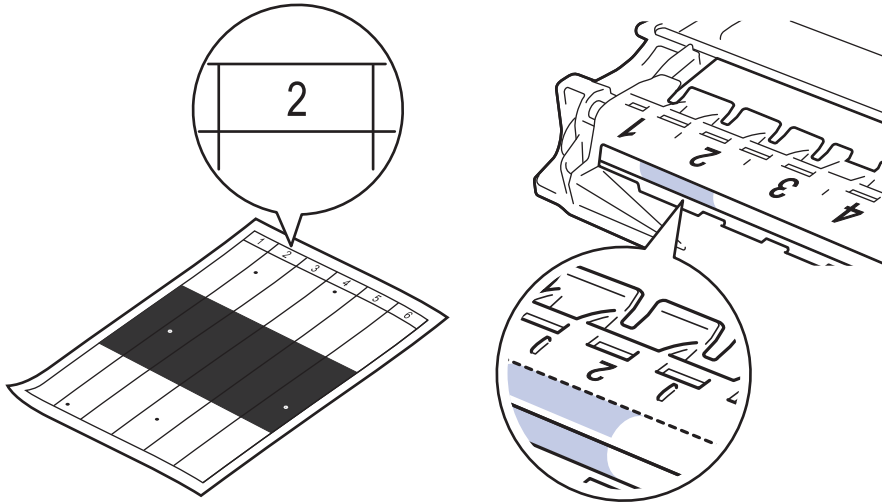
9. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.



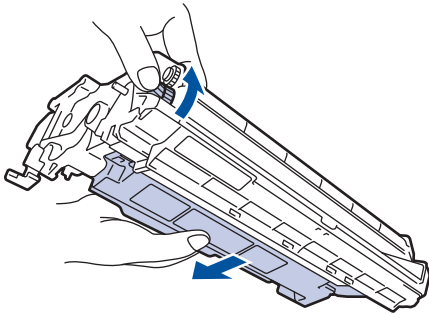
10. Xoay bộ trống mực như trong hình minh họa. Đảm bảo bánh răng của bộ trống mực ở bên trái.



11. Sử dụng các điểm đánh dấu được đánh số bên cạnh ống lăn của trống mực để tìm dấu vết trên trống mực.
Ví dụ: một đốm mực trong cột 2 trên tờ kiểm tra có nghĩa là có một dấu vết trong vùng "2" của trống mực.



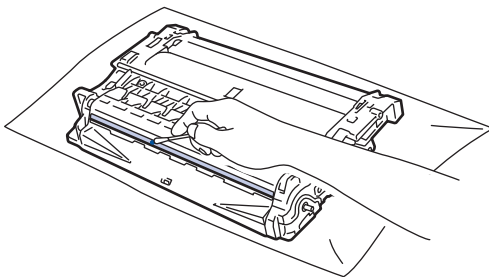
12. Xoay bánh răng ở đầu bộ trống mực trong khi đẩy gạch chéo trong hình minh họa để tìm dấu hiệu hoặc vật lạ.



QUAN TRỌNG

Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, KHÔNG chạm vào bề mặt của bộ trống mực, mà chỉ được chạm vào bánh răng ở đầu bộ trống mực.

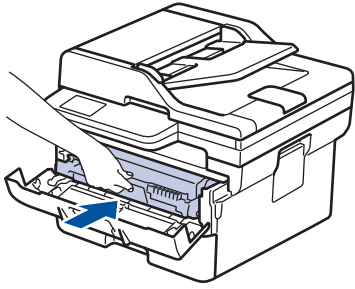
13. Nhẹ nhàng lau bề mặt bộ trống mực bằng tấm bông khô cho đến khi không còn dấu vết hoặc vật lạ trên bề mặt.



LƯU Ý

KHÔNG vệ sinh bề mặt của trống mực nhạy quang bằng vật sắc nhọn hoặc bất kỳ chất lỏng nào.

14. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



15. Đóng nắp phía trước của máy.

16. Bấm  để bật máy.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh máy

Chủ đề liên quan:


- Cải thiện chất lượng in
-

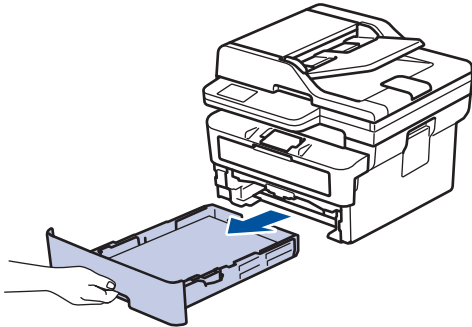
Vệ sinh trục cuộn lấy giấy

Vệ sinh trục cuộn lấy giấy theo định kỳ có thể giúp ngăn ngừa tình trạng kẹt giấy bằng cách đảm bảo rằng giấy đã được nạp đúng cách.

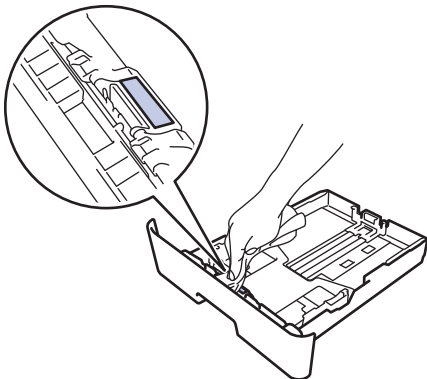
Trước khi bắt đầu quy trình vệ sinh >> *Thông tin liên quan: Vệ sinh máy*

Nếu bạn gặp vấn đề về nạp giấy, hãy vệ sinh trục cuộn lấy giấy như sau:

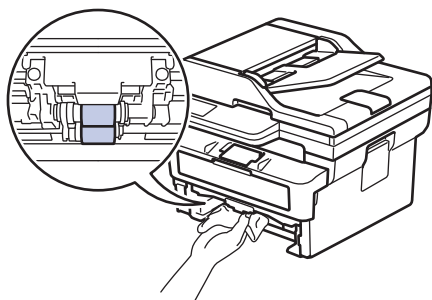
1. Bấm và giữ  để tắt máy.
2. Kéo hần khay giấy ra khỏi máy.




3. Nếu giấy được nạp hoặc có vật gì đó bị kẹt bên trong khay giấy, hãy lấy vật bị kẹt ra.
4. Vắt kiệt khăn không có xơ được ngâm trong nước ấm, rồi lau miếng đệm của bộ phận chia tách trên khay giấy để loại bỏ bụi.



5. Lau hai trục cuộn lấy giấy bên trong máy để loại bỏ bụi.



6. Nạp lại giấy và lắp lại chắc chắn khay giấy vào máy.
7. Bấm  để bật máy.

Thông tin liên quan

- [Vệ sinh máy](#)

Chủ đề liên quan:

- [Vấn đề khi in](#)

Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Machine Info. (Thông tin máy)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Parts Life (Tuổi thọ bộ phận)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Toner (Hộp mực)] hoặc [Drum (Trống)], rồi bấm **OK**.
Màn hình LCD hiển thị lượng mực còn lại hoặc tuổi thọ ước chừng của trống mực.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



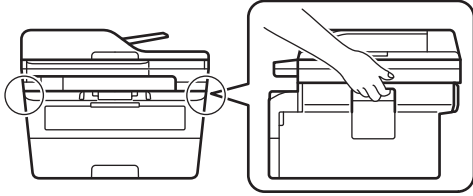
Thông tin liên quan

- [Bảo trì thường lệ](#)


Đóng gói và vận chuyển máy của bạn

⚠ CẢNH BÁO

Khi bạn di chuyển máy, mang vác máy như được chỉ ra trong hình minh họa.



Nếu vì bất kỳ lý do gì, bạn phải vận chuyển máy, hãy đóng gói lại cẩn thận trong thùng máy để tránh mọi hư hỏng trong khi vận chuyển. Máy cần được bảo hiểm thích hợp bởi nhà vận chuyển.

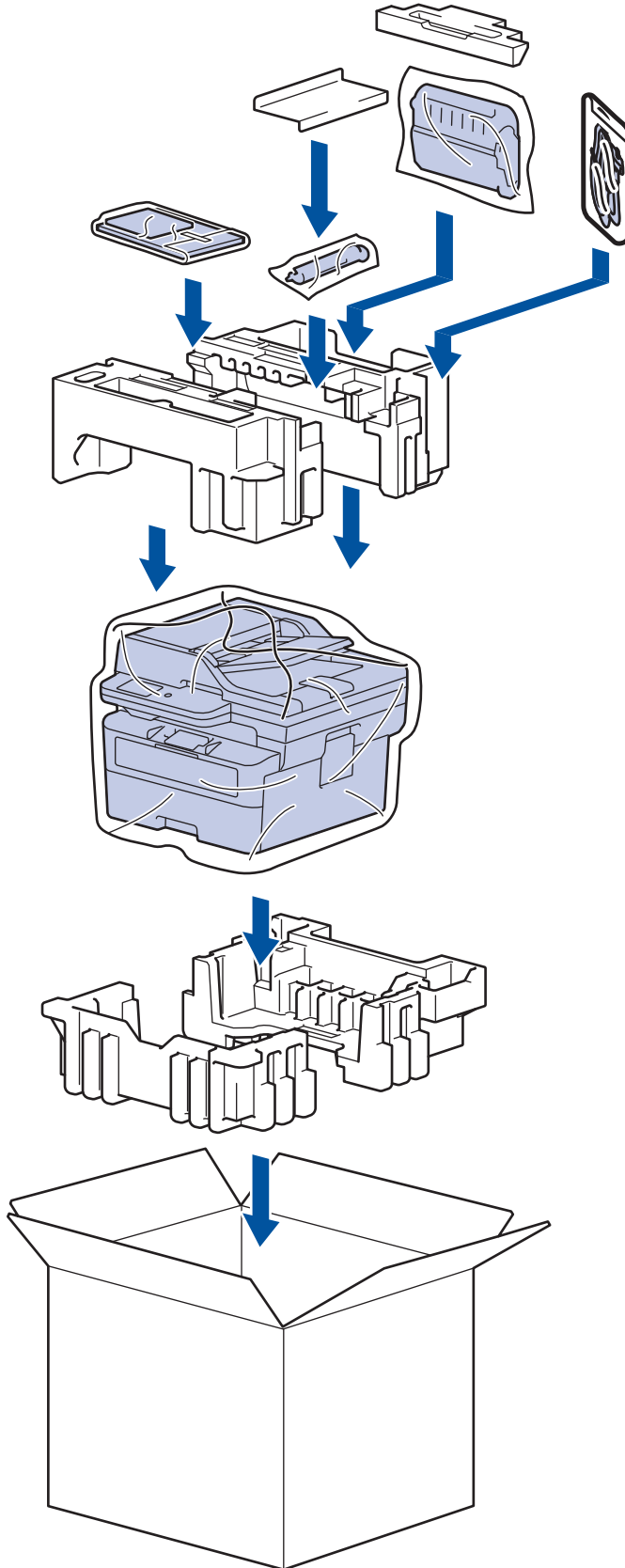
1. Bấm và giữ  để tắt máy. Để máy tắt trong ít nhất 10 phút để làm nguội máy.
2. Ngắt kết nối tất cả các cáp, rò rút phích cắm dây nguồn khỏi ổ cắm điện.



Một số dòng máy được trang bị dây cáp nguồn AC không thể tháo rời. Nếu dây nguồn của bạn không thể tháo rời, hãy gấp nó lại và để nó trên đầu máy để đóng gói dễ dàng.

3. Đặt máy vào túi ban đầu chứa máy.

4. Đóng gói máy, vật liệu in và dây nguồn AC (nếu có) trong thùng cát-tông gốc bằng vật liệu đóng gói gốc như được chỉ ra. (Vật liệu đóng gói ban đầu có thể khác nhau tùy thuộc vào quốc gia của bạn.) Hình minh họa có thể khác với các vật liệu đóng gói thực tế. Các vật liệu có thể thay đổi tùy theo model của bạn.



5. Đóng thùng cát-tông và dán kín thùng.



Thông tin liên quan

- Bảo trì thường lệ

Thiết đặt máy

Tùy chỉnh thiết đặt và tính năng để biến máy của bạn thành một công cụ làm việc hiệu quả hơn.

- [Kiểm tra mật khẩu của máy](#)
- [Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển](#)
- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)

Kiểm tra mật khẩu của máy

Nếu được nhắc nhập mật khẩu, hãy kiểm tra thông tin sau:

>> [Tìm Mật khẩu mặc định](#)

>> [Đổi mật khẩu](#)

>> [Đặt lại mật khẩu](#)

Tìm Mật khẩu mặc định

Mật khẩu mặc định để quản lý thiết đặt của máy này nằm ở phía sau máy và được đánh dấu “PwD”.

Đổi mật khẩu

Chúng tôi khuyến nghị đổi mật khẩu mặc định ngay lập tức để bảo vệ máy của bạn khỏi truy cập trái phép.

Sử dụng Quản lý trên nền web để đổi mật khẩu.

Thông tin thêm >> [Thông tin liên quan](#)

Đặt lại mật khẩu

Nếu bạn quên mật khẩu, hãy đặt lại máy về thiết đặt mặc định theo nhà máy. Mật khẩu cũng sẽ được đặt lại về mật khẩu mặc định.

Thông tin thêm >> [Thông tin liên quan](#)

Thông tin liên quan

- [Thiết đặt máy](#)

Chủ đề liên quan:

- [Cập nhật firmware của máy](#)
- [Đặt lại máy](#)
- [Thay đổi mật khẩu đăng nhập bằng Quản lý trên nền web](#)

Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển

- [Trong trường hợp mất điện \(Lưu trữ bộ nhớ\)](#)
- [Thiết đặt chung](#)
- [In báo cáo](#)
- [Bảng thiết đặt và tính năng](#)

Trong trường hợp mất điện (Lưu trữ bộ nhớ)

Các thiết đặt menu của bạn được lưu vĩnh viễn và sẽ không bị mất trong trường hợp mất điện. Các thiết đặt tạm thời (ví dụ: Độ tương phản, Chế độ nước ngoài) sẽ bị mất.

(MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB)

Trong thời gian mất điện, máy sẽ lưu lại ngày và thời gian trong khoảng 2 giờ. Các tác vụ fax trong bộ nhớ của máy sẽ bị mất.



Thông tin liên quan

- [Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển](#)

Thiết đặt chung

- Thay đổi chế độ mặc định
- Thiết đặt bộ hẹn giờ chế độ
- Điều chỉnh âm lượng của máy
- Thiết đặt đếm ngược vào chế độ ngủ
- Giới thiệu về Chế độ ngủ sâu
- Thiết đặt chế độ tự động tắt nguồn
- Thiết đặt ngày và thời gian
- Thiết đặt múi giờ
- Thiết đặt ID trạm của bạn
- Thiết đặt Âm hoặc Rung của Chế độ quay số
- Giảm mức tiêu thụ mực
- Thêm tiền tố vào mọi số fax
- Ngăn quay số nhầm (Hạn chế quay số)
- Giảm tiếng ồn khi in
- Thay đổi ngôn ngữ trên màn hình LCD

Thay đổi chế độ mặc định

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Khi máy ở chế độ nghỉ hoặc bạn bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**, máy sẽ trở về chế độ mà bạn đã thiết đặt.

- Đối với model MFC, máy có các chế độ Fax, Quét và Sao chép. Chế độ mặc định là Fax.
- Đối với model DCP, máy có các chế độ Quét và Sao chép. Chế độ mặc định là Sao chép.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Default Mode (Chế độ mặc định)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Fax], [Copy (Bản sao)] hoặc [Scan (Quét)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Thiết đặt bộ hẹn giờ chế độ

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Máy sẽ trở về chế độ mặc định sau khi sử dụng máy ở chế độ khác với chế độ mặc định. Thiết đặt Chế độ Hẹn giờ giúp xác định thời gian máy cần sau lần vận hành gần nhất để trở về chế độ mặc định. Nếu bạn chọn [Off (Tắt)], máy sẽ duy trì ở chế độ gần nhất mà bạn đã sử dụng.

- Đối với model MFC, máy có ba nút chế độ trên bảng điều khiển: FAX, QUÉT và SAO CHÉP.
- Đối với model DCP, máy có nút Quét và Sao chép. Mặc định là chế độ Sao chép và thiết đặt bộ hẹn giờ chế độ là một phút.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Mode Timer (Hẹn giờ chế độ)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [5 Mins (5 phút)], [2 Mins (2 phút)], [1 Min (1 phút)], [30 Secs (30 giây)], [0 Sec (0 giây)] hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Điều chỉnh âm lượng của máy

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Volume (Âm lượng)] và sau đó bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn một trong các tùy chọn sau đây:

Tùy chọn	Mô tả
Ring (Chuông)	Điều chỉnh âm lượng đồ chuông.
Beep (Tiếng bíp)	Điều chỉnh âm lượng khi bạn bấm nút, thao tác sai hoặc sau khi bạn gửi hoặc nhận fax.
Speaker (Loa ngoài)	Điều chỉnh âm lượng loa.

5. Bấm **OK**.
6. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [High (Cao)], [Med (Trung bình)], [Low (Thấp)], hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **OK**.
7. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



Bạn cũng có thể điều chỉnh âm lượng loa bằng cách bấm **Hook (Báo nhận)**. Bấm ◀ hoặc ▶. Mỗi lần bấm nút sẽ làm giảm hoặc tăng âm lượng. Sau khi hoàn tất, bấm **Hook (Báo nhận)**.



Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Thiết đặt đếm ngược vào chế độ ngủ

Thiết đặt Chế độ ngủ (hay Chế độ tiết kiệm điện) có thể giảm tiêu thụ điện năng. Khi ở Chế độ ngủ, máy hoạt động như thể đã tắt. Máy sẽ thức dậy và bắt đầu in khi nhận được công việc in hoặc fax. Sử dụng những hướng dẫn này để thiết đặt hẹn giờ (đếm ngược) trước khi máy vào Chế độ ngủ.

- Bạn có thể chọn thời gian máy phải ở chế độ nghỉ trước khi máy đi vào Chế độ ngủ.
- Bộ hẹn giờ sẽ khởi động lại nếu thực hiện bất kỳ thao tác nào trên máy, chẳng hạn như nhận công việc in.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Ecology (Sinh thái)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Sleep Time (Thời gian ngủ)], rồi bấm **OK**.
5. Nhập thời lượng (tối đa 50 phút) mà máy sẽ ở trạng thái nghỉ trước khi vào Chế độ ngủ, rồi bấm **OK**.
6. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Giới thiệu về Chế độ ngủ sâu

Nếu máy ở Chế độ ngủ và không nhận được bất kỳ lệnh nào trong một khoảng thời gian nhất định, máy sẽ tự động vào Chế độ ngủ sâu. Khoảng thời gian sẽ dựa trên dòng máy và thiết đặt cụ thể của bạn.

Chế độ Ngủ sâu sử dụng ít điện năng hơn Chế độ Ngủ.

Model áp dụng	Màn hình LCD của máy ở Chế độ ngủ sâu	Những điều kiện sẽ đánh thức máy
DCP-B7600DB/DCP-B7620DW/ DCP-B7620DWB/ DCP-B7640DW/ DCP-B7640DWB/ MFC-B7810DW/ MFC-B7810DWB	Màn hình LCD Deep Sleep (Ngủ sâu).	Máy nhận được một lệnh. Có người đã bấm nút trên bảng điều khiển.



Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Thiết đặt chế độ tự động tắt nguồn

Nếu máy ở Chế độ ngủ sâu trong một khoảng thời gian nhất định thì tùy theo model và thiết đặt của bạn, máy sẽ tự động đi vào Chế độ tắt nguồn. Máy sẽ không vào Chế độ Tắt nguồn khi máy được kết nối với mạng.

Để bắt đầu in, bấm  trên bảng điều khiển, rồi gửi công việc in.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Ecology (Sinh thái)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Auto Power Off (Tự động tắt nguồn)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [8 hours (8 giờ)], [4 hours (4 giờ)], [2 hours (2 giờ)], [1 hour (1 giờ)] hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **OK**.
6. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Thiết đặt ngày và thời gian

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Date & Time (Ngày & Giờ)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Date & Time (Ngày & Giờ)] và sau đó bấm **OK**.
5. Nhập hai chữ số cuối của năm bằng bàn phím quay số, rồi bấm **OK**.
6. Nhập hai chữ số cho tháng bằng bàn phím quay số, rồi bấm **OK**.
7. Nhập hai chữ số cho ngày bằng bàn phím quay số, rồi bấm **OK**.
8. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [12h Clock (Đồng hồ 12h)] hoặc [24h Clock (Đồng hồ 24h)], rồi bấm **OK**.
9. Thực hiện một trong các thao tác sau:
 - Nếu bạn đã chọn [12h Clock (Đồng hồ 12h)] là định dạng trong thiết đặt [Date & Time (Ngày & Giờ)], nhập thời gian (theo định dạng 12 giờ) bằng bàn phím quay số.
Bấm **OK**.
Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [AM (Sáng)] hoặc [PM (Chiều)], rồi bấm **OK**.
 - Nếu bạn đã chọn [24h Clock (Đồng hồ 24h)] là định dạng trong thiết đặt [Date & Time (Ngày & Giờ)], nhập thời gian (theo định dạng 24 giờ) bằng bàn phím quay số.
Bấm **OK**.
(Ví dụ: nhập 19:45 nghĩa là 7:45 PM).
10. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Thiết đặt múi giờ

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Thiết đặt múi giờ cho địa điểm của bạn trên máy.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Date & Time (Ngày & Giờ)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Time Zone (Múi giờ)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn múi giờ. Bấm **OK**.
6. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.




Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Thiết đặt ID trạm của bạn

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Thiết đặt máy in ID trạm, ngày và thời gian fax ở đầu mỗi fax bạn gửi.

1. Bấm  (FAX).
2. Bấm **Menu**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Station ID (ID trạm)], rồi bấm **OK**.
5. Nhập số fax của bạn (tối đa 20 chữ số) bằng bàn phím quay số, rồi bấm **OK**.
6. Nhập số điện thoại của bạn (tối đa 20 chữ số) bằng bàn phím quay số, rồi bấm **OK**.
Nếu số điện thoại và số fax của bạn giống nhau, nhập lại cùng một số.
7. Sử dụng bàn phím quay số để nhập tên của bạn (tối đa 20 ký tự), rồi bấm **OK**.



Để nhập văn bản trên máy >> *Thông tin liên quan: Cách nhập văn bản vào máy*

8. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Chủ đề liên quan:

- [Cách nhập văn bản vào máy](#)
- [Truyền fax đến máy fax khác](#)
- [Truyền báo cáo nhật ký fax đến máy fax khác](#)

Thiết đặt Âm hoặc Rung của Chế độ quay số

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Máy của bạn được thiết đặt cho dịch vụ quay số Âm. Nếu bạn có dịch vụ quay số Xung (xoay), bạn phải thay đổi chế độ quay số.

Tính năng này không có ở một số quốc gia.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Tone/Pulse (Âm/Nhịp)] rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Tone (Âm)] hoặc [Pulse (Nhịp)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Giảm mức tiêu thụ mực

Sử dụng tính năng Tiết kiệm Mực in có thể làm giảm mức tiêu thụ mực. Khi tính năng Tiết kiệm Mực in được đặt thành bật, mực in trên tài liệu của bạn sẽ mờ hơn.

Chúng tôi KHÔNG khuyến nghị bạn sử dụng tính năng Tiết kiệm Mực in để in ảnh hoặc các hình ảnh thang đo màu xám.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Ecology (Sinh thái)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Toner Save (Tiết kiệm mực)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [On (Bật)] hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **OK**.
6. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Chủ đề liên quan:

- [Cải thiện chất lượng in](#)

Thêm tiền tố vào mọi số fax

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Thiết đặt tiền tố quay số sẽ tự động quay số được xác định sẵn trước mỗi số fax bạn quay. Ví dụ: Nếu hệ thống điện thoại của bạn yêu cầu số 9 để quay số bên ngoài, sử dụng thiết đặt này để tự động quay số 9 cho mọi bản fax bạn gửi.



- Sử dụng số và ký hiệu từ 0 đến 9, # và *. (Bạn không thể sử dụng ! với bất kỳ số hoặc ký hiệu nào khác.)
- Nếu hệ thống điện thoại của bạn yêu cầu gọi lại ngắt định thời (hookflash), bấm ! trên màn hình LCD.

- Bấm **Menu**.
- Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
- Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Dial Prefix (Tiền tố quay số)], rồi bấm **OK**.
- Thực hiện một trong các thao tác sau:
 - Nếu máy không có số tiền tố được lưu, hãy nhập một số (tối đa 5 chữ số) bằng bàn phím quay số, rồi bấm **OK**.
 - Nếu máy có số tiền tố đã lưu và bạn muốn thay đổi nó, hãy bấm ▲ để chỉnh sửa số.
Bấm **Clear (Xóa)** để xóa từng chữ số của số hiện có và nhập số mới bằng bàn phím quay số, rồi bấm **OK**.



Để tắt tính năng tiền tố quay số, xóa số tiền tố được lưu, rồi bấm **OK**.

- Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Ngăn quay số nhầm (Hạn chế quay số)

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

Tính năng này giúp người dùng tránh được việc vô tình gửi fax hoặc gọi nhầm số. Bạn có thể thiết đặt máy để hạn chế quay số khi bạn sử dụng bàn phím quay số, Sổ địa chỉ và Phím tắt.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Fax] rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Dial Restrict. (Giới hạn quay số)] rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn ưa thích của bạn, rồi bấm **OK**.
 - [Dial Pad (Bàn phím quay số)]
 - [Shortcut (Phím tắt)]
 - [Speed Dial (Quay số nhanh)]
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn một trong các tùy chọn sau, rồi bấm **OK**.

Tùy chọn	Mô tả
Enter # Twice (Nhập # hai lần)	Máy sẽ nhắc bạn nhập lại số và sau đó, nếu bạn nhập lại đúng số, máy sẽ bắt đầu quay số. Nếu bạn nhập lại sai số, màn hình LCD sẽ hiển thị một thông báo lỗi.
On (Bật)	Máy sẽ giới hạn tất cả các lần gửi fax và các cuộc gọi đi cho phương pháp quay số đó.
Off (Tắt)	Máy không giới hạn phương thức quay số đó.

- Thiết đặt [Enter # Twice (Nhập # hai lần)] sẽ không hoạt động nếu bạn sử dụng điện thoại gắn ngoài hoặc bấm **Hook (Báo nhận)** trước khi nhập số. Bạn sẽ không bị yêu cầu phải nhập lại số.
- Nếu bạn chọn [On (Bật)] hoặc [Enter # Twice (Nhập # hai lần)], bạn không thể sử dụng tính năng Quảng bá.

6. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Giảm tiếng ồn khi in

Thiết đặt Chế độ Im lặng có thể giúp làm giảm tiếng ồn khi in. Khi Chế độ Im lặng được bật, tốc độ in sẽ giảm xuống. Thiết đặt theo nhà máy là tắt.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Ecology (Sinh thái)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Quiet Mode (Chế độ im lặng)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [On (Bật)] hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **OK**.
6. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Thay đổi ngôn ngữ trên màn hình LCD

Thay đổi ngôn ngữ cho màn hình LCD nếu cần.

Tính năng này không có ở một số quốc gia.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Local Language (Ngôn ngữ địa phương)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị ngôn ngữ của bạn, rồi bấm **OK**.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

In báo cáo

- Báo cáo
- In báo cáo

Báo cáo

Các báo cáo sau có sẵn:

Truyền (Đối với model có chức năng fax)

Báo cáo Truyền gửi sẽ in Báo cáo Xác minh Truyền gửi cho lần gửi gần nhất của bạn.

Số địa chỉ (Đối với model có chức năng fax)

Báo cáo Danh bạ sẽ in danh sách tên và số được lưu trong bộ nhớ Danh bạ.

Nhật ký fax (Đối với model có chức năng fax)

Nhật ký Fax sẽ in ra một danh sách thông tin về 200 bản fax đến và đi mới nhất của bạn. (TX có nghĩa là Truyền gửi, RX có nghĩa là Nhận.)

Thiết đặt người dùng

Báo cáo Thiết đặt người dùng sẽ in danh sách các thiết đặt người dùng.

Thiết đặt máy in

Báo cáo Thiết đặt máy in sẽ in danh sách các thiết đặt máy in.

Cấu hình mạng (Model có chức năng mạng)

Báo cáo Cấu hình mạng sẽ in danh sách các thiết đặt mạng hiện tại của bạn.

Danh sách tập tin cần in

Danh sách tập tin cần in sẽ in danh sách phong chữ và macro được lưu trong máy.

In đốm mực của trống mực

Tính năng In đốm mực của trống mực sẽ in tờ đốm mực của trống mực, việc này rất hữu ích khi cần phải vệ sinh bộ trống mực.

Báo cáo WLAN (Model có chức năng mạng không dây)

Báo cáo WLAN sẽ in chẩn đoán kết nối mạng LAN không dây.



Thông tin liên quan

- [In báo cáo](#)

In báo cáo

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Print Reports (In báo cáo)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị báo cáo mà bạn muốn in, rồi bấm **OK**.
4. Thực hiện một trong các thao tác sau:
 - Nếu bạn chọn [XMIT Verify (Xác minh XMIT)], thực hiện một trong các thao tác sau:
 - Để xem Báo cáo xác nhận truyền tải, bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị [View on LCD (Xem trên LCD)], rồi bấm **OK**.
 - Để in Báo cáo xác nhận truyền tải, bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị [Print Report (In báo cáo)], rồi bấm **OK**.
Bấm **Start (Bắt đầu)**.
 - Nếu bạn chọn báo cáo khác, bấm **Start (Bắt đầu)**.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



Thông tin liên quan

- [In báo cáo](#)

Bảng thiết đặt và tính năng

Bảng Thiết đặt sẽ giúp bạn hiểu lựa chọn và tùy chọn menu có trong chương trình của máy.

- [Bảng cài đặt \(Các dòng máy MFC màn hình LCD 2 dòng\)](#)
- [Bảng cài đặt \(Các dòng máy DCP màn hình LCD 2 đường dây\)](#)

Bảng cài đặt (Các dòng máy MFC màn hình LCD 2 dòng)

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

>> [General Setup (Cài đặt chung)]
 >> [Fax]
 >> [Copy (Bản sao)]
 >> [Printer (Máy in)]
 >> [Network (Mạng)] (Đối với các model có chức năng mạng)
 >> [Print Reports (In báo cáo)]
 >> [Machine Info. (Thông tin máy)]
 >> [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]

[General Setup (Cài đặt chung)]

[General Setup (Cài đặt chung)]

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Mô tả	
Default Mode (Chế độ mặc định)	-	-	Chọn chế độ mặc định.	
Mode Timer (Hẹn giờ chế độ)	-	-	Đặt thời gian nghỉ trước khi máy trở về chế độ mặc định.	
Tray Setting (Thiết đặt khay)	Paper Type (Loại giấy)	-	Thiết đặt loại giấy trong khay giấy.	
	Paper Size (Khổ giấy)	-	Thiết đặt khổ giấy trong khay giấy.	
	Print Position (Vị trí in)	X Offset (Độ bù phương X)	-	Di chuyển vị trí bắt đầu in (ở góc trên bên trái của trang) sang ngang từ -500 (trái) đến +500 (phải) điểm tại 300 dpi.
		Y Offset (Độ bù phương Y)	-	Di chuyển vị trí bắt đầu in (ở góc trên bên trái của trang) theo chiều dọc từ -500 (lên) đến +500 (xuống) điểm tại 300 dpi.
Check Paper (Kiểm tra giấy)	-	Chọn có hiển thị một thông báo cho bạn biết phải kiểm tra xem khổ và loại giấy trong máy và thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy của máy có phù hợp không.		
Volume (Âm lượng)	Ring (Chuông)	-	Điều chỉnh âm lượng đồ chuông.	
	Beep (Tiếng bíp)	-	Điều chỉnh âm lượng tiếng bíp.	
	Speaker (Loa ngoài)	-	Điều chỉnh âm lượng loa.	
Ecology (Sinh thái)	Eco Mode (Chế độ Tiết kiệm)	-	Bật các thiết đặt máy sau cùng lúc: <ul style="list-style-type: none"> 2-sided Print:Long Edge (In 2 mặt: Cạnh dài) ¹ (có sẵn ở một số model nhất định) Sleep Time:0Min (Thời gian Chờ: 0 phút) Quiet Mode (Chế độ im lặng):On (Bật) ¹ Toner Save (Tiết kiệm mực):On (Bật) ¹ 	
	Toner Save (Tiết kiệm mực)	-	Tăng sản lượng trang của hộp mực.	

¹ Chỉ có thể thay đổi thiết đặt này sau khi bạn thay đổi một số thiết đặt máy nhất định trong Quản lý trên nền web.

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Mô tả
Ecology (Sinh thái)	Sleep Time (Thời gian ngủ)	-	Thiết đặt số phút trước khi máy nhập Chế độ ngủ.
	Quiet Mode (Chế độ im lặng)	-	Giảm tiếng ồn khi in.
	Auto Power Off (Tự động tắt nguồn)	-	Thiết đặt số giờ mà máy sẽ duy trì ở chế độ Ngủ Sâu trước khi đi vào chế độ Tắt Nguồn.
LCD Contrast (Độ tương phản LCD)	-	-	Điều chỉnh độ tương phản màn hình LCD.
Security (Bảo mật)	TX Lock (Khóa gửi fax)	-	Cấm hầu hết các thao tác ngoại trừ nhận fax.
	Setting Lock (Khóa thiết đặt)	-	Giới hạn người dùng không được ủy quyền thay đổi cài đặt máy.

[Fax]

[Fax]

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Mô tả	
Setup Receive (Cài đặt nhận)	Receive Mode (Chế độ nhận)	-	Chọn phương thức tiếp nhận phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.	
	Ring Delay (Số lần đổ chuông)	-	Thiết đặt số lần đổ chuông trước khi máy trả lời ở chế độ Fax hoặc Fax/Tel.	
	F/T Ring Time (Thời gian đổ chuông F/T)	-	Thiết đặt thời lượng đổ chuông giả/kép ở chế độ Fax/Điện thoại.	
	Fax Detect (Phát hiện bản fax)	-	Nhận nội dung bản fax tự động khi bạn trả lời cuộc gọi và nghe âm báo fax.	
	Remote Codes (Mã từ xa)	-	Trả lời các cuộc gọi bằng số máy lẻ hoặc điện thoại bên ngoài và sử dụng các mã để bật hoặc tắt Mã Từ xa. Bạn có thể cá nhân hóa các mã.	
	Auto Reduction (Tự động giảm)	-	Giảm kích thước của các bản fax đến.	
	Fax Rx Stamp (Nhãn fax nhận)	-	In ngày và giờ nhận trên đầu các bản fax đến.	
	2-sided (2 mặt)	-	In các bản fax đến trên cả hai mặt giấy.	
Setup Send (Cài đặt gửi)	Fax Resolution (Độ phân giải fax)	-	Thiết đặt độ phân giải mặc định cho các bản fax đi.	
	Contrast (Độ tương phản)	-	Thay đổi độ sáng hoặc độ tối của các bản fax mà bạn gửi.	
	Glass ScanSize (Kích thước quét kính)	-	Điều chỉnh vùng quét của kính máy quét theo khổ tài liệu.	
	Real Time TX (Gửi fax thời gian thực)	-	Gửi fax mà không sử dụng bộ nhớ.	
	Overseas Mode (Chế độ nước ngoài)	-	Nếu bạn đang gặp khó khăn trong việc gửi fax ra nước ngoài, hãy thiết đặt chức năng này thành Bật.	
	Coverpage Note (Lưu ý trang bìa)	5.	6.	Cài đặt ghi chú của riêng bạn cho trang bìa fax.
			-	
Auto Redial (Tự động quay số lại)	-		Thiết đặt máy để quay lại số fax gần nhất sau năm phút, nếu không gửi được fax vì đường dây bận.	

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Mô tả
Setup Send (Cài đặt gửi)	Destination (Đích)	-	Thiết đặt máy để hiển thị thông tin đích trên màn hình LCD trong khi quay số fax.
Report Setting (Thiết đặt báo cáo)	XMIT Verify (Xác minh XMIT)	-	Chọn cài đặt ban đầu cho Báo cáo xác nhận truyền.
	Journal Period (Quãng in nhật ký)	-	Thiết đặt khoảng cách in tự động của Fax Journal. Nếu bạn chọn một tùy chọn, thay vì Tắt và 50 Bản fax Mỗi lần, bạn có thể đặt thời gian cho tùy chọn này. Nếu bạn chọn 7 Ngày Mỗi lần, bạn có thể đặt ngày trong tuần.
Memory Receive (Nhận bộ nhớ)	Forward/Store (Chuyển tiếp/Lưu trữ)	-	Thiết đặt máy chuyển tiếp thông báo fax hoặc lưu trữ fax đến trong bộ nhớ (để bạn có thể gọi ra fax này trong khi bạn không ở gần máy của mình).
	PC Fax Receive (Nhận fax máy tính)	-	Thiết đặt máy gửi fax đến máy tính của bạn.
	Remote Access (Truy cập từ xa)	-	Thiết đặt mã riêng của bạn để Truy xuất từ xa.
	Print Document (In tài liệu)	-	In các bản fax đi được lưu trữ trong bộ nhớ của máy.
Dial Restrict. (Giới hạn quay số)	Dial Pad (Bàn phím quay số)	-	Hạn chế quay số khi sử dụng bàn phím quay số.
	Shortcut (Phím tắt)	-	Thiết đặt máy để hạn chế quay số các số điện thoại dùng Lối tắt.
	Speed Dial (Quay số nhanh)	-	Thiết đặt máy để giới hạn quay số các số điện thoại Quay số nhanh.
Remaining Jobs (Công việc còn lại)	-	-	Kiểm tra tác vụ đã được đặt lịch nào có trong bộ nhớ của máy và hủy bỏ tác vụ đã chọn.

[Copy (Bản sao)]

[Copy (Bản sao)]

Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Density (Mật độ)	-	Điều chỉnh mật độ.
Quality (Số lượng)	-	Chọn độ phân giải của Bản sao cho loại tài liệu của bạn.
Contrast (Độ tương phản)	-	Điều chỉnh độ tương phản cho các bản sao.
ID Copy (Sao chép ID)	Density (Mật độ)	Điều chỉnh mật độ.
	Quality (Số lượng)	Chọn độ phân giải của Bản sao cho loại tài liệu của bạn.
	Contrast (Độ tương phản)	Điều chỉnh độ tương phản cho các bản sao.
	2in1/1in1 (2 trong 1/1 trong 1)	Tạo các bản sao chép ID 2 trong 1.

[Printer (Máy in)]

[Printer (Máy in)]

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Mô tả
Emulation (Trạng thái)	-	-	Thiết đặt chế độ mô phỏng máy in.

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Mô tả
Resolution (Độ phân giải)	-	-	Chọn độ phân giải in.
Density (Mật độ)	-	-	Tăng hoặc giảm mật độ in.
Print Settings (In thiết đặt)	-	-	Chọn thiết đặt in của bạn thành Văn bản hoặc Đồ họa.
Print Options (Tùy chọn in)	Font List (Danh sách phông chữ)	HP LaserJet BR-Script 3	In danh sách font bên trong của máy.
	Test Print (In thử)	-	In trang kiểm tra.
2-sided (2 mặt) (Đối với model in 2 mặt tự động)	2-sided Print (In 2 mặt)	-	Tắt hoặc bật tính năng in 2 mặt và chọn lật dọc hoặc lật ngang.
	Single Image (Ảnh đơn)	-	Đối với một tác vụ in mà trang cuối là một hình ảnh 1 mặt, chọn tùy chọn 1-sided Feed (Nạp giấy 1 mặt) để giảm thời gian in.
Auto Continue (Tiếp tục tự động)	-	-	Chọn cài đặt này nếu bạn muốn máy xóa bỏ các lỗi về khổ giấy và sử dụng giấy trong khay.
Paper Type (Loại giấy)	-	-	Thiết đặt loại giấy.
Paper Size (Khổ giấy)	-	-	Thiết đặt khổ giấy.
Copies (Bản sao)	-	-	Thiết đặt số lượng trang in.
Orientation (Hướng)	-	-	Đặt giấy in theo hướng dọc hoặc ngang.
PrintPosition (Vị trí in)	-	-	Truy cập menu thiết đặt Vị trí in.
Auto FF (FF tự động)	-	-	Cho phép máy in mọi dữ liệu còn lại tự động.
HP LaserJet	Font No. (Số phông)	-	Thiết đặt số phông.
	Font Pitch (Font Pitch)	-	Thiết đặt bước phông. (Chỉ có cho một số phông nhất định.)
	Font Point (Điểm phông)	-	Thiết đặt cỡ phông. (Chỉ có cho một số phông nhất định.)
	Symbol Set (Bộ biểu tượng)	-	Chọn biểu tượng hoặc ký tự được thiết đặt.
	Table Print (In bảng)	-	In bảng mã.
	Auto LF (LF tự động)	-	BẬT: CR -> CR+LF, TẮT: CR -> CR
	Auto CR (CR tự động)	-	BẬT: LF -> LF+CR, FF -> FF+CR hoặc VT -> VT+CR TẮT: LF -> LF, FF -> FF hoặc VT -> VT
	Auto WRAP (NGẮT DÒNG tự động)	-	Chọn xem bạn có muốn xuống dòng và xuống dòng khi vị trí xuống dòng đạt tới lề phải hay không.
	Auto SKIP (BỎ QUA tự động)	-	Chọn xem bạn có muốn xuống dòng và xuống dòng khi vị trí xuống dòng đạt tới lề dưới hay không.
Left Margin (Lề trái)	-	-	Thiết đặt lề trái ở cột 0 thành 70 cột tại 1 cpi.

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Mô tả
HP LaserJet	Right Margin (Lề phải)	-	Thiết đặt lề phải ở cột 10 thành 80 cột tại 1 cpi.
	Top Margin (Lề trên)	-	Thiết đặt khoảng cách lề trên từ cạnh trên của giấy.
	Bottom Margin (Lề dưới)	-	Thiết đặt khoảng cách lề dưới từ cạnh dưới của giấy.
	Lines (Dòng)	-	Thiết đặt số lượng dòng mỗi trang.
	Tray Command (Lệnh đến khay)	-	Chọn thiết đặt này nếu thông báo khay không phù hợp xuất hiện khi bạn sử dụng trình điều khiển HP.
BR-Script 3	Error Print (Lỗi in)	-	Chọn xem máy có in thông tin lỗi khi xảy ra lỗi không.
PDF	Multiple Page (Nhiều trang)	-	Thiết đặt bố cục trang khi in nhiều trang.
	PDF Print Opt (Tùy chọn in PDF)	-	Chọn thiết đặt In trực tiếp từ PDF để in các nhận xét (Ghi chú) hoặc tem trong tập tin PDF, cùng với văn bản.
	Fit to Page (Vừa với trang)	-	Chọn xem máy có thay đổi tỷ lệ hoặc kích thước các trang trong tập tin PDF để vừa với khổ giấy đã chọn hay không.
Reset Printer (Đặt lại máy in)	-	-	Khôi phục các thiết đặt của máy về thiết đặt mặc định của nhà máy.

[Network (Mạng)] (Đối với các model có chức năng mạng)

[Network (Mạng)]

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Mô tả	
Wired LAN (LAN có dây) (Dành cho các model có Mạng có dây)	TCP/IP	Boot Method (Phương thức khởi động)	-	Chọn phương thức Boot phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.	
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	Nhập địa chỉ IP.	
		Subnet Mask (Mặt nạ mạng con)	-	Nhập Mặt nạ mạng con.	
		Gateway (Cổng kết nối)	-	Nhập địa chỉ Cổng.	
		Node Name (Tên nút)	-	Nhập tên Node. (Tối đa 32 ký tự)	
		WINS Config (Cấu hình WINS)	-	Chọn chế độ cấu hình WINS.	
		WINS Server (Máy chủ WINS)	Primary (Chính)	-	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS chính.
			Secondary (Phụ)	-	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS phụ.
		DNS Server (Máy chủ DNS)	Primary (Chính)	-	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS chính.
Secondary (Phụ)	-		Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS phụ.		

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Mô tả	
Wired LAN (LAN có dây) (Dành cho các model có Mạng có dây)	TCP/IP	APIPA	-	Thiết đặt máy để tự động cấp phát địa chỉ IP từ dải địa chỉ liên kết cục bộ.	
		IPv6	-	Bật hoặc tắt giao thức IPv6.	
	Ethernet	-	-	Chọn chế độ liên kết Ethernet.	
	Wired Status (Trạng thái có dây)	-	-	Xem trạng thái mạng có dây hiện tại.	
	MAC Address (Địa chỉ MAC)	-	-	Xem địa chỉ MAC của máy.	
	Set to Default (Đặt về mặc định) (Dành cho các model có mạng không dây)	-	-	Khôi phục các cài đặt mạng có dây về cài đặt của nhà máy.	
Wired Enable (Bật kết nối có dây)	-	-	Bật hoặc tắt giao diện LAN có dây theo cách thủ công.		
WLAN (Wi-Fi) (Dành cho các model có mạng không dây)	Find Network (Tìm mạng)	-	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng tay.	
	TCP/IP	Boot Method (Phương thức khởi động)	-	Chọn phương thức Boot phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.	
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	Nhập địa chỉ IP.	
		Subnet Mask (Mặt nạ mạng con)	-	Nhập Mặt nạ mạng con.	
		Gateway (Cổng kết nối)	-	Nhập địa chỉ Cổng.	
		Node Name (Tên nút)	-	Nhập tên Nude. (Tối đa 32 ký tự)	
		WINS Config (Cấu hình WINS)	-	Chọn chế độ cấu hình WINS.	
		WINS Server (Máy chủ WINS)	Primary (Chính)	-	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS chính.
			Secondary (Phụ)	-	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS phụ.
		DNS Server (Máy chủ DNS)	Primary (Chính)	-	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS chính.
	Secondary (Phụ)		-	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS phụ.	
	APIPA	-	-	Thiết đặt máy để tự động cấp phát địa chỉ IP từ dải địa chỉ liên kết cục bộ.	
	IPv6	-	-	Bật hoặc tắt giao thức IPv6.	
WPS/PushButton (Nút WPS/Push)	-	-	Cấu hình các cài đặt mạng không dây bằng cách sử		

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Mô tả	
WLAN (Wi-Fi) (Dành cho các model có mạng không dây)				dụng phương pháp nhấn một nút.	
	WPS/PIN Code (Mã WPS/PIN)	-	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng cách sử dụng WPS với mã PIN.	
	Recover WLAN (Khôi phục WLAN)	-	-	Đặt lại và khởi động lại mạng không dây của bạn.	
	WLAN Status (Trạng thái WLAN)	Status (Trạng thái)	-	-	Xem trạng thái mạng không dây hiện tại.
		Signal (Tín hiệu)	-	-	Xem cường độ tín hiệu mạng không dây hiện tại.
		Channel (Kênh)	-	-	Xem kênh mạng không dây hiện tại.
		Speed (Tốc độ)	-	-	Xem tốc độ mạng không dây hiện tại.
		SSID	-	-	Xem SSID hiện tại.
		Comm. Mode (Chế độ liên lạc)	-	-	Xem Chế độ liên lạc hiện tại.
MAC Address (Địa chỉ MAC)	-	-	-	Xem địa chỉ MAC của máy.	
Set to Default (Đặt về mặc định) (Dành cho các model có Mạng có dây)	-	-	-	Khôi phục các cài đặt mạng không dây về cài đặt của nhà máy.	
WLAN Enable (Bật WLAN)	-	-	-	Bật hoặc tắt WLAN theo cách thủ công.	
Wi-Fi Direct (Chuyển hướng Wi-Fi) (Dành cho các model có mạng không dây)	Manual (Bằng tay)	-	-	Cấu hình cài đặt mạng Wi-Fi Direct thủ công.	
	Group Owner (Chủ nhóm)	-	-	Thiết đặt máy của bạn là Chủ sở hữu nhóm.	
	Push Button (Nút nhấn)	-	-	Cấu hình các cài đặt mạng Wi-Fi Direct bằng cách sử dụng phương pháp nhấn một nút.	
	PIN Code (Mã PIN)	-	-	Cấu hình các cài đặt mạng Wi-Fi Direct bằng cách sử dụng WPS với mã PIN.	
	Device Info. (Thông tin thiết bị)	Device Name (Tên thiết bị)	-	-	Xem tên thiết bị của máy.
		SSID	-	-	Xem SSID của Chủ sở hữu nhóm. Khi máy không được kết nối, màn hình LCD hiển thị Không Kết nối.
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	-	Xem địa chỉ IP hiện tại của máy.
	Status Info. (Thông tin trạng thái)	Status (Trạng thái)	-	-	Xem trạng thái mạng Wi-Fi Direct hiện tại.
Signal (Tín hiệu)		-	-	Xem cường độ tín hiệu mạng Wi-Fi Direct hiện tại.	

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Mô tả
Wi-Fi Direct (Chuyển hướng Wi-Fi) (Dành cho các model có mạng không dây)	Status Info. (Thông tin trạng thái)			Khi máy của bạn đóng vai trò Chủ sở hữu nhóm, màn hình LCD luôn chỉ báo tín hiệu mạnh.
		Channel (Kênh)	-	Xem kênh mạng Wi-Fi Direct hiện tại.
	Speed (Tốc độ)	-	-	Xem tốc độ mạng Wi-Fi Direct hiện tại.
	I/F Enable (I/F bật)	-	-	Bật hoặc tắt kết nối Wi-Fi Direct.
E-mail/IFAX	Mail Address (Địa chỉ thư)	-	-	Nhập địa chỉ email. (Tối đa 255 ký tự)
	Setup Server (Cài đặt máy chủ)	SMTP	Server (Máy chủ)	Nhập tên và địa chỉ máy chủ SMTP.
			Port (Cổng)	Nhập số cổng SMTP.
			Auth. for SMTP (Xác thực cho SMTP)	Chọn Phương thức bảo mật cho thông báo qua email.
			SSL/TLS	Gửi hoặc nhận email qua máy chủ email cần có đường truyền SSL/TLS bảo mật.
			Verify Cert. (Xác minh chứng chỉ)	Xác minh Chứng chỉ máy chủ SMTP tự động.
		POP3/IMAP4	Protocol (Giao thức)	Chọn giao thức để nhận email từ máy chủ.
			Server (Máy chủ)	Nhập tên và địa chỉ máy chủ.
			Port (Cổng)	Nhập số cổng.
			Mailbox Name (Tên hộp thư)	Nhập tên hộp thư. (Tối đa 255 ký tự)
			Mailbox Pwd (Mật khẩu hộp thư)	Nhập mật khẩu để đăng nhập vào máy chủ. (Tối đa 128 ký tự)
	Select Folder (Chọn thư mục)		Chọn thư mục đã xác định trong hộp thư bằng cách sử dụng giao thức IMAP4.	
	SSL/TLS		Gửi hoặc nhận email qua máy chủ email cần có đường truyền SSL/TLS bảo mật.	
	Verify Cert. (Xác minh chứng chỉ)		Xác minh Chứng chỉ máy chủ SMTP tự động.	
Auth. Select (Lựa)	Chọn Phương thức bảo mật cho thông báo qua email.			

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Mô tả
E-mail/IFAX	Setup Server (Cài đặt máy chủ)	POP3/IMAP4	chọn xác thực)	
	Setup Mail RX (Cài đặt thư xác nhận nhận fax)	Auto Polling (Tự động kiểm tra)	Auto Polling (Tự động kiểm tra)	Tự động kiểm tra máy chủ xem có thông báo mới không.
			Poll Frequency (Tần suất kiểm tra)	Thiết đặt khoảng cách kiểm tra tin nhắn mới trên máy chủ.
		Header (Đầu trang)	-	Chọn các nội dung của tiêu đề email cần được in.
		Del Error Mail (Xóa thư lỗi)	-	Máy chủ POP3 tự động phát hiện các email lỗi. Máy chủ IMAP4 tự động phát hiện các email lỗi sau khi bạn đọc chúng.
		Notification (Thông báo)	-	Nhận tin nhắn thông báo.
	Setup Mail TX (Cài đặt thư xác nhận gửi fax)	Sender Subject (Chủ đề của người gửi)	-	Xem chủ đề.
		Size Limit (Giới hạn kích thước)	Size Limit (Giới hạn kích thước)	Giới hạn kích thước của tài liệu email.
			Maximum Size (MB) (Kích thước tối đa (MB))	
	Notification (Thông báo)	-	Gửi tin nhắn thông báo.	
	Setup Relay (Cài đặt chuyển tiếp)	Rly Broadcast (Chuyển tiếp truyền phát)	-	Chuyển tiếp tài liệu tới máy fax khác.
		Relay Domain (Chuyển tiếp tên miền)	Relay (Chuyển tiếp) ##	Đăng ký Tên miền.
		Relay Report (Báo cáo chuyển tiếp)	-	In Báo cáo truyền phát.
	Report Setting (Thiết đặt báo cáo)	E-mail	XMIT Report (Báo cáo XMIT)	Chọn cài đặt ban đầu cho Báo cáo xác nhận truyền.
		IFAX	XMIT Report (Báo cáo XMIT)	
Manual Receive (Nhận thủ công)	-	-	Kiểm tra máy chủ POP3 hoặc IMAP4 xem có thông báo mới không theo cách thủ công.	
Web Based Mgmt (Web Based Mgmt)	-	-	-	Bật hoặc tắt Quản lý trên nền web.

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Mô tả
				Nếu bạn bật chức năng này, hãy đảm bảo bạn chỉ định phương thức kết nối để sử dụng Quản lý trên nền web.
Fax to Server (Fax đến máy chủ)	Fax to Server (Fax đến máy chủ)	-	-	Lưu địa chỉ tiền tố/hậu tố trong máy và có thể gửi tài liệu từ hệ thống máy chủ fax.
	Prefix (Tiền tố)	-	-	
	Suffix (Hậu tố)	-	-	
Global Detect (Phát hiện toàn cầu)	Allow Detect (Cho phép phát hiện)	-	-	Bật hoặc tắt Phát hiện toàn cầu, một chức năng phát hiện và thông báo cho người dùng khi người dùng vô tình kết nối với mạng toàn cầu.
	Reject Access (Từ chối truy cập)	-	-	Tắt kết nối với mạng toàn cầu.
Network Reset (Đặt lại mạng)	-	-	-	Khôi phục tất cả các thiết đặt mạng về thiết đặt mặc định theo nhà máy.

[Print Reports (In báo cáo)]

[Print Reports (In báo cáo)]

Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
XMIT Report (Báo cáo XMIT)	View on LCD (Xem trên LCD)	Hiển thị Báo cáo Xác nhận Truyền của lần truyền cuối cùng.
	Print Report (In báo cáo)	In Báo cáo Xác nhận Truyền của lần truyền cuối cùng.
Address Book (Danh bạ)	Numeric (Bảng số)	In danh sách tên và số liên hệ được lưu trong Danh bạ, theo thứ tự chữ số.
	Alphabetic (Chữ-số)	In danh sách tên và số liên hệ được lưu trong Danh bạ, theo thứ tự bảng chữ cái.
Fax Journal (Nhật ký fax)	-	In danh sách thông tin về 200 bản fax đến và đi gần nhất của bạn. (TX có nghĩa là Truyền. RX có nghĩa là Nhận.)
User Settings (Thiết đặt người dùng)	-	In danh sách các thiết đặt Người dùng của bạn.
Print Settings (In thiết đặt)	-	In danh sách các thiết đặt Máy in của bạn.
Network Config (Cấu hình mạng)	-	In danh sách các thiết đặt Mạng của bạn.
PrintFileList (Danh sách tệp tin cần in) (có sẵn ở một số model nhất định)	-	In một danh sách dữ liệu đã lưu trong bộ nhớ máy.
Drum Dot Print (In đếm mực của trống mực)	-	In tờ kiểm tra chấm trên trống mực.
WLAN Report (Báo cáo WLAN) (Dành cho các model có mạng không dây)	-	In kết quả kết nối LAN không dây.

[Machine Info. (Thông tin máy)]**[Machine Info. (Thông tin máy)]**

Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Serial No. (Số sê-ri)	-	Kiểm tra số sê-ri máy của bạn.
Version (Phiên bản)	Main Version (Phiên bản chính)	Kiểm tra phiên bản firmware của máy.
	Sub1 Version (Phiên bản phụ 1) (có sẵn ở một số model nhất định)	
	Security Ver. (Phiên bản bảo mật)	
Page Counter (Bộ đếm số trang)	Total (Tổng)	Kiểm tra tổng số trang mà máy đã in trong suốt thời gian làm việc của máy.
	Fax	
	Copy (Sao chép)	
	Print (In)	
	Other (Khác)	
Parts Life (Tuổi thọ bộ phận)	Toner (Hộp mực)	Xem tuổi thọ mực còn lại ước chừng.
	Drum (Trống)	Bạn có thể kiểm tra tỷ lệ tuổi thọ Trống mực còn lại.

[Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]**[Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]**

Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Date & Time (Ngày & Giờ)	Date & Time (Ngày & Giờ)	Thêm ngày và giờ vào màn hình và trong tiêu đề của bản fax bạn gửi.
	Time Zone (Múi giờ)	Thiết đặt múi giờ của bạn.
Station ID (ID trạm)	-	Nhập tên và số fax của bạn để nó xuất hiện trên mỗi trang bạn fax.
Tone/Pulse (Âm/Nhịp)	-	Chọn chế độ quay số.
Dial Tone (Âm quay số)	-	Rút ngắn thời gian tạm dừng để phát hiện âm quay số.
Dial Prefix (Tiền tố quay số)	-	Thiết đặt số tiền tố được đặt trước số fax mỗi lần bạn quay số.
Compatibility (Khả năng tương thích)	-	Điều chỉnh sự cân bằng cho các khó khăn truyền tải. Nhà cung cấp dịch vụ VoIP cung cấp sự hỗ trợ fax bằng cách sử dụng các tiêu chuẩn khác nhau. Nếu bạn thường gặp phải các lỗi truyền fax, hãy chọn Basic (đối với VoIP).
Reset (Đặt lại)	Machine Reset (Đặt lại máy)	Khôi phục toàn bộ cài đặt của máy mà bạn đã thay đổi.
	Network Reset (Đặt lại mạng) (Đối với các model có chức năng mạng)	Khôi phục tất cả các thiết đặt mạng về thiết đặt mặc định theo nhà máy.
	Address & Fax (Địa chỉ & Fax)	Xóa toàn bộ số điện thoại và thiết đặt fax đã lưu.

Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Reset (Đặt lại)	All Settings (Tắt cả thiết đặt)	Khôi phục tất cả các thiết đặt của máy về thiết đặt mặc định theo nhà máy.
	Factory Reset (Đặt về thiết đặt mặc định)	Khôi phục tất cả các thiết đặt của máy về thiết đặt mặc định theo nhà máy. Thực hiện thao tác này khi bạn chuyển nhượng máy của mình.
Local Language (Ngôn ngữ địa phương) (có sẵn ở một số model nhất định)	-	Thay đổi ngôn ngữ của màn hình LCD.



Thông tin liên quan

- [Bảng thiết đặt và tính năng](#)

Bảng cài đặt (Các dòng máy DCP màn hình LCD 2 đường dây)

Model: DCP-B7600DB/DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB

- >> [General Setup (Cài đặt chung)]
- >> [Copy (Bản sao)]
- >> [Printer (Máy in)]
- >> [Network (Mạng)] (Đối với các model có chức năng mạng)
- >> [Print Reports (In báo cáo)]
- >> [Machine Info. (Thông tin máy)]
- >> [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]

[General Setup (Cài đặt chung)]

[General Setup (Cài đặt chung)]

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Mô tả	
Tray Setting (Thiết đặt khay)	Paper Type (Loại giấy)	-	Thiết đặt loại giấy trong khay giấy.	
	Paper Size (Khổ giấy)	-	Thiết đặt khổ giấy trong khay giấy.	
	Print Position (Vị trí in)	X Offset (Độ bù phương X)	-	Di chuyển vị trí bắt đầu in (ở góc trên bên trái của trang) sang ngang từ -500 (trái) đến +500 (phải) điểm tại 300 dpi.
		Y Offset (Độ bù phương Y)	-	Di chuyển vị trí bắt đầu in (ở góc trên bên trái của trang) theo chiều dọc từ -500 (lên) đến +500 (xuống) điểm tại 300 dpi.
	Check Paper (Kiểm tra giấy)	-	Chọn có hiển thị một thông báo cho bạn biết phải kiểm tra xem khổ và loại giấy trong máy và thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy của máy có phù hợp không.	
Ecology (Sinh thái)	Eco Mode (Chế độ Tiết kiệm)	-	Bật các thiết đặt máy sau cùng lúc: <ul style="list-style-type: none"> • 2-sided Print:Long Edge (In 2 mặt: Cạnh dài) ¹(có sẵn ở một số model nhất định) • Sleep Time:0Min (Thời gian Chờ: 0 phút) • Quiet Mode (Chế độ im lặng):On (Bật) ¹ • Toner Save (Tiết kiệm mực):On (Bật) ¹ 	
	Toner Save (Tiết kiệm mực)	-	Tăng sản lượng trang của hộp mực.	
	Sleep Time (Thời gian ngủ)	-	Thiết đặt số phút trước khi máy nhập Chế độ ngủ.	
	Quiet Mode (Chế độ im lặng)	-	Giảm tiếng ồn khi in.	
	Auto Power Off (Tự động tắt nguồn)	-	Thiết đặt số giờ mà máy sẽ duy trì ở chế độ Ngủ Sâu trước khi đi vào chế độ Tắt Nguồn.	
LCD Contrast (Độ tương phản LCD)	-	-	Điều chỉnh độ tương phản màn hình LCD.	

¹ Chỉ có thể thay đổi thiết đặt này sau khi bạn thay đổi một số thiết đặt máy nhất định trong Quản lý trên nền web.

[Copy (Bản sao)]

[Copy (Bản sao)]

Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Density (Mật độ)	-	Điều chỉnh mật độ.
Quality (Số lượng)	-	Chọn độ phân giải của Bản sao cho loại tài liệu của bạn.
Contrast (Độ tương phản)	-	Điều chỉnh độ tương phản cho các bản sao.
ID Copy (Sao chép ID)	Density (Mật độ)	Điều chỉnh mật độ.
	Quality (Số lượng)	Chọn độ phân giải của Bản sao cho loại tài liệu của bạn.
	Contrast (Độ tương phản)	Điều chỉnh độ tương phản cho các bản sao.
	2in1/1in1 (2 trong 1/1 trong 1)	Tạo các bản sao chép ID 2 trong 1.

[Printer (Máy in)]

[Printer (Máy in)]

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Mô tả
Emulation (Trạng thái)	-	-	Thiết đặt chế độ mô phỏng máy in.
Resolution (Độ phân giải)	-	-	Chọn độ phân giải in.
Density (Mật độ)	-	-	Tăng hoặc giảm mật độ in.
Print Settings (In thiết đặt)	-	-	Chọn thiết đặt in của bạn thành Văn bản hoặc Đồ họa.
Print Options (Tùy chọn in)	Font List (Danh sách phông chữ)	HP LaserJet BR-Script 3	In danh sách font bên trong của máy.
	Test Print (In thử)	-	In trang kiểm tra.
2-sided (2 mặt)	2-sided Print (In 2 mặt)	-	Tắt hoặc bật tính năng in 2 mặt và chọn lật dọc hoặc lật ngang.
	Single Image (Một ảnh)	-	Đối với một tác vụ in mà trang cuối là một hình ảnh 1 mặt, chọn tùy chọn 1-sided Feed (Nạp giấy 1 mặt) để giảm thời gian in.
Auto Continue (Tiếp tục tự động)	-	-	Chọn cài đặt này nếu bạn muốn máy xóa bỏ các lỗi về khổ giấy và sử dụng giấy trong khay.
Paper Type (Loại giấy)	-	-	Thiết đặt loại giấy.
Paper Size (Khổ giấy)	-	-	Thiết đặt khổ giấy.
Copies (Bản sao)	-	-	Thiết đặt số lượng trang in.
Orientation (Hướng)	-	-	Đặt giấy in theo hướng dọc hoặc ngang.
PrintPosition (Vị trí in)	-	-	Truy cập menu thiết đặt Vị trí in.
Auto FF (FF tự động)	-	-	Cho phép máy in mọi dữ liệu còn lại tự động.

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Mô tả
HP LaserJet	Font No. (Số phông)	-	Thiết đặt số phông.
	Font Pitch (Font Pitch)	-	Thiết đặt bước phông. (Chỉ có cho một số phông nhất định.)
	Font Point (Điểm phông)	-	Thiết đặt cỡ phông. (Chỉ có cho một số phông nhất định.)
	Symbol Set (Bộ biểu tượng)	-	Chọn biểu tượng hoặc ký tự được thiết đặt.
	Table Print (In bảng)	-	In bảng mã.
	Auto LF (LF tự động)	-	BẬT: CR -> CR+LF, TẮT: CR -> CR
	Auto CR (CR tự động)	-	BẬT: LF -> LF+CR, FF -> FF+CR hoặc VT -> VT+CR TẮT: LF -> LF, FF -> FF hoặc VT -> VT
	Auto WRAP (NGẮT DÒNG tự động)	-	Chọn xem bạn có muốn xuống dòng và xuống dòng khi vị trí xuống dòng đạt tới lề phải hay không.
	Auto SKIP (BỎ QUA tự động)	-	Chọn xem bạn có muốn xuống dòng và xuống dòng khi vị trí xuống dòng đạt tới lề dưới hay không.
	Left Margin (Lề trái)	-	Thiết đặt lề trái ở cột 0 thành 70 cột tại 1 cpi.
	Right Margin (Lề phải)	-	Thiết đặt lề phải ở cột 10 thành 80 cột tại 1 cpi.
	Top Margin (Lề trên)	-	Thiết đặt khoảng cách lề trên từ cạnh trên của giấy.
	Bottom Margin (Lề dưới)	-	Thiết đặt khoảng cách lề dưới từ cạnh dưới của giấy.
	Lines (Dòng)	-	Thiết đặt số lượng dòng mỗi trang.
Tray Command (Lệnh đến khay)	-	Chọn thiết đặt này nếu thông báo khay không phù hợp xuất hiện khi bạn sử dụng trình điều khiển HP.	
BR-Script 3	Error Print (Lỗi in)	-	Chọn xem máy có in thông tin lỗi khi xảy ra lỗi không.
PDF	Multiple Page (Nhiều trang)	-	Thiết đặt bố cục trang khi in nhiều trang.
	PDF Print Opt (Tùy chọn in PDF)	-	Chọn thiết đặt In trực tiếp từ PDF để in các nhận xét (Ghi chú) hoặc tem trong tập tin PDF, cùng với văn bản.
	Fit to Page (Vừa với trang)	-	Chọn xem máy có thay đổi tỷ lệ hoặc kích thước các trang trong tập tin PDF để vừa với khổ giấy đã chọn hay không.
Reset Printer (Đặt lại máy in)	-	-	Khôi phục các thiết đặt của máy về thiết đặt mặc định của nhà máy.

[Network (Mạng)] (Đối với các model có chức năng mạng)

[Network (Mạng)]

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Mô tả
Wired LAN (LAN có dây) (Dành cho các model có Mạng có dây)	TCP/IP	Boot Method (Phương thức khởi động)	-	Chọn phương thức Boot phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	Nhập địa chỉ IP.
		Subnet Mask (Mặt nạ mạng con)	-	Nhập Mặt nạ mạng con.
		Gateway (Cổng kết nối)	-	Nhập địa chỉ Cổng.
		Node Name (Tên nút)	-	Nhập tên Nude. (Tối đa 32 ký tự)
		WINS Config (Cấu hình WINS)	-	Chọn chế độ cấu hình WINS.
		WINS Server (Máy chủ WINS)	Primary (Chính)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS chính.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS phụ.
		DNS Server (Máy chủ DNS)	Primary (Chính)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS chính.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS phụ.
	APIPA	-	Thiết đặt máy để tự động cấp phát địa chỉ IP từ dải địa chỉ liên kết cục bộ.	
	IPv6	-	Bật hoặc tắt giao thức IPv6.	
	Ethernet	-	-	Chọn chế độ liên kết Ethernet.
	Wired Status (Trạng thái có dây)	-	-	Xem trạng thái mạng có dây hiện tại.
	MAC Address (Địa chỉ MAC)	-	-	Xem địa chỉ MAC của máy.
Set to Default (Đặt về mặc định) (Dành cho các model có mạng không dây)	-	-	Khôi phục các cài đặt mạng có dây về cài đặt của nhà máy.	
Wired Enable (Bật kết nối có dây)	-	-	Bật hoặc tắt giao diện LAN có dây theo cách thủ công.	

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Mô tả		
WLAN (Wi-Fi) (Dành cho các model có mạng không dây)	Find Network (Tìm mạng)	-	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng tay.		
	TCP/IP	Boot Method (Phương thức khởi động)	-	-	Chọn phương thức Boot phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.	
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	-	Nhập địa chỉ IP.	
		Subnet Mask (Mặt nạ mạng con)	-	-	Nhập Mặt nạ mạng con.	
		Gateway (Cổng kết nối)	-	-	Nhập địa chỉ Cổng.	
		Node Name (Tên nút)	-	-	Nhập tên Node. (Tối đa 32 ký tự)	
		WINS Config (Cấu hình WINS)	-	-	Chọn chế độ cấu hình WINS.	
		WINS Server (Máy chủ WINS)	Primary (Chính)	-	-	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS chính.
			Secondary (Phụ)	-	-	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS phụ.
		DNS Server (Máy chủ DNS)	Primary (Chính)	-	-	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS chính.
			Secondary (Phụ)	-	-	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS phụ.
	APIPA	-	-	-	Thiết đặt máy để tự động cấp phát địa chỉ IP từ dải địa chỉ liên kết cục bộ.	
	IPv6	-	-	-	Bật hoặc tắt giao thức IPv6.	
	WPS/PushButton (Nút WPS/Push)	-	-	-	Cấu hình các cài đặt mạng không dây bằng cách sử dụng phương pháp nhấn một nút.	
	WPS/PIN Code (Mã WPS/PIN)	-	-	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng cách sử dụng WPS với mã PIN.	
	Recover WLAN (Khôi phục WLAN)	-	-	-	Đặt lại và khởi động lại mạng không dây của bạn.	
WLAN Status (Trạng thái WLAN)	Status (Trạng thái)	-	-	Xem trạng thái mạng không dây hiện tại.		
	Signal (Tín hiệu)	-	-	Xem cường độ tín hiệu mạng không dây hiện tại.		
	Channel (Kênh)	-	-	Xem kênh mạng không dây hiện tại.		

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Mô tả
WLAN (Wi-Fi) (Dành cho các model có mạng không dây)	WLAN Status (Trạng thái WLAN)	Speed (Tốc độ)	-	Xem tốc độ mạng không dây hiện tại.
		SSID	-	Xem SSID hiện tại.
		Comm. Mode (Chế độ liên lạc)	-	Xem Chế độ liên lạc hiện tại.
	MAC Address (Địa chỉ MAC)	-	-	Xem địa chỉ MAC của máy.
	Set to Default (Đặt về mặc định) (Dành cho các model có Mạng có dây)	-	-	Khôi phục các cài đặt mạng không dây về cài đặt của nhà máy.
Wi-Fi Direct (Chuyên hướng Wi-Fi) (Dành cho các model có mạng không dây)	WLAN Enable (Bật WLAN)	-	-	Bật hoặc tắt WLAN theo cách thủ công.
	Manual (Bằng tay)	-	-	Cấu hình cài đặt mạng Wi-Fi Direct thủ công.
	Group Owner (Chủ nhóm)	-	-	Thiết đặt máy của bạn là Chủ sở hữu nhóm.
	Push Button (Nút nhấn)	-	-	Cấu hình các cài đặt mạng Wi-Fi Direct bằng cách sử dụng phương pháp nhấn một nút.
	PIN Code (Mã PIN)	-	-	Cấu hình các cài đặt mạng Wi-Fi Direct bằng cách sử dụng WPS với mã PIN.
	Device Info. (Thông tin thiết bị)	Device Name (Tên thiết bị)	-	Xem tên thiết bị của máy.
		SSID	-	Xem SSID của Chủ sở hữu nhóm. Khi máy không được kết nối, màn hình LCD hiển thị Không Kết nối.
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	Xem địa chỉ IP hiện tại của máy.
	Status Info. (Thông tin trạng thái)	Status (Trạng thái)	-	Xem trạng thái mạng Wi-Fi Direct hiện tại.
		Signal (Tín hiệu)	-	Xem cường độ tín hiệu mạng Wi-Fi Direct hiện tại. Khi máy của bạn đóng vai trò Chủ sở hữu nhóm, màn hình LCD luôn chỉ báo tín hiệu mạnh.
Channel (Kênh)		-	Xem kênh mạng Wi-Fi Direct hiện tại.	
Speed (Tốc độ)		-	Xem tốc độ mạng Wi-Fi Direct hiện tại.	
I/F Enable (I/F bật)	-	-	Bật hoặc tắt kết nối Wi-Fi Direct.	

Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6	Mô tả
Web Based Mgmt (Web Based Mgmt)	-	-	-	Bật hoặc tắt Quản lý trên nền web. Nếu bạn bật chức năng này, hãy đảm bảo bạn chỉ định phương thức kết nối để sử dụng Quản lý trên nền web.
Global Detect (Phát hiện toàn cầu)	Allow Detect (Cho phép phát hiện)	-	-	Bật hoặc tắt Phát hiện toàn cầu, một chức năng phát hiện và thông báo cho người dùng khi người dùng vô tình kết nối với mạng toàn cầu.
	Reject Access (Từ chối truy cập)	-	-	Tắt kết nối với mạng toàn cầu.
Network Reset (Đặt lại mạng)	-	-	-	Khôi phục tất cả các thiết đặt mạng về thiết đặt mặc định theo nhà máy.

[Print Reports (In báo cáo)]

[Print Reports (In báo cáo)]

Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
User Settings (Thiết đặt người dùng)	-	In danh sách các thiết đặt Người dùng của bạn.
Print Settings (In thiết đặt)	-	In danh sách các thiết đặt Máy in của bạn.
Network Config (Cấu hình mạng) (Đối với các model có chức năng mạng)	-	In danh sách các thiết đặt Mạng của bạn.
PrintFileList (Danh sách tệp tin cần in) (có sẵn ở một số model nhất định)	-	In một danh sách dữ liệu đã lưu trong bộ nhớ máy.
Drum Dot Print (In chấm mực của trống mực)	-	In tờ kiểm tra chấm trên trống mực.
WLAN Report (Báo cáo WLAN) (Đối với các model có chức năng mạng không dây)	-	In kết quả kết nối LAN không dây.

[Machine Info. (Thông tin máy)]

[Machine Info. (Thông tin máy)]

Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Serial No. (Số sê-ri)	-	Kiểm tra số sê-ri máy của bạn.
Version (Phiên bản)	Main Version (Phiên bản chính)	Kiểm tra phiên bản firmware của máy.
	Sub1 Version (Phiên bản phụ 1)	
	Security Ver. (Phiên bản bảo mật)	
Page Counter (Bộ đếm số trang)	Total (Tổng)	Kiểm tra tổng số trang mà máy đã in trong suốt thời gian làm việc của máy.
	Copy (Sao chép)	
	Print (In)	
	Other (Khác)	

Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Parts Life (Tuổi thọ bộ phận)	Toner (Hộp mực)	Xem tuổi thọ mực còn lại ước chừng.
	Drum (Trống)	Bạn có thể kiểm tra tỷ lệ tuổi thọ Trống mực còn lại.

[Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]

[Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]

Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Reset (Đặt lại)	Machine Reset (Đặt lại máy)	Khôi phục toàn bộ cài đặt của máy mà bạn đã thay đổi.
	Network Reset (Đặt lại mạng) (Đối với các model có chức năng mạng)	Khôi phục tất cả các thiết đặt mạng về thiết đặt mặc định theo nhà máy.
	All Settings (Tất cả thiết đặt)	Khôi phục tất cả các thiết đặt của máy về thiết đặt mặc định theo nhà máy.
	Factory Reset (Đặt về thiết đặt mặc định)	Khôi phục tất cả các thiết đặt của máy về thiết đặt mặc định theo nhà máy. Thực hiện thao tác này khi bạn chuyển nhượng máy của mình.
Local Language (Ngôn ngữ địa phương) (có sẵn ở một số model nhất định)	-	Thay đổi ngôn ngữ của màn hình LCD.



Thông tin liên quan

- [Bảng thiết đặt và tính năng](#)

Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web

Quản lý dựa trên Web là một tiện ích sử dụng một trình duyệt web chuẩn để quản lý máy của bạn bằng Giao thức truyền siêu văn bản (HTTP) hoặc Giao thức truyền siêu văn bản thông qua Tầng ổ bảo mật (HTTPS).

- [Quản lý dựa trên Web là gì?](#)
- [Truy cập tính năng Quản lý trên nền Web](#)
- [Thay đổi mật khẩu đăng nhập bằng Quản lý trên nền web](#)
- [Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng tính năng Quản lý trên nền Web](#)

Quản lý dựa trên Web là gì?

Quản lý dựa trên Web là một tiện ích sử dụng một trình duyệt web chuẩn để quản lý máy của bạn bằng Giao thức truyền siêu văn bản (HTTP) hoặc Giao thức truyền siêu văn bản thông qua Tầng ổ bảo mật (HTTPS).



- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng phiên bản mới nhất của các trình duyệt web sau:
 - Microsoft Edge, Firefox và Google Chrome™ cho Windows
 - Safari, Firefox và Google Chrome™ cho Mac
 - Google Chrome™ cho Android™
 - Safari và Google Chrome™ cho iOS
- Đảm bảo JavaScript và Cookie luôn được bật, bất kể bạn sử dụng trình duyệt nào.
- DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB:
Đảm bảo máy của bạn được Bật và được kết nối với cùng mạng với máy tính và mạng của bạn hỗ trợ giao thức TCP/IP.

The screenshot displays the Brother web management interface. On the left is a dark blue sidebar with a 'Logout' button at the top and a list of menu items: Home, Status (highlighted), Auto Refresh Interval, General, Address Book, Fax, Copy, Print, Scan, Administrator, Online Functions, and Network. The main content area is white and features the 'brother' logo in the top right corner. Below the logo, the 'Status' section is visible, including 'Device Status' (Ready), 'Automatic Refresh' (Off), 'Toner Level' (BK), 'Web Language' (Auto), and 'Device Location' (Contact and Location fields).

Màn hình thực tế có thể khác với màn hình được thể hiện ở trên.



Thông tin liên quan

- Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web

Truy cập tính năng Quản lý trên nền Web

- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng phiên bản mới nhất của các trình duyệt web sau:
 - Microsoft Edge, Firefox và Google Chrome™ cho Windows
 - Safari, Firefox và Google Chrome™ cho Mac
 - Google Chrome™ cho Android™
 - Safari và Google Chrome™ cho iOS
- Đảm bảo JavaScript và Cookie luôn được bật, bất kể bạn sử dụng trình duyệt nào.
- DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB:
Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng giao thức bảo mật HTTPS khi định cấu hình cài đặt bằng tính năng Quản lý trên nền Web. Nếu bạn sử dụng HTTP khi cấu hình thiết đặt bằng Quản lý trên nền web, hãy làm theo lời nhắc trên màn hình để chuyển sang kết nối HTTPS bảo mật.
- DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB:
Khi bạn sử dụng HTTPS để cấu hình tính năng Quản lý trên nền Web, trình duyệt của bạn sẽ hiển thị hộp thoại cảnh báo. Để tránh hiển thị hộp thoại cảnh báo, bạn có thể cài đặt chứng chỉ tự ký để sử dụng đường truyền SSL/TLS.
- Mật khẩu mặc định để quản lý thiết đặt của máy này nằm ở phía sau máy và được đánh dấu "Pwd". Đổi mật khẩu mặc định bằng cách thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình khi bạn đăng nhập lần đầu. Chúng tôi khuyến nghị thay đổi mật khẩu mặc định ngay lập tức để bảo vệ máy của bạn khỏi truy cập trái phép.
DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB:
Bạn cũng có thể tìm thấy mật khẩu mặc định trong Báo cáo cấu hình mạng.

>> Truy cập tính năng Quản lý trên nền web từ Trình duyệt web

>> Truy cập tính năng Quản lý trên nền web từ Brother iPrint&Scan (Windows/Mac)

>> Truy cập tính năng Quản lý trên nền web từ ứng dụng Brother Utilities (Windows)

Truy cập tính năng Quản lý trên nền web từ Trình duyệt web

1. Khởi động trình duyệt web của bạn.
2. Nhập "https://địa chỉ IP của máy" vào thanh địa chỉ của trình duyệt (trong đó "địa chỉ IP của máy" là địa chỉ IP máy của bạn).

Ví dụ:

https://192.168.1.2



- Nếu bạn đang sử dụng Hệ thống Tên Miền hoặc bật tên NetBIOS, bạn có thể nhập tên khác, như "SharedPrinter" thay vì nhập địa chỉ IP.

Ví dụ: https://SharedPrinter

- Nếu bạn bật tên NetBIOS, bạn cũng có thể sử dụng tên nút.
Ví dụ: https://brn123456abcdef
- Tên NetBIOS có thể được tìm thấy trong Báo cáo Cấu hình Mạng.

3. Nếu cần, nhập mật khẩu vào trường **Login (Đăng nhập)**, rồi bấm **Login (Đăng nhập)**.



Mật khẩu mặc định để quản lý thiết đặt của máy này nằm ở phía sau máy và được đánh dấu "Pwd". Đổi mật khẩu mặc định bằng cách làm theo hướng dẫn trên màn hình khi bạn đăng nhập lần đầu.

4. Nếu bạn muốn ghim thanh điều hướng sang bên trái của màn hình, bấm , rồi bấm .

Bây giờ, bạn có thể thay đổi thiết đặt của máy.



Nếu máy không hoạt động trong một khoảng thời gian nhất định, người dùng sẽ tự động đăng xuất. Thay đổi cài đặt đăng xuất trong menu **Logout Time (Thời gian đăng xuất)**.

Truy cập tính năng Quản lý trên nền web từ Brother iPrint&Scan (Windows/Mac)

1. Khởi động Brother iPrint&Scan.

- Windows


Khởi chạy  (**Brother iPrint&Scan**).

- Mac

Trong thanh menu **Finder (Trình tìm kiếm)**, nhấp vào **Go (VÀO) > Applications (Ứng dụng)**, rồi nhấp đúp vào biểu tượng iPrint&Scan.

Màn hình Brother iPrint&Scan xuất hiện.

2. Nếu máy Brother của bạn chưa được chọn, hãy nhấp vào nút **Select your Machine (Chọn Máy in của bạn)**, rồi chọn tên model của bạn trong danh sách. Nhấp vào **OK**.

3. Nhấp vào  (**Cài đặt Máy/Vật tư**).


4. Nhấp vào **Toàn bộ Cài đặt**.

Trang Quản lý trên nền web xuất hiện.

5. Nếu cần, nhập mật khẩu vào trường **Login (Đăng nhập)**, rồi bấm **Login (Đăng nhập)**.



Mật khẩu mặc định để quản lý thiết đặt của máy này nằm ở phía sau máy và được đánh dấu "**Pwd**". Đổi mật khẩu mặc định bằng cách làm theo hướng dẫn trên màn hình khi bạn đăng nhập lần đầu.


6. Nếu bạn muốn ghim thanh điều hướng sang bên trái của màn hình, bấm , rồi bấm .

Bây giờ, bạn có thể thay đổi thiết đặt của máy.



Bạn cũng có thể truy cập tính năng Quản lý trên nền web từ ứng dụng Brother Mobile Connect dành cho thiết bị di động.

Truy cập tính năng Quản lý trên nền web từ ứng dụng Brother Utilities (Windows)

1. Khởi chạy  (**Brother Utilities**), rồi nhấp vào danh sách thả xuống và chọn tên dòng máy của bạn (nếu chưa được chọn).

2. Bấm **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Cài đặt máy**.

Trang Quản lý trên nền web xuất hiện.

3. Nếu cần, nhập mật khẩu vào trường **Login (Đăng nhập)**, rồi bấm **Login (Đăng nhập)**.



Mật khẩu mặc định để quản lý thiết đặt của máy này nằm ở phía sau máy và được đánh dấu "**Pwd**". Đổi mật khẩu mặc định bằng cách làm theo hướng dẫn trên màn hình khi bạn đăng nhập lần đầu.

4. Nếu bạn muốn ghim thanh điều hướng sang bên trái của màn hình, bấm , rồi bấm .

Bây giờ, bạn có thể thay đổi thiết đặt của máy.

DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB:

Nếu bạn thay đổi thiết đặt giao thức, bạn phải khởi động lại máy sau khi bấm vào **Submit (Gửi)** để kích hoạt cấu hình.

Sau khi cấu hình thiết đặt, bấm **Logout (Đăng xuất)**.



Thông tin liên quan

- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)

Thay đổi mật khẩu đăng nhập bằng Quản lý trên nền web

Mật khẩu mặc định để quản lý thiết đặt của máy này nằm ở phía sau máy và được đánh dấu "Pwd". Đổi mật khẩu mặc định bằng cách thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình khi bạn đăng nhập lần đầu. Chúng tôi khuyến nghị thay đổi mật khẩu mặc định ngay lập tức để bảo vệ máy của bạn khỏi truy cập trái phép.

1. Khởi động trình duyệt web của bạn.
2. Nhập "https://địa chỉ IP của máy" vào thanh địa chỉ của trình duyệt (trong đó "địa chỉ IP của máy" là địa chỉ IP máy của bạn).

Ví dụ:

https://192.168.1.2



- Nếu bạn đang sử dụng Hệ thống Tên Miền hoặc bật tên NetBIOS, bạn có thể nhập tên khác, như "SharedPrinter" thay vì nhập địa chỉ IP.

Ví dụ: https://SharedPrinter

- Nếu bạn bật tên NetBIOS, bạn cũng có thể sử dụng tên nút.

Ví dụ: https://brn123456abcdef

- Tên NetBIOS có thể được tìm thấy trong Báo cáo Cấu hình Mạng.

3. Thực hiện một trong các thao tác sau:
 - Nếu trước đây bạn đã thiết đặt mật khẩu của riêng mình, hãy nhập mật khẩu đó rồi nhấp vào **Login (Đăng nhập)**.
 - Nếu trước đây bạn chưa thiết đặt mật khẩu của riêng mình, hãy nhập mật khẩu đăng nhập mặc định, rồi nhấp vào **Login (Đăng nhập)**.
4. Trong thanh điều hướng bên trái, hãy nhấp vào **Administrator (Quản trị viên)** > **Login Password (Mật khẩu đăng nhập)**.



- Mật khẩu mặc định để quản lý thiết đặt của máy này nằm ở phía sau máy và được đánh dấu "Pwd".
- Nếu thanh điều hướng bên trái không hiển thị, hãy bắt đầu điều hướng từ ☰.

5. Để thay đổi mật khẩu, hãy nhập mật khẩu hiện tại của bạn vào trường **Enter Old Password (Nhập mật khẩu cũ)**.
6. Thực hiện theo hướng dẫn **Login Password (Mật khẩu đăng nhập)** trên màn hình để nhập mật khẩu mới vào trường **Enter New Password (Nhập Mật khẩu mới)**.
7. Nhập lại mật khẩu mới vào trường **Confirm New Password (Xác nhận Mật khẩu mới)**.
8. Nhấp vào **Submit (Gửi)**.



Bạn cũng có thể thay đổi thiết đặt khóa trong menu **Login Password (Mật khẩu đăng nhập)**.



Thông tin liên quan

- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)

Chủ đề liên quan:

- [Kiểm tra mật khẩu của máy](#)

Thiết lập Số địa chỉ của Máy bằng tính năng Quản lý trên nền Web

Model: MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB

- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng giao thức bảo mật HTTPS khi định cấu hình cài đặt bằng tính năng Quản lý trên nền Web.
- Khi bạn sử dụng HTTPS để cấu hình tính năng Quản lý trên nền Web, trình duyệt của bạn sẽ hiển thị hộp thoại cảnh báo.

1. Khởi động trình duyệt web của bạn.
2. Nhập "https://địa chỉ IP của máy" vào thanh địa chỉ của trình duyệt (trong đó "địa chỉ IP của máy" là địa chỉ IP máy của bạn).

Ví dụ:

https://192.168.1.2



- Nếu bạn đang sử dụng Hệ thống Tên Miền hoặc bật tên NetBIOS, bạn có thể nhập tên khác, như "SharedPrinter" thay vì nhập địa chỉ IP.

Ví dụ: https://SharedPrinter

- Nếu bạn bật tên NetBIOS, bạn cũng có thể sử dụng tên nút.
Ví dụ: https://brn123456abcdef
- Tên NetBIOS có thể được tìm thấy trong Báo cáo Cấu hình Mạng.

3. Nếu cần, nhập mật khẩu vào trường **Login (Đăng nhập)**, rồi bấm **Login (Đăng nhập)**.



Mật khẩu mặc định để quản lý thiết đặt của máy này nằm ở phía sau máy và được đánh dấu "Pwd". Đổi mật khẩu mặc định bằng cách làm theo hướng dẫn trên màn hình khi bạn đăng nhập lần đầu.

4. Trong thanh điều hướng bên trái, hãy nhấp vào **Address Book (Số Địa chỉ)**.



Nếu thanh điều hướng bên trái không hiển thị, hãy bắt đầu điều hướng từ ☰.

5. Nhấp vào số địa chỉ đích, rồi thêm hoặc cập nhật thông tin Danh bạ nếu cần.
6. Nhấp vào **Submit (Gửi)**.



Thông tin liên quan

- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)

Phụ lục

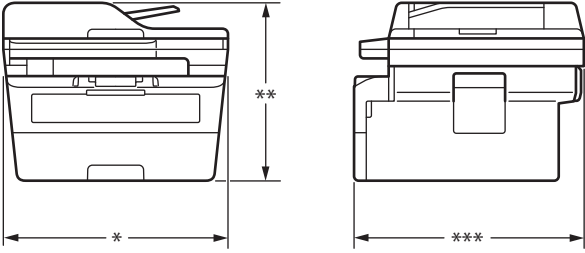
- Thông số kỹ thuật
- Vật tư
- Trợ giúp và hỗ trợ khách hàng của Brother

Thông số kỹ thuật

- >> Thông số kỹ thuật chung
- >> Thông số kỹ thuật về khổ tài liệu
- >> Thông số kỹ thuật của phương tiện in
- >> Các thông số kỹ thuật của Máy Fax
- >> Thông số kỹ thuật sao chép
- >> Các thông số kỹ thuật của Máy quét
- >> Thông số kỹ thuật của máy in
- >> Thông số kỹ thuật giao diện
- >> Giao thức và tính năng bảo mật được hỗ trợ
- >> Thông số kỹ thuật yêu cầu cho máy tính

Thông số kỹ thuật chung

Loại máy in		Laze
Phương thức in		Máy in laze quang điện tử
Dung lượng bộ nhớ	Tiêu chuẩn	256 MB
Màn hình tinh thể lỏng (LCD)		(Dành cho Hàn Quốc) 10 ký tự (2 byte) x 2 dòng / 20 ký tự (1 byte) x 2 dòng (Ngoại trừ Hàn Quốc) 16 ký tự x 2 dòng
Nguồn điện		220 V đến 240 V AC 50/60 Hz
Mức tiêu thụ điện năng (Trung bình)	Tối đa	Khoảng 920 W
	In¹	Khoảng 470 W ở 25°C
	In (Chế độ im lặng)¹	Khoảng 270 W ở 25°C
	Sao chép¹	Khoảng 490 W ở 25°C
	Sao chép (Chế độ im lặng)¹	Khoảng 280 W ở 25°C
	Sẵn sàng¹	Khoảng 43 W ở 25°C
	Ngủ¹	Khoảng 4,1 W
	Ngủ sâu¹	<ul style="list-style-type: none"> • (DCP-B7600DB) Khoảng 0,5 W • (DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/ DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/ MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB) Khoảng 0,6 W
Tắt nguồn^{1 2 3}		Khoảng 0,08 W
Kích thước (Đường viền điển hình) (DCP-B7600DB/DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB)		Đơn vị: mm <ul style="list-style-type: none"> • (DCP-B7600DB/DCP-B7620DW/ DCP-B7620DWB) * : 410 ** : 272 *** : 399 • (DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/ MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB) * : 410

(DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/ MFC-B7810DWB)				** : 319 *** : 399
Trọng lượng (có vật tư)		<ul style="list-style-type: none"> (DCP-B7600DB/DCP-B7620DW/ DCP-B7620DWB) 10,5 kg (DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB) 11,8 kg (MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB) 12,0 kg 		
Độ ồn	Áp suất âm thanh ⁴	In	LpAm = 49 dB (A)	
		In (Chế độ im lặng)	LpAm = 44 dB (A)	
		Sẵn sàng	LpAm = 30 dB(A)	
	Công suất âm thanh	In ⁴	LWAc = 6.63 B (A)	
		In (Chế độ im lặng)	LWAc = 6.12 B (A)	
		Sẵn sàng	LWAc = Không thể nghe thấy	
Nhiệt độ	Hoạt động	Từ 10 °C đến 32,5 °C		
	Lưu trữ	Từ 0 °C đến 40 °C		
Độ ẩm	Hoạt động	20% đến 80% (không có nước ngưng tụ)		
	Lưu trữ	35% đến 85% (không có nước ngưng tụ)		
Bộ nạp tài liệu tự động (ADF) (DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/ MFC-B7810DWB)		Lên đến 50 tờ Để có được kết quả tốt nhất chúng tôi khuyến nghị: <ul style="list-style-type: none"> Nhiệt độ: 20 °C đến 30 °C Độ ẩm: 50% đến 70% Giấy: 80 g/m² 		

1 Đo khi máy được kết nối bằng cùng kết nối mạng với phương thức kiểm tra ENERGY STAR Phiên bản 3.1.

2 Được đo theo IEC 62301 Phiên bản 2.0.

3 Mức tiêu thụ điện sẽ thay đổi đôi chút tùy theo môi trường sử dụng.

4 Đo theo phương thức được quy định trong ISO 7779.

Thông số kỹ thuật về khổ tài liệu

Khổ tài liệu	Độ rộng ADF ¹	105 mm đến 215,9 mm
	Độ dài ADF ¹	147,3 mm đến 355,6 mm
	Độ rộng kính máy quét	Tối đa 215,9 mm
	Độ dài kính máy quét	Tối đa 300 mm

¹ Chỉ áp dụng với các dòng máy ADF

Thông số kỹ thuật của phương tiện in

Đầu vào giấy	Khay giấy (Chuẩn)	Loại giấy	Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế, Giấy dày
		Khổ giấy	<ul style="list-style-type: none"> (Dành cho Hàn Quốc) A4, Letter, B5 (JIS), B5 (ISO), A5, A5 (Cạnh dài), B6 (JIS), A6, Executive, 16K (195x270 mm), A4 ngắn (giấy 270mm) (Dành cho các quốc gia khác) A4, Letter, B5 (JIS), B5 (ISO), A5, A5 (Cạnh dài), B6 (JIS), A6, Executive, Legal, Mexico Legal, India Legal, Folio, 16K (195x270 mm), A4 ngắn (giấy 270mm)
		Trọng lượng giấy	60 đến 163 g/m ² ¹
		Sức chứa giấy tối đa	Lên đến 250 tờ Giấy thường 80 g/m ²
	Khe nạp bằng tay	Loại giấy	Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy dày, Giấy dày hơn, Giấy tái chế, Giấy bông, Giấy nhẵn, Phong bì, Phong bì mỏng, Phong bì dày
		Khổ giấy	<ul style="list-style-type: none"> Chiều rộng: 76,2 đến 215,9 mm Chiều dài: 127 đến 355,6 mm Phong bì: COM-10, DL, C5, Monarch
		Trọng lượng giấy	60 đến 230 g/m ²
		Sức chứa giấy tối đa	Từng tờ một
Đầu ra giấy ²	Khay đầu ra hướng xuống		Lên đến 120 tờ (úp xuống để chạy đến khay đầu ra giấy úp xuống) ³
	Khay đầu ra hướng lên		Một tờ (nạp giấy ngửa lên đến khay đầu ra hướng lên)
2 mặt	In 2 mặt tự động	Loại giấy	Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế
		Khổ giấy	A4
		Trọng lượng giấy	60 đến 105 g/m ²

¹ Đối với giấy 105 g/m² trở lên, mở nắp sau để sử dụng khay đầu ra hướng lên.

² Đối với nhẵn, chúng tôi khuyến nghị nên lấy tờ nhẵn đã in ra khỏi khay giấy đầu ra ngay sau khi nhẵn xuất ra từ máy để tránh bị nhòe mực.

³ Được tính với giấy 80 g/m² trong môi trường ôn hòa, không ẩm ướt. Sức chứa của khay đầu ra thực tế có thể thay đổi tùy theo điều kiện môi trường.

Các thông số kỹ thuật của Máy Fax

LƯU Ý

Tính năng này dành cho các model MFC.

Tương thích	ITU-T Super Group 3
Hệ thống mã hóa	MH / MR / MMR / JBIG
Tốc độ modem	33.600 bps (có Dự phòng tự động)
Nhận bản in 2 mặt	(MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB) Có

Độ rộng quét	Tối đa 208 mm	
Độ rộng in	Tối đa 207,4 mm	
Thang độ xám	8 bit / 256 mức	
Độ phân giải	Ngang	203 dpi
	Đọc	Chuẩn: 98 dpi Mịn: 196 dpi Siêu mịn: 392 dpi Ảnh: 196 dpi
Danh bạ	(MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB) 200 vị trí	
Lỗi tắt	(MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB) 10 vị trí	
Nhóm	Lên đến 20	
Phát tin	(MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB) 260 vị trí	
Quay số lại tự động	3 lần ở quãng 5 phút	
Truyền bộ nhớ	(MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB) Lên đến 400 trang ¹	
Tiếp nhận khi hết giấy	(MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB) Lên đến 400 trang ¹	

¹ “Trang” là chỉ “Tài liệu ITU-T TestChart số 1” (thư thương mại thông thường, Độ phân giải chuẩn, mã JBIG).

Thông số kỹ thuật sao chép

Độ rộng bản sao	Tối đa 210 mm
Sắp xếp bản sao	Có
Xếp chồng bản sao	Lên đến 99 trang
Độ phân giải	Tối đa 600 x 600 dpi
Hết thời gian cho bản sao đầu tiên ¹	Dưới 10 giây ở 23°C

¹ Từ Chế độ sẵn sàng và khay tiêu chuẩn.

Các thông số kỹ thuật của Máy quét

Màu / Đen	Có / có
Tương thích TWAIN	Có (Windows 10 / Windows 11)
Tương thích WIA	Có (Windows 10 / Windows 11)
Tính tương thích của AirPrint	(DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/ MFC-B7810DW/MFC-B7810DWB) Có (macOS v11, v12, v13)
Độ sâu màu	<ul style="list-style-type: none"> Xử lý màu 30 bit (Đầu vào) Xử lý màu 24 bit (Đầu ra)
Thang đo màu Xám	<ul style="list-style-type: none"> Xử lý màu 10 bit (Đầu vào) Xử lý màu 8 bit (Đầu ra)

Độ phân giải ²	<ul style="list-style-type: none"> Lên đến 19200 x 19200 dpi (nội suy) Lên đến 1200 x 1200 dpi (từ Kính máy quét) Lên đến 600 x 600 dpi (từ ADF)¹
Độ rộng quét	Tối đa 210 mm

¹ Chỉ áp dụng với các dòng máy ADF

² Quét tối đa 1200 x 1200 dpi với trình điều khiển WIA ở Windows 10 và Windows 11 (có thể chọn độ phân giải lên đến 19200 x 19200 dpi bằng cách sử dụng tiện ích máy quét)

Thông số kỹ thuật của máy in

In 2 mặt tự động	Có
Mô phỏng	PCL6, BR-Script3, PDF Phiên bản 1.7
Độ phân giải	Lên đến 1200 x 1200 dpi
Tốc độ in ^{1 2}	In 1 mặt ³
	In 2 mặt
	Lên đến 34 trang/phút (khổ A4) Lên đến 36 trang/phút (khổ Letter)
	Lên đến 16 trang/phút (lên đến 8 tờ/phút) (khổ A4) Lên đến 17 trang/phút (Lên đến 8,5 tờ/phút) (khổ Letter)
Thời gian in lần đầu ⁴	Dưới 8,5 giây ở 23°C

¹ Tốc độ in có thể thay đổi tùy thuộc vào loại tài liệu mà bạn in.

² Tốc độ in có thể chậm hơn khi máy được kết nối bằng mạng LAN không dây.

³ Tốc độ in này dành cho in 1 mặt và được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734.

⁴ Từ chế độ Sẵn sàng và khay tiêu chuẩn.

Thông số kỹ thuật giao diện

USB	Loại: Cổng cắm USB Type B Phiên bản: USB 2.0 tốc độ cao ^{1 2} Sử dụng cáp giao diện USB 2.0 không dài quá 2 m.
LAN	(DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/ MFC-B7810DWB) 10Base-T/100Base-TX ³
LAN không dây	(DCP-B7620DW/DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/ MFC-B7810DWB) IEEE 802.11a/b/g/n (Chế độ Infrastructure) IEEE 802.11a/g/n (Wi-Fi Direct®)

¹ Máy của bạn có giao diện USB 2.0 tốc độ cao. Máy cũng có thể được kết nối với máy tính có giao diện USB 1.1.

² Thiết bị chia cổng USB bên thứ ba không được hỗ trợ.

³ Sử dụng cáp xoắn đôi thẳng suốt Loại 5 (trở lên).

Giao thức và tính năng bảo mật được hỗ trợ

Các giao thức và tính năng bảo mật được hỗ trợ có thể khác nhau tùy theo model.

Ethernet

10Base-T/100Base-TX

Mạng LAN không dây (2,4GHz)

IEEE 802.11b/g/n (Chế độ cơ sở hạ tầng), IEEE 802.11g/n (Wi-Fi Direct)

Mạng LAN không dây (5GHz)

IEEE 802.11a/n (Chế độ Infrastructure), IEEE 802.11a/n (Wi-Fi Direct)

Giao thức (IPv4)

ARP, RARP, BOOTP, DHCP, APIPA(Auto IP), phân giải tên WINS/NetBIOS, Trình phân giải DNS, mDNS, trình phân hồi LLMNR, LPR/LPD, Cổng thô tùy chỉnh/Port9100, POP3, Máy khách SMTP Client, IPP/IPPS, Máy khách và Máy chủ FTP, Máy khách CIFS, SNMPv1/v2c/v3, máy chủ HTTP/HTTPS, máy khách và máy chủ TFTP, ICMP, Dịch vụ web (In/Quét), Syslog, Máy khách SMTP, IMAP4, LDAP

Giao thức (IPv6)

NDP, RA, bộ phân giải DNS, mDNS, trình phân hồi LLMNR, LPR/LPD, Cổng thô tùy chỉnh/Port9100, IPP/IPPS, POP3, Máy khách SMTP, Máy khách và Máy chủ FTP, Máy khách CIFS, SNMPv1/v2c/v3, HTTP/HTTPS, máy khách và máy chủ TFTP, ICMPv6, Dịch vụ web (In/Quét), Syslog, Máy khách SMTP, IMAP4, LDAP

Bảo mật mạng (có dây)

APOP*, SMTP-AUTH, SSL/TLS (SMTP, HTTP, IPP, POP3*, IMAP4*, FTP), SNMP v3, 802.1x (EAP-MD5, EAP-FAST, PEAP, EAP-TLS, EAP-TTLS), OAuth(SMTP, POP3, IMAP4), Kerberos

*Khi đã tải xuống Internet FAX.

Bảo mật mạng (không dây)

APOP*, SMTP-AUTH, SSL/TLS (SMTP, HTTP, IPP, POP3*, IMAP4*, FTP), SNMP v3, 802.1x (EAP-FAST, PEAP, EAP-TLS, EAP-TTLS), OAuth(SMTP, POP3, IMAP4), Kerberos

*Khi đã tải xuống Internet FAX.

Bảo mật mạng không dây

WEP 64/128 bit, WPA-PSK (TKIP/AES), WPA2-PSK (TKIP/AES), WPA3-SAE (AES) (Wi-Fi Direct chỉ hỗ trợ WPA2-PSK (AES))

Chứng nhận không dây

Giấy phép dấu chứng nhận Wi-Fi (WPA3™ - Doanh nghiệp, Cá nhân), Giấy phép dấu định danh Wi-Fi™ (WPS), Wi-Fi CERTIFIED™ Wi-Fi Direct

Thông số kỹ thuật yêu cầu cho máy tính

Hệ điều hành và chức năng phần mềm được hỗ trợ

Để biết hệ điều hành được hỗ trợ mới nhất, hãy truy cập trang **Supported OS (HĐH được hỗ trợ)** cho model của bạn tại địa chỉ support.brother.com/os.

Nền tảng & phiên bản hệ điều hành của máy tính	Giao diện PC			Bộ xử lý	Dung lượng đĩa cứng để cài đặt ¹	
	USB ²	LAN có dây	LAN không dây		Đối với trình điều khiển	Đối với các ứng dụng (bao gồm Trình điều khiển)
Windows 10 Home / 10 Pro / 10 Education / 10 Enterprise ^{4 5}	In PC Fax ³			Bộ xử lý 32 bit (x86) hoặc 64 bit (x64)	80 MB	1,8 GB
Windows 11 Home / 11 Pro / 11 Education / 11 Enterprise ^{4 5}	Quét			Bộ xử lý 64 bit (x64)		
Windows Server 2012	In	In		Bộ xử lý 64 bit (x64)	80 MB	80 MB
Windows Server 2012 R2	Quét					
Windows Server 2016						
Windows Server 2019						
Windows Server 2022						

macOS v11 ⁶	In	Bộ xử lý 64 bit	Không áp dụng	500 MB
macOS v12 ⁶	PC-Fax (Gửi) ³			
macOS v13 ⁶	Quét			
Chrome OS	In Quét	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

- 1 Cần có kết nối Internet để cài đặt phần mềm nếu đĩa cài đặt không được cung cấp.
- 2 Cổng USB bên thứ ba không được hỗ trợ.
- 3 PC-Fax chỉ hỗ trợ màu đen và trắng.
- 4 Đối với WIA, độ phân giải 1200x1200. Brother Scanner Utility có thể nâng lên đến độ phân giải lên tới 19200 x 19200 dpi.
- 5 PaperPort™ 14SE hỗ trợ Windows 10 và Windows 11.
- 6 Tuyên bố miễn trách với macOS Khả năng AirPrint: In, quét và gửi fax trên máy tính (Gửi) qua macOS cần sử dụng AirPrint. Trình điều khiển Mac không được cung cấp cho máy này.

Để biết bản cập nhật trình điều khiển mới nhất, hãy truy cập trang **Downloads** cho model của bạn tại địa chỉ support.brother.com/downloads.

Tất cả các nhãn hiệu, thương hiệu và tên sản phẩm là tài sản của các công ty tương ứng.



Thông tin liên quan

- [Phụ lục](#)

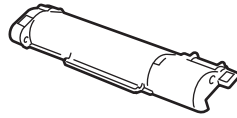
Vật tư

Khi đến lúc phải thay các vật tư như hộp mực hoặc bộ trống mực, một thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển của máy hoặc trong Status Monitor. Để biết thêm thông tin về vật tư dành cho máy của bạn, hãy truy cập www.brother.com/original hoặc liên hệ với đại lý Brother tại địa phương bạn.



Mã sản phẩm cung cấp khác nhau tùy theo quốc gia và khu vực.

Hộp mực

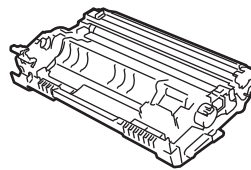


Mã sản phẩm cung cấp	Tuổi thọ ước tính (Hiệu suất giấy)	Model áp dụng
TN-B021 (Dành cho Ấn Độ) TNB027 (Dành cho Indonesia và Việt Nam) TNB026 (Dành cho Hàn Quốc)	Khoảng 2.600 trang ^{1 2}	DCP-B7600DB/DCP-B7620DW/ DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/ DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/ MFC-B7810DWB
Mực Inbox: (Được cung cấp kèm theo máy)	Khoảng 2.600 trang ^{1 2}	DCP-B7600DB/DCP-B7620DW/ DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/ DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/ MFC-B7810DWB

¹ Hiệu suất hộp mực ước tính được tuyên bố theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752.

² Trang đơn A4/Letter

Bộ trống mực



Bộ trống mực:		
Mã sản phẩm cung cấp	Tuổi thọ ước tính (Hiệu suất giấy)	Model áp dụng
DR-B021 (Dành cho Ấn Độ) DRB027 (Dành cho Indonesia và Việt Nam) DRB026 (Dành cho Hàn Quốc)	Khoảng 12.000 trang ¹	DCP-B7600DB/DCP-B7620DW/ DCP-B7620DWB/DCP-B7640DW/ DCP-B7640DWB/MFC-B7810DW/ MFC-B7810DWB



Thông tin liên quan

- [Phụ lục](#)

¹ Khoảng 12.000 trang dựa trên một trang trên mỗi công việc (trang một mặt A4/Letter). Số trang có thể bị ảnh hưởng do nhiều yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn loại phương tiện và kích thước phương tiện.

Trợ giúp và hỗ trợ khách hàng của Brother

Nếu bạn cần trợ giúp về cách sử dụng sản phẩm Brother, hãy truy cập support.brother.com để biết các câu hỏi thường gặp và gợi ý khắc phục sự cố. Bạn cũng có thể tải xuống phần mềm, trình điều khiển và firmware mới nhất để cải thiện hiệu suất của máy và tài liệu hướng dẫn người dùng để tìm hiểu cách tận dụng tối đa sản phẩm Brother của bạn.

Thông tin hỗ trợ và sản phẩm khác hiện có trên trang web của văn phòng Brother tại địa phương của bạn. Hãy truy cập www.brother.com để tìm thông tin liên hệ của văn phòng Brother tại địa phương và để đăng ký sản phẩm mới của bạn.



Thông tin liên quan

- [Phụ lục](#)
-

brother

Các máy này chỉ được phê duyệt để sử dụng tại quốc gia mua hàng. Các công ty hoặc đại lý của Brother tại địa phương chỉ có thể hỗ trợ các máy được mua tại các quốc gia của mình.



VNM
Phiên bản 0